

Số: 322/QĐ-HĐT-MNTL

Tràng Lương, ngày 22 tháng 08 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Phê duyệt Chương trình giáo dục nhà trường năm học 2023- 2024

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG TRƯỜNG MẦM NON TRÀNG LƯƠNG

Căn cứ thông tư 52/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 của BGD&ĐT ban hành điều lệ trường mầm non;

Căn cứ vào Văn bản hợp nhất Số: 01/VBHN-BGDĐT ngày 13 tháng 4 năm 2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo thông tư ban hành chương trình giáo dục mầm non.

Căn cứ vào Hướng dẫn số 1454/PGD&ĐT ngày 21/8/2024 của phòng Giáo dục Đào tạo Đông Triều về việc hướng dẫn kế hoạch thời gian năm học 2024 - 2025;

Căn cứ vào tờ trình số 314/TTr-MNTL ngày 16/8/2024 của Ban xây dựng chương trình giáo dục nhà trường năm học 2024 - 2025 (có chương trình giáo dục kèm theo)

Căn cứ vào báo cáo kết quả thực hiện xây dựng chương trình giáo dục nhà trường năm học 2024 - 2025 của Ban xây dựng chương trình giáo dục trường mầm non Tràng Lương;

Xét đề nghị của bộ phận chuyên môn trường mầm non Tràng Lương

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Quyết định công nhận chương trình giáo dục nhà trường năm học 2024 - 2025 của trường Mầm non Tràng Lương:

Điều 2. Ban xây dựng chương trình giáo dục nhà trường năm học 2024 – 2025 và toàn thể cán bộ, giáo viên của trường tổ chức thực hiện theo đúng nội dung chương trình giáo dục nhà trường năm học 2024 - 2025 đã đề ra.

Điều 3. Bộ phận chuyên môn và toàn thể cán bộ, giáo viên, nhân viên chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3 (t/h);
- Lưu: VT.

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG
(Đã ký)

Nguyễn Thị Phong
HIỆU TRƯỞNG

KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG NĂM HỌC 2024 - 2025
 (Ban hành kèm theo Quyết định số 301-QĐ/MNTL ngày 07 tháng 8 năm 2024)

I. CĂN CỨ XÂY DỰNG:

Căn cứ Luật giáo dục 2019 (Điều 25, khoản 1).

- Căn cứ Thông tư 51/2020/TT-BGDĐT ngày 31/12/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT sửa đổi, bổ sung một số nội dung của Chương trình giáo dục mầm non ban hành kèm theo ban hành kèm theo Thông tư 17/2009/TT-BGDĐT ngày 25/07/2009 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT, đã được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 28/2016/TT-BGD&ĐT ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT, có hiệu lực kể từ ngày 31 tháng 3 năm 2021; Văn bản hợp nhất số 01/2021/VBHN-BGDĐT ngày 13/04/2021 thông tư ban hành Chương trình Giáo dục mầm non của Bộ Giáo dục và Đào tạo;

Căn cứ Quyết định số 2324/QĐ-UBND ngày 09/8/2024 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc ban hành kế hoạch thời gian năm học 2024 - 2025 của giáo dục mầm non, giáo dục phổ thông và giáo dục thường xuyên trên địa bàn tỉnh Quảng Ninh; Hướng dẫn số 2722/HD-SGDĐT ngày 21/8/2024 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc tổ chức cho học sinh tựu trường, khai giảng năm học 2024 - 2025;

Căn cứ công văn số 1454/HD- .PGD&ĐT- Hướng dẫn thực hiện kế hoạch thời gian năm học 2024 -2025 và hướng dẫn tổ chức tựu trường, khai giảng năm học 2024-2025 của Phòng giáo dục và Đào tạo thị xã Đông Triều;

Căn cứ vào Kết quả đánh giá thực hiện chương trình giáo dục năm học 2023-2024 của trường mầm non Tràng Lương Căn cứ vào đặc điểm phát triển tâm sinh lý, nhận thức của trẻ mầm non;

Căn cứ vào cơ sở vật chất nhà trường, bối cảnh văn hóa – xã hội mang tính vùng miền, địa phương đòi hỏi phát triển chương trình giáo dục nhà trường cho phù hợp với đặc điểm, khả năng và nhu cầu của trẻ; phù hợp với đặc điểm văn hóa – xã hội và điều kiện thực tế của trường mầm non Tràng Lương và của địa phương.

Ban xây dựng Kế hoạch giáo dục và phát triển chương trình giáo dục nhà trường năm học 2024 - 2025 xây dựng Kế hoạch giáo dục và phát triển chương trình giáo dục nhà trường như sau:

II. BỐI CẢNH, ĐIỀU KIỆN CỦA NHÀ TRƯỜNG

1. Bối cảnh bên ngoài:

1.1. Thời cơ

Sau đại hội Đảng các cấp lần thứ XIII, tỉnh Quảng Ninh một lần nữa chú trọng tiếp tục đẩy mạnh việc thực hiện chủ trương về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo nhằm thực hiện tích cực Quyết định số 131/QĐ-TTg của Thủ tướng Chính phủ về việc Phê duyệt Đề án “Tăng cường ứng dụng công nghệ thông tin và chuyển đổi số trong giáo dục và đào tạo giai đoạn 2022 - 2025, định hướng đến năm 2030”; đổi mới căn bản, toàn diện Giáo dục và Đào tạo, đáp ứng nhu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế. Thực hiện Nghị quyết Đại hội Đảng bộ thị xã Đông Triều lần thứ XXV, nhiệm kỳ 2020-2025. Nghị quyết số 100-NQ/TU ngày 29/8/2022 của Ban chấp hành Đảng bộ thị xã về phê duyệt đề án phát triển giáo dục và đào tạo đến năm 2025 định hướng đến năm 2030. Phòng Giáo dục đào tạo thị xã Đông Triều lại tiếp tục rà soát các trường có điều kiện tiến xa hơn lộ trình trường đạt chuẩn Quốc Gia và trong đó có trường Mầm non Tràng Lương.

- Trường Mầm non Tràng Lương là một trường công lập đóng trên địa bàn xã Tràng Lương, thị xã Đông Triều, tỉnh Quảng Ninh. Là một xã miền núi nằm ở phía đông bắc Thị xã Đông Triều và là một địa phương giàu bản sắc dân tộc với 11 dân tộc sinh sống trên địa bàn.

- Trình độ dân trí tại địa phương không đồng đều chưa quan tâm nhiều đến giáo dục nên việc đầu tư, quan tâm, chăm lo cho việc học của con em, nhất là lứa tuổi mầm non là chưa được sát sao.

- Công tác xã hội hoá giáo dục chưa được phu huynh hưởng ứng cao, công tác chăm sóc và giáo dục của nhà trường luôn được sự quan tâm của của Đảng uỷ, chính quyền, các ban ngành đoàn thể địa phương, đặc biệt luôn được sự chỉ đạo tận tình của Phòng GD&ĐT Đông Triều cũng như các ban ngành đoàn thể của UBND thị xã Đông Triều đã đầu tư xây dựng cơ sở vật chất đáp ứng đảm bảo nhu cầu của đơn vị.

- Tình hình chính trị xã hội tại địa phương ổn định, các chủ trương chính sách về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo cũng như triển khai thực hiện các chuyên đề “Xây dựng trường mầm non lấy trẻ làm trung tâm” các giai đoạn của chương trình giáo dục mầm non đã dần đi vào cuộc sống, giúp nâng cao nhận thức, chung tay hành động của gia đình, xã hội và cộng đồng.

1.2. Thách thức

- Hiện nay, sự phát triển mạnh mẽ của khoa học và công nghệ hiện đại cho thấy kiến thức không thể chỉ nằm trong phạm vi các tài liệu in ấn hoặc chương trình giáo dục được quy định sẵn.

- Sự phát triển của trẻ em cũng như nhu cầu của trẻ em hiện nay có những thay đổi trước sự phát triển của khoa học, công nghệ và biến đổi của đời sống kinh tế - xã hội.

Xã hội phát triển việc hội nhập quốc tế trong giáo dục đào tạo ngày được quan tâm và đảm bảo chất lượng cao vì thế để đảm bảo việc hội nhập quốc tế Trường mầm non Tràng Lương đòi hỏi chất lượng chăm sóc giáo dục phải luôn được chú trọng và

nâng cao. Điều này đòi hỏi, CBQL nhà trường cần đổi mới quan điểm quản lý, chỉ đạo; các mối quan hệ xã hội, trong cách nghĩ, cách làm; trong thực hiện chính sách và động viên, khen thưởng kịp thời.

- Chất lượng đào tạo, bồi dưỡng nhà giáo và CBQL tại trường MN cần phải đảm bảo nâng cao năng lực, chuẩn hóa về chuyên môn, nghiệp vụ, phẩm chất nghề nghiệp và các kỹ năng về công nghệ thông tin để đáp ứng yêu cầu đổi mới chương trình GDMN, góp phần thực hiện đổi mới căn bản, toàn diện GDĐT nhằm nâng cao chất lượng đội ngũ giáo viên và CBQL trên địa bàn xã nói riêng và thị xã Đông Triều nói chung

- Tiềm năng kinh tế của địa phương xã Tràng Lương là vùng núi lên phát triển chậm, chủ yếu là làm rừng và nông nghiệp. Tuy nhiên, do tình hình dịch bệnh Covid-19 xảy ra nhiều năm liên tục đã làm giảm chất lượng kinh tế, ảnh hưởng đến mức thu nhập người dân trong vùng dẫn đến chưa đồng đều.

2. Bối cảnh bên trong nhà trường

2.1. Điểm mạnh

a) Truyền thống nhà trường

- Trường Mầm non Tràng Lương được thành lập từ năm 1978 lấy tên trường Mẫu giáo Tràng Lương, đến năm 2005 đổi tên là trường mầm non Tràng Lương. Điểm trung tâm của trường nằm tại thôn Năm Giai xã Tràng Lương với tổng diện tích là: 4,987,5m². Hiện nay trường có 9 nhóm, lớp mẫu giáo với tổng số 188 học sinh và 21 CBGVNV.

- Trong nhiều năm xây dựng và phát triển, nhà trường đã có nhiều đóng góp tích cực, hiệu quả vào sự nghiệp giáo dục của địa phương. Tháng 11/2013 trường được công nhận trường mầm non đạt Chuẩn Quốc gia mức độ I theo Quyết định số 3146/QĐ - UBND ngày 15/11/2013 do Phó chủ tịch UBND tỉnh Quảng Ninh bà Vũ Thị Thu Thủy đã ký. Đến năm 2018 Trường được công nhận lại trường mầm non đạt chuẩn quốc gia mức độ 1 theo Quyết định số 1733/QĐ- SGD&ĐT ngày 01/11/2018.

- Tập thể trường Mầm non Tràng Lương đã không ngừng nỗ lực phấn đấu vươn lên duy trì chất lượng, hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao và đạt được nhiều thành tích cao, cụ thể:

- Tập thể nhà trường nhiều năm liên đạt danh hiệu Tập thể lao động tiên tiến.
- Nhiều năm liên được UBND thị xã tặng giấy khen.
- Được SGD&ĐT tặng giấy khen năm học 2019-2020.
- Tập thể nhà trường 2 năm liên 2020-2021; 2021-2022 đạt danh hiệu Tập thể lao động xuất sắc.
- Được UBND tỉnh tặng bằng khen năm học 2021-2022.

b) Nguồn lực

- Trường có 1 điểm trường tại địa chỉ Thôn Năm Giai xã Trảng Lương - thị xã Đông Triều - Quảng Ninh. Môi trường sạch sẽ, thoáng mát, an toàn, đi lại thuận lợi, đảm bảo an toàn giao thông.

- Diện tích đất: 4,987,5m².

- Diện tích xây dựng của nhà trường là 1.700 m² (*bình quân/trẻ là 8,7 m²/trẻ*).

- Tổng số phòng học hiện có là 09 phòng/09 nhóm, lớp (Trong đó có 04 phòng học nhờ các phòng chức năng; diện tích bình quân mỗi phòng từ 20 – 60m² , các phòng chức năng được trang bị đầy đủ các trang thiết bị phục vụ công tác chăm sóc nuôi dưỡng và giáo dục trẻ mầm non.

- Tài chính, ngân sách đáp ứng đảm bảo nhu cầu cho các hoạt động trong nhà trường.

c) Đội ngũ giáo viên nhân viên và cán bộ quản lý

- Toàn trường có 21 CBGVNV (CBQL: 03; GV: 17; NV: 02); Người lao động: 07 người trong đó:

+ Ban Giám hiệu trường có 03 đồng chí đều có trình độ chuyên môn cao: 03 Đại học. BGH được quy hoạch tại chỗ Hàng năm hiệu trưởng, phó hiệu trưởng đều được đánh giá, xếp loại tốt theo Quy định Chuẩn hiệu trưởng, phó hiệu trưởng. Ban giám hiệu đều tham gia đầy đủ các lớp bồi dưỡng chính trị, chuyên môn nghiệp vụ quản lý trường học, có kinh nghiệm trong công tác quản lý, luôn thống nhất trong kế hoạch chỉ đạo công tác chăm sóc giáo dục của nhà trường; dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm; đoàn kết, sáng tạo, hỗ trợ nhau trong công tác để cùng nhau hoàn thành nhiệm vụ.

+ Đội ngũ giáo viên của trường có 16 người, với trình độ chuyên môn đạt chuẩn 100%. Trên chuẩn 16/17 đạt 94%. Lực lượng giáo viên trường luôn vững vàng về tư tưởng chính trị, có phẩm chất đạo đức tốt, lối sống lành mạnh, đoàn kết, giản dị, yêu nghề mến trẻ, tôn trọng và đối xử công bằng với trẻ. Tập thể giáo viên luôn hòa đồng, thể hiện tinh thần sáng tạo, giúp đỡ nhau tận tình qua học tập các chuyên đề, sinh hoạt chuyên môn; tích cực tham gia các phong trào thi đua do Đảng, Nhà nước, Ngành giáo dục, nhà trường phát động và đạt nhiều thành tích cao

+ Đội ngũ nhân viên của trường: 02 người Trình độ chuyên môn: 01 kế toán – Đại học, 01 nhân viên y tế có bằng TCYS đa khoa.

+ Người lao động: 02 bảo vệ, 04 CD ; 01 lao công.

- Cơ cấu, phân bổ đội ngũ giáo viên nhân viên cho các nhóm/lớp và các bộ phận đảm bảo chức năng và vị trí việc làm trong nhà trường. Đặc biệt phân công giáo viên có trình độ chuyên môn, nhiều kinh nghiệm và tâm huyết đảm nhận phụ trách 02 lớp mẫu giáo 5-6 tuổi.

d) Trẻ

Tỉ lệ tuyển sinh năm học 2024-2025 đạt 100% chỉ tiêu ngành giao. Năm học 2024-2025 trường có 09 nhóm lớp với tổng số học sinh huy động đầu năm là 192, trong đó 03 nhóm trẻ và 06 lớp Mẫu giáo. Tỉ lệ trẻ đến lớp tương đối chuyên cần.

2.2. Điểm yếu

- Cơ sở vật chất hiện tại trường còn thiếu 04 phòng học; 01 thể chất; 01 phòng đa năng. Chưa có hệ thống camera lớp học. Một số đồ dùng đồ chơi theo thông tư 02 đã được cấp nhiều năm đến nay đã cũ hỏng nhiều.

2.3. Tầm nhìn, sứ mệnh, giá trị cốt lõi

Tầm nhìn

Trường Mầm non Tràng Lương sẽ trở thành một ngôi trường hạnh phúc có chất lượng chăm sóc giáo dục trẻ toàn diện đạt tiêu chuẩn Quốc gia.

Sứ mệnh

Trường Mầm non Tràng Lương Tạo dựng môi trường học tập vui chơi, an toàn lành mạnh, thân thiện để phát huy óc sáng tạo, tư duy của trẻ là nơi ươm mầm yêu thương và lòng biết ơn cuộc sống.

Giá trị cốt lõi

Giữ gìn những giá trị mang tính tốt đẹp nhân văn trong môi trường giáo dục. Chất lượng, chuyên nghiệp và hiệu quả là mục tiêu hàng đầu, là nguyên tắc và định hướng cho các hoạt động nuôi dưỡng chăm sóc giáo dục trẻ, là yếu tố quyết định cho sự phát triển trong xây dựng trường học hạnh phúc, lớp học hạnh phúc, giáo viên hạnh phúc, trẻ hạnh phúc với phương châm “Bỏ áp lực thành tích - Mang đến điều con thích”.

III. XÁC ĐỊNH MỤC TIÊU CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG

1. Mục tiêu chung

Giúp trẻ em phát triển về thể chất, tình cảm, trí tuệ, thẩm mỹ, hình thành những yếu tố đầu tiên của nhân cách, chuẩn bị cho trẻ em vào lớp một; Giúp trẻ em phát triển về thể chất, tình cảm, trí tuệ, thẩm mỹ; Hình thành những yếu tố đầu tiên của nhân cách, khơi dậy những khả năng tiềm ẩn trong mỗi đứa trẻ, **cho trẻ tiếp cận với công nghệ kỹ thuật số**, hình thành và phát triển tư duy số, hành động số và hạnh phúc số cho trẻ tạo tiền đề cho trẻ dần trở thành một công dân số trong tương lai. **Bước đầu làm quen với tiếng Anh cơ bản**, hình thành và phát triển ở trẻ những năng lực phẩm chất để trở thành công dân toàn cầu.

IV. XÂY DỰNG KẾ HOẠCH GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG

1. Xác định mục tiêu cụ thể theo từng lĩnh vực giáo dục¹

a) Chương trình giáo dục nhà trẻ:

¹ Trên cơ sở mục tiêu chung của chương trình nhà trường đã được xác định, cần xác định mục tiêu giáo dục trẻ cuối độ tuổi, kết quả mong đợi theo từng độ tuổi trong chương trình và sự phát triển của trẻ từng độ tuổi trong thực tế.

I. PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT

- Khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi.
- Thích nghi với chế độ sinh hoạt ở nhà trẻ.
- Thực hiện được *đầy đủ* các vận động cơ bản theo độ tuổi.
- Có một số tố chất vận động ban đầu (nhạy nẹn, khéo léo, thăng bằng cơ thể).
- Có khả năng phối hợp khéo léo cử động bàn tay, ngón tay.
- *Có khả năng phối hợp các giác quan để thực hiện một số hoạt động.*
- Có khả năng làm được một số việc tự phục vụ trong ăn, ngủ và vệ sinh cá nhân.
- *Có một số hiểu biết về thực phẩm, ích lợi của việc ăn uống đầy đủ đối với sức khỏe và phòng chống dịch bệnh.*
- *Có một số thói quen, kỹ năng tốt trong ăn uống, giữ gìn sức khỏe và đảm bảo sự an toàn của bản thân của bạn.*

II. PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC

- Thích tìm hiểu, khám phá thế giới xung quanh.
- Có sự nhạy cảm của các giác quan.
- Có khả năng quan sát, nhận xét, ghi nhớ và diễn đạt hiểu biết bằng những câu nói đơn giản.
- Có một số hiểu biết ban đầu về bản thân và các sự vật, hiện tượng gần gũi quen thuộc.

III. PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ

- Nghe hiểu được các yêu cầu đơn giản bằng lời nói.
- Biết hỏi và trả lời một số câu hỏi đơn giản bằng lời nói, cử chỉ.
- Sử dụng lời nói để giao tiếp, diễn đạt nhu cầu.
- Có khả năng cảm nhận vần điệu, nhịp điệu của câu thơ và ngữ điệu của lời nói.
- Hồn nhiên trong giao tiếp.

IV. PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM, KỸ NĂNG XÃ HỘI VÀ THẨM MỸ

- Có ý thức về bản thân, mạnh dạn giao tiếp với những người gần gũi.
- Có khả năng cảm nhận và biểu lộ cảm xúc với con người, sự vật gần gũi.
- Thực hiện được một số quy định đơn giản trong sinh hoạt.
- Thích nghe hát, hát và vận động theo nhạc; thích vẽ, xé dán, xếp hình; thích nghe đọc thơ, kể chuyện....[4]

b) Chương trình giáo dục mẫu giáo:

a. PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT

- Khỏe mạnh, cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi.
- Có một số tố chất vận động: nhanh nẹn, mạnh mẽ, khéo léo và bền bỉ[35].
- Thực hiện được các vận động cơ bản *một cách vững vàng, đúng tư thế.*

- Có khả năng phối hợp các giác quan và vận động; vận động nhịp nhàng, biết định hướng trong không gian.

- Có khả năng làm được một số việc tự phục vụ trong ăn, ngủ và vệ sinh cá nhân.

- Có kỹ năng trong một số hoạt động cần sự khéo léo của đôi tay.

- *Có khả năng phối hợp các giác quan để thực hiện một số hoạt động.*

- Có một số hiểu biết về thực phẩm và ích lợi của việc ăn uống đối với sức khỏe và *phòng tránh bệnh tật.*

- Có một số thói quen, kỹ năng tốt trong ăn uống, giữ gìn sức khỏe và đảm bảo sự an toàn của bản thân và của bạn.

II. PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC

- Ham hiểu biết, thích khám phá, tìm tòi các sự vật, hiện tượng xung quanh.

- *Ham hiểu biết, thích khám phá văn hóa địa phương, văn hóa vùng miền.*

- Có khả năng quan sát, so sánh, phân loại, phán đoán, chú ý, ghi nhớ có chủ định.

- Có khả năng phát hiện và giải quyết vấn đề đơn giản theo những cách khác nhau.

- Có khả năng diễn đạt sự hiểu biết bằng các cách khác nhau (bằng hành động, hình ảnh, lời nói...) với ngôn ngữ nói là chủ yếu.

- Có một số hiểu biết ban đầu về con người, sự vật, hiện tượng xung quanh và một số khái niệm sơ đẳng về toán.

- *Có khả năng sử dụng máy tính trong chơi trò chơi, các hoạt động khám phá, hoạt động nhận thức tìm hiểu về kiến thức, rèn các kỹ năng phù hợp với độ tuổi.*

- *Nhận biết, gọi đúng tên các trang thiết bị ứng dụng công nghệ thông tin, tin học*

- *Thực hiện các yêu cầu của hoạt động , trò chơi trên các phần mềm học tập cũng như vui chơi theo các lĩnh vực phát triển khi được yêu cầu.*

- Có hứng thú với khám phá thiết bị số thông qua các hoạt động học tập, vui chơi và tích cực tham gia các hoạt động làm quen với tin học;

III. PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ

- Có khả năng lắng nghe, hiểu lời nói trong giao tiếp hằng ngày.

- Có khả năng biểu đạt bằng nhiều cách khác nhau (lời nói, nét mặt, cử chỉ, điệu bộ...).

- Diễn đạt rõ ràng và giao tiếp có văn hóa trong cuộc sống hàng ngày.

- Có khả năng nghe và kể lại sự việc, kể lại truyện.

- Có khả năng cảm nhận vần điệu, nhịp điệu của bài thơ, ca dao, đồng dao phù hợp với độ tuổi.

- Có một số kỹ năng ban đầu về việc đọc và viết.

- *Có khả năng nói và phát âm một số từ, câu đơn giản bằng tiếng Anh phù hợp với độ tuổi.*

- *Nghe hiểu và thực hiện được một số yêu cầu trong hoạt động ứng dụng công nghệ số vào làm quen với tin học;*

- *Nghe hiểu và thực hiện được các thao tác trên thiết bị, phương tiện thiết bị số khi tham gia các trò chơi phù hợp với lứa tuổi;*

IV. PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM VÀ KỸ NĂNG XÃ HỘI

- Có ý thức về bản thân.

- Có khả năng nhận biết và thể hiện tình cảm với con người, sự vật, hiện tượng xung quanh.

- Có một số phẩm chất cá nhân: mạnh dạn, tự tin, tự lực.

- Có một số kỹ năng sống: tôn trọng, hợp tác, thân thiện, quan tâm, chia sẻ.

- Thực hiện một số quy tắc, quy định trong sinh hoạt ở gia đình, trường lớp mầm non, cộng đồng gần gũi.

- *Mạnh dạn và tự tin tham gia vào các hoạt động ứng dụng CNTT, chuyển đổi số cho trẻ mầm non.*

- *Có ý thức tôn trọng, bảo tồn, gìn giữ văn hóa vùng miền, văn hóa địa phương.*

V. PHÁT TRIỂN THẨM MỸ

- Có khả năng cảm nhận vẻ đẹp trong thiên nhiên, cuộc sống và trong tác phẩm nghệ thuật.

- Có khả năng thể hiện cảm xúc, sáng tạo trong các hoạt động âm nhạc, tạo hình.

- Yêu thích, hào hứng tham gia vào các hoạt động nghệ thuật; có ý thức giữ gìn và bảo vệ cái đẹp.

- *Có khả năng sử dụng các nguyên liệu sẵn có tại địa phương để tạo ra sản phẩm nghệ thuật mang đậm bản sắc dân tộc vùng miền.*

- *Bước đầu tiếp cận với các thể loại nhạc dân tộc đặc trưng vùng miền nơi trẻ sống, các thể loại nhạc không lời, bản nhạc nước ngoài, bản nhạc bằng tiếng anh, song ngữ.*

2. Kế hoạch thực hiện²

a) Phân phối thời gian:

Chương trình thiết kế 35 tuần/năm học. Học kỳ I: 19 tuần (Từ ngày 5/9/2023 đến ngày 12/01/2024); học kỳ II: 16 tuần bắt đầu từ ngày 15/01/2024 đến ngày 24/5/2024. Mỗi tuần làm việc 5 ngày, từ thứ 2 đến thứ 6. Kế hoạch chăm sóc, giáo dục hàng ngày thực hiện theo chế độ sinh hoạt cho từng độ tuổi phù hợp với sự phát triển của trẻ và điều kiện của nhà trường theo công Văn số: 1292/PGD&ĐT, ngày 16 tháng 8 năm 2023 của Phòng Giáo dục và Đào tạo thị xã Đông Triều về việc thực hiện khung thời gian năm học 2023 - 2024 và hướng dẫn một số nội dung chuẩn bị cho năm học 2023 - 2024.

² Mục B của Phần hai và phần ba Chương trình GDMN

Thời điểm nghỉ hè, lễ tết, nghỉ học kỳ theo quy định chung của toàn ngành.

b) Chế độ sinh hoạt.

- Nhà trẻ từ 12- 24 tháng tuổi.

MÙA HÈ		MÙA ĐÔNG	
Thời gian	Hoạt động	Thời gian	Hoạt động
6h45' -7h15'	Đón trẻ	7h00'-7h30'	Đón trẻ
7h15'-9h15'	Chơi - Tập	7h30'- 8h30'	Chơi - Tập
9h15'-9h45'	Ngủ	8h30'- 10h00'	Ngủ
9h45'- 10h45'	Ăn chính	10h00'-11h00'	Ăn chính
10h45'-11h45'	Chơi- tập	11h00'-12h00'	Chơi- tập
11h45'-12h15'	Ăn phụ	12h00'- 12h30'	Ăn phụ
12h15'-14h15'	Ngủ	12h30'-14h30'	Ngủ
14h15'-15h15'	Ăn chính	14h30'-15h30'	Ăn chính
15h15- 16h45	Chơi- trả trẻ	15h30'– 17h00'	Chơi- trả trẻ

- Nhà trẻ 24 - 36 tháng tuổi

MÙA HÈ		MÙA ĐÔNG	
Thời gian	Hoạt động	Thời gian	Hoạt động
6h45' -7h15'	Đón trẻ	7h00'-7h30'	Đón trẻ
7h15'-8h15'	Chơi - Tập	7h30'- 8h30'	Chơi - Tập
8h15'-9h45'	Ngủ	8h30'- 10h00'	Ngủ
9h45'- 10h45'	Ăn chính	10h00'-11h00'	Ăn chính
10h45'-11h45'	Chơi- tập	11h00'-12h00'	Chơi- tập
11h45'-12h15'	Ăn phụ	12h00'- 12h30'	Ăn phụ
12h15'-14h15'	Ngủ	12h30'-14h30'	Ngủ
14h15'-15h15'	Ăn chính	14h30'-15h30'	Ăn chính

- Mẫu giáo:

MÙA HÈ		MÙA ĐÔNG	
Thời gian	Hoạt động	Thời gian	Hoạt động
6h45' -8h00'	Đón trẻ, chơi, thể dục sáng.	7h00' - 8h15'	Đón trẻ, chơi, thể dục sáng
8h00'-8h40'	Hoạt động học	8h15'-8h55'	Hoạt động học
8h40'-9h30'	Chơi, hoạt động ở các góc	8h55'-9h45'	Chơi, hoạt động ở các góc
9h30'- 10h10'	Chơi ngoài trời	9h45'- 10h25'	Chơi ngoài trời
10h10'-11h10p	Ăn bữa chính	10h25'-11h35p	Ăn bữa chính
11h10'-13h40'	Ngủ	11h35'-13h55'	Ngủ

13h40'-14h10'	Ăn bữa phụ	13h55'-14h25'	Ăn bữa phụ
14h10'-15h30'	Chơi, hoạt động theo ý thích	14h25'-15h45'	Chơi, hoạt động theo ý thích
15h30'- 16h40'	Trẻ chuẩn bị ra về và trả trẻ	15h45'-16h55'	Trẻ chuẩn bị ra về và trả trẻ

3. Nội dung nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục trẻ theo độ tuổi³ và Kết quả mong đợi (mục tiêu)⁴

3.1. Nuôi dưỡng và chăm sóc sức khỏe:

A, Nhà Trẻ:

- Xây dựng chế độ ăn, khẩu phần ăn phù hợp với độ tuổi

Nhóm tuổi	Chế độ ăn	Nhu cầu khuyến nghị năng lượng/ngày/trẻ	Nhu cầu khuyến nghị năng lượng tại cơ sở giáo dục mầm non/ ngày/trẻ (chiếm 60 - 70% nhu cầu cả ngày)	
12 – 24 tháng	12- 18 tháng	Cháo + sữa mẹ	930-1000 Kcal	600 – 651 Kcal
	18- 24 tháng	Cơm nát- sữa mẹ		
24-36 tháng	Cơm thường		930-1000 Kcal Kcalo	600 – 651

- Số bữa ăn tại cơ sở giáo dục mầm non: Hai bữa chính và một bữa phụ.

+ *Năng lượng phân phối cho các bữa ăn:* Bữa ăn buổi trưa cung cấp từ 30% đến 35% năng lượng cả ngày. Bữa ăn buổi chiều cung cấp từ 25% đến 30% năng lượng cả ngày. Bữa phụ cung cấp khoảng 5% đến 10% năng lượng cả ngày.

+ *Tỷ lệ các chất cung cấp năng lượng được khuyến nghị theo cơ cấu:*

Chất đạm (Protit) cung cấp khoảng 13% - 20% năng lượng khẩu phần.

Chất béo (Lipit) cung cấp khoảng 30% - 40% năng lượng khẩu phần

Chất bột (Gluxit) cung cấp khoảng 47% - 50% năng lượng khẩu phần.

- Nước uống: khoảng 0,8 - 1,6 lít/trẻ/ngày (kể cả nước trong thức ăn).

- Xây dựng thực đơn hằng ngày, theo tuần, theo mùa.

2. Tổ chức ngủ

³ Mục C của Phần hai và phần ba Chương trình GDMN

⁴ Mục D của Phần hai và phần ba Chương trình GDMN

Tổ chức cho trẻ ngủ theo nhu cầu độ tuổi:

- Trẻ từ 3 đến 12 tháng ngủ 3 giấc, mỗi giấc khoảng 90 - 120 phút.
- Trẻ từ 12 đến 18 tháng ngủ 2 giấc, mỗi giấc khoảng 90 - 120 phút.
- Trẻ từ 18 đến 36 tháng ngủ 1 giấc trưa khoảng 150 phút.

3. Vệ sinh

- Vệ sinh cá nhân.
- Vệ sinh môi trường: Vệ sinh phòng nhóm, đồ dùng, đồ chơi. Giữ sạch nguồn nước và xử lý rác, nước thải.

4. Chăm sóc sức khỏe và an toàn

- Khám sức khỏe định kỳ 2 lần/ năm vào tháng 10 và tháng 3. Cân đo 3 lần/1 năm. Theo dõi sức khỏe trẻ suy dinh dưỡng 1 tháng/1 lần. Phòng chống suy dinh dưỡng, béo phì.
- Phòng tránh các bệnh thường gặp. Theo dõi tiêm chủng.
- Bảo vệ an toàn và phòng tránh một số tai nạn thường gặp.

B, Mẫu giáo:

I. NUÔI DƯỠNG VÀ CHĂM SÓC SỨC KHỎE

1. Tổ chức ăn

- Xây dựng chế độ ăn, khẩu phần ăn phù hợp với độ tuổi:
- + *Nhu cầu khuyến nghị năng lượng của 1 trẻ trong một ngày là: 1230 - 1320 Kcal.*
- + *Nhu cầu khuyến nghị năng lượng tại trường của 1 trẻ trong một ngày chiếm 50 - 55% nhu cầu cả ngày: 615 - 726 Kcal.*
- Số bữa ăn tại cơ sở giáo dục mầm non: Một bữa chính và một bữa phụ.
- + *Năng lượng phân phối cho các bữa ăn:* Bữa chính buổi trưa cung cấp từ 30% đến 35% năng lượng cả ngày. Bữa phụ cung cấp từ 15% đến 25% năng lượng cả ngày.
- + *Tỷ lệ các chất cung cấp năng lượng theo cơ cấu:*

Chất đạm (Protit) cung cấp khoảng 13% - 20% năng lượng khẩu phần.

Chất béo (Lipit) cung cấp khoảng 25% - 35% năng lượng khẩu phần.

Chất bột (Gluxit) cung cấp khoảng 52% - 60% năng lượng khẩu phần.

- Nước uống: khoảng 1,6 - 2,0 lít/trẻ/ngày (kể cả nước trong thức ăn).

- Xây dựng thực đơn hàng ngày, theo tuần, theo mùa.

2. Tổ chức ngủ

Tổ chức cho trẻ ngủ một giấc buổi trưa (khoảng 150 phút).

3. Vệ sinh

- Vệ sinh cá nhân.
- Vệ sinh môi trường: Vệ sinh phòng nhóm, đồ dùng, đồ chơi. Giữ sạch nguồn nước và xử lý rác, nước thải.

4. Chăm sóc sức khỏe và an toàn

- Khám sức khỏe định kỳ 2 lần/ năm vào tháng 10 và tháng 3. Cân đo 3 lần/1 năm. Theo dõi sức khỏe trẻ suy dinh dưỡng 1 tháng/1 lần. Phòng chống suy dinh dưỡng, béo phì.

- Phòng tránh các bệnh thường gặp. Theo dõi tiêm chủng.

- Bảo vệ an toàn và phòng tránh một số tai nạn thường gặp.

II. Giáo dục

1. Độ tuổi: 13 - 24 tháng.

2. 1.1 NUÔI DƯỠNG VÀ CHĂM SÓC SỨC KHỎE

STT	Mục tiêu giáo dục năm học	Nội dung giáo dục năm học
Tổ chức ăn		
1	Trẻ được ăn với chế độ ăn, khẩu phần ăn phù hợp với độ tuổi.	- Chế độ ăn đảm bảo nhu cầu khuyến nghị 930-1000Kcal, tại cơ sở giáo dục mầm non/ngày/trẻ: 600-651 Kcal. -Thực đơn hàng ngày theo tuần, theo mùa, các món ăn của thực đơn không lặp lại trong 2 - 4 tuần. - Khẩu phần ăn cho trẻ ở các độ tuổi đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng theo quy định: +Yêu cầu tối thiểu: Năng lượng phân phối cho các bữa ăn: Bữa ăn buổi trưa cung cấp từ 30% đến 35% năng lượng cả ngày. Bữa ăn buổi chiều cung cấp từ 25% đến 30% năng lượng cả ngày. Bữa phụ cung cấp khoảng 5% đến 10% năng lượng cả ngày. + Tỷ lệ dinh dưỡng duy trì ở mức: P:13 - 20%, L: 30 - 40%, G: 47- 50%; - Chế độ cơm nát và sữa bột cho trẻ tại nhà trường, đảm bảo ăn đủ 2 bữa chính 1 bữa phụ, ăn hết suất ăn. - Uống nước đủ: từ 0,8-1,6 lít/ trẻ/ ngày/(bao gồm nước uống và ăn), đảm bảo đủ nước ấm cho trẻ uống vào mùa đông.
Tổ chức ngủ		
2	Trẻ được ngủ đủ giấc theo nhu cầu độ tuổi.	- Trẻ ngủ đủ giấc theo nhu cầu độ tuổi: Ngủ 2 giấc mỗi giấc ngủ khoảng 90-120 phút. - Trẻ ngủ ngon, ngủ sâu giấc. - Trẻ được đảm bảo an toàn khi ngủ:

3. 1.2: MỤC TIÊU, NỘI DUNG GIÁO DỤC.

MỤC TIÊU GIÁO DỤC		NỘI DUNG GIÁO DỤC
LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT		
a, Phát triển vận động.		
Thực hiện động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp		
3	Trẻ thực hiện được các động tác phát triển nhóm cơ và hô hấp.	- Tích cực thực hiện bài tập. bắt chước một số động tác theo cô: + Giơ cao tay, ngòai cúi về phía trước, nằm giơ cao chân. + Giơ cao tay-đưa về phía trước-sang ngang.
Thực hiện vận động cơ bản và phát triển tố chất vận động ban đầu		
4	Trẻ giữ được thăng bằng cơ thể khi đi.	- Đi tới chỗ giáo viên (khi được gọi), đi tới chỗ trẻ muốn; - Đi theo đường thẳng(ở trên sàn); - Đi có mang vật trên tay. - Đi hết đoạn đường 1,8 đến 2m. - <i>Đi hết đoạn đường 2m đến 2,2m.</i> - Đi bước qua vật cản - <i>Bước lên xuống bậc có vịn.</i> - <i>Tập bước lên xuống bậc thang.</i>
5	Trẻ thực hiện phối hợp tay - mắt trong hoạt động với bóng.	- Ngồi lăn- bắt bóng với cô - <i>Lăn bóng qua cổng.</i>
6	Trẻ phối hợp tay, chân, cơ thể trong hoạt động bò, trườn.	- Bò theo bóng lăn(2,5 đến 3m). - Bò đến đồ chơi (2,5 đến 3m). - <i>Bò đến đồ chơi (3m đến 3,5m).</i> - Bò chui qua vòng. - Bò qua vật cản. - <i>Bò về phía trước có mang vật trên lưng.</i> - Trườn chui qua vòng. - Trườn qua vật cản.
7	Trẻ thể hiện sức mạnh của cơ bắp trong vận động lăn, ném, đá bóng.	- Ngồi lăn mạnh bóng lên phía trước khoảng 2,5m. - Tung (hất) bóng xa khoảng 70cm. - Ném bóng bằng 1 tay lên phía trước khoảng
Thực hiện vận động của bàn tay ngón tay		
8	Trẻ biết vận động bàn tay,	- Nhặt được các vật nhỏ bằng 2 ngón tay
9	Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay và phối hợp tay-	- Co, duỗi ngón tay, đan ngón tay. - Cầm, bóp, gõ, đóng đồ vật

10	Trẻ biết tháo lắp, lồng hộp	- Trẻ biết tháo lắp, lồng hộp tròn, vuông - Xếp chồng 2-4 hộp tròn, 2-4 khối trụ.
GIÁO DỤC DINH DƯỠNG VÀ SỨC KHỎE		
11	Trẻ khỏe mạnh, có cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi: - Cân nặng và chiều cao nằm trong kênh A - Trẻ 12 đến 18 tháng: + Trẻ trai: Cân nặng: 7,8 đến 13,7 (kg) Chiều cao: 71 đến 88 cm + Trẻ gái: Cân nặng: 7 đến 13 (kg) Chiều cao: 68 đến 87 cm - Trẻ 18 đến 24 tháng: + Trẻ trai: Cân nặng: 8,8 đến 15,3 (kg) Chiều cao: 87 đến 93 cm + Trẻ gái: Cân nặng: 8 đến 14,8 (kg) Chiều cao: 75 đến 80 cm	- Tổ chức cân cho trẻ 1 tháng 1 lần, đo trẻ 3 tháng/lần. Theo dõi biểu đồ tăng trưởng cho trẻ. - Kết hợp với Trung tâm y tế khám sức khỏe cho trẻ 2 lần/ năm.
Có nề nếp, thói quen tốt trong sinh hoạt		
12	Trẻ biết thích nghi với chế độ sinh hoạt ở nhà trẻ	- Rèn trẻ đi vệ sinh theo giờ. - Hướng dẫn trẻ làm quen với thời gian biểu, thời khoá biểu của lớp: Giờ đón trẻ; giờ thể dục sáng; giờ chơi tập có chủ định; giờ chơi tự do ở các góc; giờ chơi tập buổi chiều; giờ ăn, ngủ; giờ trả trẻ.
13	Trẻ thích nghi với chế độ ăn cơm nát, ăn được các loại thức ăn khác nhau.	- Làm quen với chế độ ăn cơm nát và các loại thức ăn khác nhau.
14	Trẻ có một số thói quen vệ sinh tốt	- “ Gọi” cô khi bị ướt, bị bẩn

15	Trẻ biết “gọi” người lớn khi có nhu cầu đi vệ sinh	- Tập ra ngồi bô khi có nhu cầu đi vệ sinh
16	Trẻ ngủ được một giấc buổi trưa	- Làm quen chế độ ngủ một giấc.
Thực hiện một số việc tự phục vụ, giữ gìn sức khỏe		
17	Trẻ biết cầm được thìa xúc	- Tập tự xúc ăn bằng thìa, uống nước bằng cốc.
18	Trẻ làm quen một số việc tự phục vụ với sự giúp đỡ của người lớn	- Tập ngồi vào bàn ăn. - Làm quen với rửa tay, lau mặt. - Tập thể hiện khi có nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh.
Nhận biết và tránh một số nguy cơ không an toàn		
19	Nhận biết một số vật dụng nguy hiểm, những nơi nguy hiểm không được sờ vào hoặc	Nhận biết và tránh một số vật dụng nguy hiểm (như phích nước nóng, bếp đang đun, bàn là...) khi được nhắc nhở.
20	Nhận biết 1 số hành động nguy hiểm và phòng tránh.	- Biết và tránh một số hành động nguy hiểm (Sờ vào ổ điện, leo trèo lên bàn ghế...) khi được nhắc
21	Trẻ được chăm sóc, nuôi dưỡng trong môi trường đảm bảo vệ sinh:	- Vệ sinh môi trường: + Vệ sinh phòng nhóm, đồ dùng, đồ chơi hàng ngày, hàng tuần, hàng tháng. + Giữ sạch nguồn nước và xử lý rác, nước thải: ngày/lần
LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC		
Luyện tập và phối hợp các giác quan		
22	Sờ nắn, nhìn, nghe, ngửi, nếm để nhận biết đặc điểm nổi bật của các đối tượng.	- Sờ nắn, lắc gõ đồ chơi và nghe âm thanh. - Ngửi mùi của một số hoa quả quen thuộc, gần gũi - Nếm vị của một số quả, thức ăn.
23	Trẻ biết tìm đồ chơi vừa mới cất giấu	- Tìm đồ chơi vừa mới cất giấu
24	Nghe các âm thanh khác nhau, cảm thụ được âm thanh to nhỏ khác nhau.	- Nghe âm thanh và tìm ra nơi phát ra âm thanh - Nghe và nhận biết và phân biệt âm thanh của một số đồ vật, tiếng kêu của một số con vật quen thuộc.
Nhận biết về các sự vật, hiện tượng gần gũi.		
25	Chỉ vào hoặc nói tên một vài bộ phận cơ thể của con người	- Trẻ nói được tên một số bộ phận của cơ thể: Mắt, mũi, miệng, tai, tay, chân.
26	Chỉ hoặc nói được tên của mình, những người gần gũi khi	- Tên của bản thân - Tên của những người thân gần gũi trong gia đình

27	Bắt chước hành động đơn giản của những người thân	- Chơi bắt chước một số hành động quen thuộc của những người gần gũi.
28	Trẻ biết tên đồ dùng, đồ chơi quen thuộc, <i>biết thực hiện và sử dụng một số thao tác đơn giản với đồ dùng đồ chơi quen thuộc.</i>	- Tên, <i>thao tác và sử dụng đồ dùng</i> , đồ chơi quen thuộc của bản thân
29	Chỉ hoặc nói được tên cô giáo và các bạn trong lớp	- Tên của cô giáo, các bạn, nhóm/ lớp
30	Trẻ biết tên của phương tiện giao thông gần gũi.	- Tên của phương tiện giao thông gần gũi.
31	Tên và một vài đặc điểm nổi bật của con vật, hoa, quả quen thuộc	- Chỉ/lấy/nói tên và đặc điểm nổi bật của con vật, hoa, quả, quen thuộc.
32	Chỉ hoặc lấy được đồ chơi có màu đỏ hoặc xanh theo yêu	- Màu đỏ, xanh

LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ

Nghe hiểu lời nói

33	Trẻ hiểu được một số từ đơn giản	- Trẻ hiểu được một số từ chỉ người, đồ chơi, đồ dùng gần gũi
34	Trẻ làm theo một vài yêu cầu đơn giản.	- Trẻ làm theo một vài yêu cầu đơn giản: chào-khoanh tay; hoan hô-vỗ tay; tạm biệt- vẫy tay
35	Nghe và thực hiện một số yêu cầu bằng lời nói	- Trẻ thực hiện được các yêu cầu đơn giản: Ví dụ: “Đi đến đây, đi rửa tay”...
36	Trẻ hiểu và dừng hành động khi người lớn không cho phép.	- Hiểu được từ “Không” dừng hành động khi nghe “Không được lấy” “Không được sờ” - <i>Thực hiện được nhiệm vụ gồm 1 - 2 hành động:</i> <i>VD "Con cất đồ chơi lên giá rồi đi rửa tay"</i>
37	Trẻ hiểu và trả lời được câu hỏi đơn giản.	- Trả hiểu và trả lời được câu hỏi đơn giản: “Mẹ đâu?”; “Bà đâu”; “Ai đây?”; “Con gì đây?” ; “
38	Trẻ nghe các bài hát, đồng dao, ca dao, bài thơ truyền kể	- Trẻ thích nghe kể chuyện, đọc thơ, ca dao, đồng dao theo tranh có nội dung phù hợp với độ tuổi.

Nghe nhắc lại các âm, các tiếng và các câu, sử dụng ngôn ngữ để giao tiếp

39	Phát âm các âm khác nhau	- Nhắc lại được từ và câu ngắn: Con vịt, Vịt bơi, Bé đi chơi.
40	Trẻ đọc tiếp tiếng cuối của câu thơ khi nghe các bài thơ	- Đọc theo, đọc tiếp cùng cô tiếng cuối của câu thơ

41	Trẻ nói được câu 2-3 tiếng: Con đi chơi, bóng đá, mẹ đi làm....	- Trẻ nói được câu 2-3 tiếng... - <i>Trẻ nói được 3-4 tiếng " Con chào cô ạ, quả bóng màu xanh..."</i>
42	Trẻ biết sử dụng lời nói để thể hiện nhu cầu của bản thân	- Chủ động nói nhu cầu, mong muốn của bản thân: (Cháu uống nước, cháu muốn...)
Làm quen với sách		
43	Trẻ biết mở sách, xem tranh và chỉ vào các nhân vật, sự vật	- Mở sách, xem tranh và chỉ vào các nhân vật, sự vật trong tranh.
LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM, KỸ NĂNG XÃ HỘI VÀ THẨM MỸ		
Biểu lộ sự nhận thức về bản thân		
44	Nhận biết được tên gọi hình ảnh của bản thân	- Nhận ra bản thân trong gương, trong ảnh (Chỉ vào hình ảnh của mình trong gương khi được hỏi) - <i>Nói được một vài thông tin về mình (Tên, các bộ phận trên cơ thể)</i>
Nhận biết và biểu lộ cảm xúc với con người và sự vật gần gũi		
45	Giao tiếp với những người xung quanh.	- Trẻ biết biểu lộ sự thích giao tiếp bằng âm thanh, cử chỉ, lời nói với những người gần gũi
46	Biểu lộ cảm xúc khác nhau với những người xung quanh	- Trẻ biết cảm nhận và biểu lộ cảm xúc, vui, buồn, sợ hãi của mình với người xung quanh
47	Tập sử dụng đồ dùng, đồ chơi.	- Trẻ biết sử dụng đồ dùng, đồ chơi trong lớp
48	Trẻ quan tâm đến con vật nuôi.	- Trẻ biết biểu lộ sự thân thiện với một số con vật nuôi quen thuộc, gần gũi. - <i>Bắt chước tiếng kêu, gọi tên con vật.</i>
Thực hiện hành vi xã hội đơn giản		
49	Trẻ Biết chào, tạm biệt, cảm ơn.	- Tập thực hiện một số hành vi giao tiếp như: chào, tạm biệt, cảm ơn. Nói từ “ ă”, “ dạ”
50	Trẻ bắt chước một vài hành vi xã hội	- Bắt chước một vài hành vi xã hội (bế búp bê, cho búp bê ăn, nghe điện thoại...)
51	Trẻ làm theo một số yêu cầu đơn giản của người lớn	- Trẻ làm theo một số yêu cầu đơn giản của người lớn: Đi theo, ngồi xuống, làm theo...
Thể hiện cảm xúc qua nghe hát, hát, vận động theo nhạc; tô màu, vẽ, nặn, xếp hình,		
52	Trẻ thích nghe nhạc, nghe hát và vận động theo nhạc.	- Biết biểu lộ cảm xúc khi nghe nhạc, nghe hát các thể loại âm nhạc trong nước và quốc tế, nhạc dân gian(nhún nhảy, giậm chân, lắc lư, vỗ
53	Trẻ tập cầm bút vẽ nguệch ngoạc bằng bút sáp, phấn	- Vẽ các đường nét khác nhau, di màu, nặn, xé, vò, xếp hình.
54	Trẻ thích xem tranh ảnh	- Xem tranh ảnh theo chủ đề

2. Độ tuổi 24-36 tháng tuổi

2.1. NUÔI DƯỠNG VÀ CHĂM SÓC SỨC KHỎE

Tổ chức ăn		
1	Trẻ được ăn với chế độ ăn, khẩu phần ăn phù hợp với độ tuổi.	- Chế độ ăn đảm bảo nhu cầu khuyến nghị 930-1000Kcal, tại cơ sở giáo dục mầm non/ngày/trẻ: 600-651 Kcal. - Thực đơn hàng ngày theo tuần, theo mùa, các món ăn của thực đơn không lặp lại trong 2 - 4 tuần. - Khẩu phần ăn cho trẻ ở các độ tuổi đáp ứng nhu cầu dinh dưỡng theo quy định: + Yêu cầu tối thiểu: Năng lượng phân phối cho các bữa ăn: Bữa ăn buổi trưa cung cấp từ 30% đến 35% năng lượng cả ngày. Bữa ăn buổi chiều cung cấp từ 25% đến 30% năng lượng cả ngày. Bữa phụ cung cấp khoảng 5% đến 10% năng lượng cả ngày. + Tỷ lệ dinh dưỡng duy trì ở mức: P:13 - 20%, L: 30 - 40%, G: 47- 50%; - Chế độ cơm nát và sữa bột cho trẻ tại nhà trường, đảm bảo ăn đủ 2 bữa chính 1 bữa phụ, ăn hết suất ăn. - Uống nước đủ: từ 0,8-1,6 lít/ trẻ/ ngày/(bao gồm nước uống và ăn), đảm bảo đủ nước ấm cho trẻ uống vào mùa đông.
TỔ CHỨC NGỦ		
2	Trẻ được ngủ đủ giấc theo nhu cầu độ tuổi.	- Trẻ ngủ đủ giấc theo nhu cầu độ tuổi: Ngủ 2 giấc mỗi giấc ngủ khoảng 90-120 phút. - Trẻ ngủ ngon, ngủ sâu giấc. - Trẻ được đảm bảo an toàn khi ngủ:

MỤC TIÊU, NỘI DUNG GIÁO DỤC

STT	MỤC TIÊU	NỘI DUNG GIÁO DỤC
	LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT	
Thực hiện động tác phát triển các nhóm cơ và hô hấp		
6	Trẻ thực hiện được các động tác phát triển nhóm cơ và hô hấp.	- Hô hấp: Tập hít vào, thở ra. - Tay: Giơ cao, đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa ra sau kết hợp với lắc bàn tay.

		- Lưng, bụng, lườn: Cúi về phía trước, nghiêng người sang hai bên, vặn người sang hai bên. - Chân: Ngồi xuống, đứng lên, co duỗi từng chân
	Thực hiện vận động cơ bản và phát triển tố chất vận động ban đầu	
7	Trẻ biết phối hợp tay, chân, cơ thể trong khi bò, trườn	- Bò thẳng hướng và có vật trên lưng - Bò trong đường ngoằn ngoèo - Bò chui qua cổng - Trườn chui qua cổng - Bò qua vật cản - Trườn qua vật cản
8	Trẻ giữ được thăng bằng trong vận động đi	- Đi theo hiệu lệnh - Đi trong đường hẹp. - Đi có mang vật trên tay. - Đứng co một chân. - Đi theo đường ngoằn ngoèo - Đi bước vào các ô
9	Trẻ biết nhún bật tại chỗ và bật qua vạch kẻ	- Bật tại chỗ - Bật qua vạch kẻ - Bật xa bằng 2 chân - Nhún bật về phía trước - Bước lên xuống bậc cao 15 cm - Bước lên xuống bậc có vịn
10	Trẻ thực hiện phối hợp tay - mắt trong vận động tung, bắt bóng.	- Tung - bắt bóng với cô (ở khoảng cách 1m) - Tung bóng bằng 2 tay - Tung bóng qua dây
11	Trẻ giữ được thăng bằng trong vận động chạy, thay đổi tốc độ nhanh - chậm theo cô.	- Chạy theo hướng thẳng. - Chạy thay đổi tốc độ nhanh chậm theo hiệu lệnh .
12	Trẻ thể hiện sức mạnh của cơ bắp trong vận động ném, đá bóng.	- Ném bóng về phía trước (ném xa lên phía trước bằng một tay (tối thiểu 1,5m) - Ném bắt bóng vào đích (ném vào đích xa 1-1,2m.) - Ném bóng (túi cát) về phía trước - Đá bóng vào đích (đích xa 1-1,2m)
Thực hiện vận động của bàn tay ngón tay		

13	Trẻ biết vận động cổ tay, bàn tay, ngón tay- thực hiện “ múa khéo”	- Vận động cổ tay, bàn tay, ngón tay- thực hiện “ múa khéo”, xoa chạm các đầu ngón tay vào nhau.
14	Phối hợp được cử động bàn tay, ngón tay và phối hợp tay- mắt trong các hoạt động: nhào đất nặn: vẽ tổ chim: xâu vòng tay, chuỗi đeo cổ.	- Tập xâu, luồn dây, cời cúc, cài, buộc dây - Xoa tay, chạm các đầu ngón tay với nhau, rót, nhào, khuấy, vò, xé, đào. - Đóng cọc bàn gỗ - Nhón nhặt đồ vật
15	Trẻ biết chấp ghép được các mảnh hình	- Chấp ghép hình - Xếp chồng 6 - 8 khối

GIÁO DỤC DINH DƯỠNG VÀ SỨC KHỎE

16	Trẻ khỏe mạnh, có cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi: - Cân nặng và chiều cao nằm trong kênh A - Trẻ 24 tháng: + Trẻ trai: Cân nặng: 9,7 đến 15,3 (kg) Chiều cao: 91,7 đến 93,9 cm + Trẻ gái: Cân nặng: 9,1 đến 14,8 (kg) Chiều cao: 80,0 đến 92,2 cm - Trẻ 36 tháng: + Trẻ trai: Cân nặng: 11,3 đến 18,3 (kg) Chiều cao: 88,7 đến 103,5cm + Trẻ gái: Cân nặng: 10,8 đến 18,1 (kg) Chiều cao: 87,4 đến 102,7cm	- Tổ chức cân, đo cho trẻ 3 tháng 1 lần, 3 lần/ 1 năm học. Theo dõi biểu đồ tăng trưởng cho trẻ. - Đối với trẻ Suy dinh dưỡng thể nhẹ cân tổ chức cân mỗi tháng 1 lần. Có kế hoạch phối hợp với gia đình trẻ có chế độ ăn cho trẻ phù hợp. - Kết hợp với Trung tâm Y tế khám sức khỏe cho trẻ 2 lần/ năm.
-----------	--	---

Có nề nếp, thói quen tốt trong sinh hoạt

17	Trẻ biết thích nghi với chế độ sinh hoạt ở nhà trẻ	- Rèn trẻ đi vệ sinh theo giờ. - Hướng dẫn trẻ làm quen với thời gian biểu, thời khoá biểu của lớp: Giờ đón trẻ; giờ thể dục sáng; giờ chơi tập có chủ định; giờ chơi tự do ở các góc; giờ chơi tập buổi chiều; giờ ăn, ngủ; giờ trả trẻ.
18	Trẻ có một số nề nếp thói quen trong sinh hoạt hàng ngày.	- Tập luyện nề nếp thói quen tốt trong sinh hoạt: Ăn chín, uống chín, rửa tay trước khi ăn, lau miệng, uống nước sau khi ăn và vứt rác đúng nơi quy định
19	Trẻ biết đi vệ sinh đúng nơi quy định	- Tập đi vệ sinh đúng nơi quy định.
20	Trẻ biết thể hiện một số nhu cầu về ăn uống và vệ sinh bằng cử chỉ.	- Trẻ nói với người lớn khi có nhu cầu ăn, ngủ, đi vệ sinh
Thực hiện một số việc tự phục vụ, giữ gìn sức khỏe		
21	Trẻ biết cầm được thìa xúc ăn, cầm cốc uống nước, tự đi dép.	- Xúc cơm, uống nước - Mặc quần áo, đi dép, đi vệ sinh, cởi quần, áo khi bị bẩn, ướt, cởi tất...
22	Trẻ làm được một số việc tự phục vụ với sự giúp đỡ của người lớn	- Chuẩn bị chỗ ngủ - Tập một số thói quen đơn giản trong rửa tay, lau mặt. - Tự lấy nước uống, đi vệ sinh..
23	Trẻ biết cởi tất, quần áo khi bị bẩn, biết cầm khăn lau miệng, lau mặt	- Tập một số thao tác đơn giản trong rửa tay, lau mặt. - Không mặc quần áo ướt, bẩn
24	Trẻ biết chấp nhận đội mũ khi ra ngoài nắng; đi giày dép: mặc quần áo ấm khi trời lạnh.	- Trẻ có thói quen khi đi ra ngoài là phải đội mũ, áo nắng, giày dép.
Nhận biết và tránh một số nguy cơ không an toàn		
25	Nhận biết một số vật dụng nguy hiểm, những nơi nguy hiểm không được sờ vào hoặc đến gần.	- Nhận biết và tránh một số vật dụng nguy hiểm (như bếp đang đun, phích nước nóng, xô nước, giếng nước) khi được nhắc nhở
26	Nhận biết 1 số hành động nguy hiểm và phòng tránh.	- Biết và tránh một số hành động nguy hiểm (leo trèo lên lan can, chơi nghịch các vật sắc nhọn...) khi được nhắc nhở
LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC		
Luyện tập và phối hợp các giác quan		

27	Sờ nắn, nhìn, nghe, ngửi, nếm để nhận biết đặc điểm nổi bật của các đối tượng đặc trưng của địa phương	- Sờ nắn một số đồ vật, đồ chơi để nhận biết cứng mềm, trơn nhẵn của một số đồ vật đặc trưng của địa phương. - Sờ, nắn, nhìn, ngửi, nếm vị ...món ăn, hoa quả đặc trưng của địa phương.
28	Trẻ biết tìm đồ vật vừa mới cất giấu	- Tìm đồ vật vừa mới cất giấu
29	Biết nghe và nhận biết các âm thanh khác nhau của địa phương	- Nghe và nhận biết âm thanh của một số đồ vật - Nghe và nhận biết tiếng kêu một số con vật quen thuộc có số lượng, tốc độ(nhanh, chậm)khác nhau
Nhận biết về các sự vật, hiện tượng gần gũi.		
30	Nói được tên và chức năng một số bộ phận của cơ thể khi được	- Trẻ nói được tên, chức năng chính một số bộ phận của cơ thể: Mắt, mũi, miệng, tai,
31	Trẻ nói được tên của bản thân và những người gần gũi khi được hỏi bằng tiếng dân tộc tại địa phương	- Tên và một số đặc điểm bên ngoài của bản thân - Tên và công việc của những người thân gần
32	Trẻ chơi bắt chước một số hành động quen thuộc của những người gần gũi. -	- Chơi bắt chước một số hành động quen thuộc của những người gần gũi.
33	Trẻ biết tên gọi của một số đồ dùng, đồ chơi của bản thân và của nhóm.	- Tên đồ dùng, đồ chơi của bản thân, của nhóm/ lớp. - Nhận biết sự chìm / nổi của đồ vật - Phân loại đồ dùng đồ chơi có kích cỡ khác nhau
34	Trẻ biết gọi tên cô giáo và các bạn trong lớp	- Tên của cô giáo, các bạn, nhóm/ lớp
35	Trẻ biết sử dụng một số đồ dùng đồ chơi quen thuộc	Tên, đặc điểm nổi bật, công dụng và cách sử dụng một số đồ chơi quen thuộc.
36	Trẻ biết gọi tên, một số đặc điểm của phương tiện giao thông gần	- Tên, đặc điểm nổi bật và công dụng của phương tiện giao thông gần gũi.
37	Trẻ nói được tên và một vài đặc điểm nổi bật của các đồ vật, hoa	- Tên và một số đặc điểm nổi bật của con vật, hoa, quả, rau quen thuộc tại địa
38	Chỉ nói tên và lấy hoặc cất đúng được màu đỏ/ vàng/ xanh theo yêu	- Màu đỏ, vàng, xanh qua một số đồ vật, đồ chơi, nguyên vật liệu có sẵn tại địa phương

39	Chỉ nói tên hặc lấy hoặc cất đúng đồ chơi có kích thước to- nhỏ theo yêu cầu.	- <i>Kích thước to - nhỏ của một số đồ vật, đồ chơi, nguyên vật liệu có sẵn tại địa phương</i>
40	Trẻ nhận biết được vị trí không gian so với bản thân.	- Vị trí trong không gian: (trên, dưới, trước, sau) so với bản thân trẻ
41	Trẻ nhận biết hình tròn, hình vuông	- Hình tròn, hình vuông.
42	Trẻ nhận biết số lượng (một và nhiều)	- Số lượng (một và nhiều)
LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ		
Nghe hiểu lời nói		
43	Trẻ nghe lời nói với sắc thái tình cảm khác nhau	- Nghe lời nói với sắc thái tình cảm khác nhau
44	Trẻ nghe các từ chỉ tên gọi đồ vật, sự vật, hành động quen thuộc tại	- Nghe các từ chỉ tên gọi đồ vật, sự vật, hành động quen thuộc
45	Nghe và thực hiện các yêu cầu bằng lời nói	- Trẻ thực hiện được nhiệm vụ gồm 2-3 hành động. Ví dụ: “ cháu cất đồ chơi lên
46	Trẻ biết trả lời các câu hỏi: “ Ai đây” “Cái gì đây?”; “Làm gì ?”; “ thế nào ?” Ví dụ: Con gà gáy thế nào?	- Nghe các câu hỏi: “Cái gì?”; “Làm gì?”; “Ở đâu?”; “ Như thế nào?”; “Để làm gì?” - Trả lời và đặt câu hỏi “Cái gì?”; “Làm gì?”; “Ở đâu?”; “ Thế nào?”; “Để làm gì?”;
47	Trẻ biết nghe và thực hiện các yêu cầu bằng lời nói	- Nghe và thực hiện các yêu cầu bằng lời nói - Nghe lời nói với sắc thái tình cảm khác nhau
48	Trẻ hiểu được nội dung truyện ngắn đơn giản: trả lời được các câu hỏi về tên truyện, tên hành	- Nghe truyện ngắn, hiểu được nội dung truyện ngắn đơn giản: trả lời được các câu hỏi về tên truyện, tên hành động của các
49	Trẻ hiểu được nội dung bài thơ, đồng dao, ca dao, hò vè, câu đố của địa phương	- Nghe các bài thơ, đồng dao, ca dao, hò vè, câu đố của địa phương - <i>Đọc được các bài thơ, đồng dao bằng tiếng dân tộc địa phương ngắn có 3 - 4 tiếng có sự giúp đỡ của cô giáo</i>
Nghe nhắc lại các âm, các tiếng và các câu		
50	Trẻ biết phát âm rõ tiếng.	- Phát âm các âm khác nhau
	Phát âm rõ âm khó trong chủ đề	- Nói rõ các âm s/x: ch/tr Nói rõ các tiếng ví dụ Trường mầm non, Lớp măng non, nhút nhát...

51	Trẻ biết kể lại đoạn truyện được nghe nhiều lần, có gợi ý	- Kể lại đoạn truyện được nghe nhiều lần, có gợi ý
52	Trẻ đọc được các bài thơ, đồng dao có sự giúp đỡ của cô giáo	
53	Trẻ nói được câu đơn, câu có 5-7 tiếng, có các từ thông dụng chỉ sự	- Sử dụng các từ chỉ đồ vật, con vật, đặc điểm hành động quen thuộc trong giao tiếp.
54	Trẻ biết sử dụng lời nói với các mục đích khác nhau, chào hỏi khi trò chuyện.	- Sử dụng lời nói với các mục đích khác nhau: + Chào hỏi khi trò chuyện. + Bày tỏ nhu cầu của bản thân + Hỏi về các vấn đề trẻ quan tâm như: cái gì
55	Trẻ biết nói rõ ràng đủ nghe, lễ phép	- Sử dụng các từ thể hiện sự lễ phép khi nói chuyện với người lớn.
56	Trẻ biết thể hiện nhu cầu, mong muốn và hiểu biết bằng một, hai câu đơn giản và câu dài.	- Biết thể hiện nhu cầu, mong muốn và hiểu biết bằng một, hai câu đơn giản và câu dài.

Làm quen với sách

57	Trẻ biết lắng nghe khi người lớn đọc sách	- Lắng nghe khi người lớn đọc sách
58	Trẻ biết xem tranh và gọi tên các nhân vật, sự vật hành động gần gũi	- Xem tranh và gọi tên các nhân vật, sự vật, hành động gần gũi trong tranh.

LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM, KỸ NĂNG XÃ HỘI VÀ THẨM MỸ

Biểu lộ sự nhận thức của bản thân

59	Trẻ nói được một vài thông tin về mình (tên và tuổi)	- Nhận biết gọi, một số đặc điểm tên gọi, một số đặc điểm bên ngoài của bản thân
60	Trẻ biết thể hiện điều mình thích và không thích	- Thể hiện những điều mình thích hay không thích qua ánh mắt, nét mặt, trạng

Nhận biết và biểu lộ cảm xúc với con người và sự vật gần gũi

61	Trẻ biết biểu lộ sự thích giao tiếp với người khác bằng cử chỉ, lời	- Giao tiếp với những người xung quanh chơi thân thiện với bạn, chơi cạnh bạn
62	Nhận biết được trạng thái cảm xúc vui, buồn và sợ hãi.	- Nhận biết được một số trạng thái cảm xúc: vui, buồn, tức giận của cô.
63	Trẻ biết biểu lộ cảm xúc, vui: buồn sợ hãi qua nét mặt, cử chỉ.	- Thể hiện một số trạng thái cảm xúc vui, buồn, tức giận
64	Trẻ quan tâm đến con vật nuôi.	- Biểu lộ sự thân thiện với một số con vật quen thuộc/ gần gũi: bắt chước tiếng kêu,

Thực hiện hành vi xã hội đơn giản		
65	Biết chào, tạm biệt, cảm ơn, vâng ạ.	- Thực hiện một số hành vi văn hóa, giao tiếp chào, tạm biệt, cảm ơn, vâng ạ.
66	Tập sử dụng đồ dùng, đồ chơi để thiện hành vi xã hội đơn giản.	- Biết thể hiện một số hành vi xã hội đơn giản qua trò chơi giả bộ (trò chơi búp bê)
67	Trẻ biết chơi thân thiện cạnh trẻ khác.	- Chơi thân thiện với bạn, chơi cùng bạn không tranh giành đồ chơi của bạn cùng
68	Thực hiện một số yêu cầu của người lớn	- Thực hiện một số yêu cầu đơn giản của giáo viên - Thực hiện một số quy định đơn giản sinh hoạt ở nhóm lớp, xếp hàng chờ đến lượt để
Thể hiện cảm xúc qua hát, vận động theo nhạc; tô, vẽ, nặn, xếp hình, xem tranh		
69	Hát và tập vận động bài hát đơn giản theo nhạc	- <i>Biết hát và vận động đơn giản theo một vài bài hát/ bản nhạc trong nước và quốc tế, nhạc dân gian.</i>
70	Trẻ biết lắng nghe hát, nghe nhạc với các giai điệu bài hát khác nhau, nghe âm thanh nhạc cụ.	Nghe hát, nghe nhạc với các giai điệu bài hát khác nhau, nghe âm thanh nhạc cụ.
71	Vẽ các đường nét khác nhau, di màu, xé, vò, xếp hình.	- Thích tô màu, vẽ, nặn, xé xếp hình, xem tranh (cân bút di màu, vẽ nguệch ngoạc).
72	Trẻ thích xem tranh	- Xem tranh ảnh theo chủ đề - Xem tranh ảnh về các sự vật, con vật gần gũi quen thuộc.
73	Mạnh dạn tham gia các hoạt động, mạnh dạn trả lời câu hỏi	- Tham gia đầy đủ các hoạt động trong lớp: học, chơi, nhảy múa.. giơ tay phát biểu khi đàm thoại trong các hoạt động

(3) Độ tuổi 3-4 tuổi**3.1. MỤC TIÊU NUÔI DƯỠNG VÀ CHĂM SÓC SỨC KHỎE**

STT	MỤC TIÊU	NỘI DUNG
1	Trẻ được ăn theo chế độ ăn, khẩu phần ăn phù hợp với độ tuổi tại trường.	- Nhu cầu năng lượng tại trường của 1 trẻ trong một ngày chiếm 50 – 55% nhu cầu cả ngày: 615 – 726 Kcal.
2	Trẻ được ngủ đủ giấc theo nhu cầu độ tuổi.	- Trẻ ngủ đủ giấc buổi trưa theo nhu cầu độ tuổi khoảng 150 phút.
3	Trẻ được chăm sóc sức khỏe định kỳ. Theo dõi, đánh giá sự phát triển của cân nặng và chiều cao	- Khám sức khỏe định kỳ 02 lần/năm (tháng 09 và 03). Theo dõi, đánh giá sự phát triển của cân nặng và chiều cao theo

	theo lứa tuổi. Phòng chống suy dinh dưỡng, béo phì.	lứa tuổi 03 lần/ năm (tháng 9, tháng 12 và tháng 3): + Trẻ trai: Cân nặng: 12,7 – 21,2kg Chiều cao: 94,9 – 111,7cm + Trẻ gái: Cân nặng: 12,3 – 21,5kg Chiều cao: 94,1 – 111,3cm - Phòng chống suy dinh dưỡng, béo phì.
--	---	---

I.MỤC TIÊU VÀ NỘI DUNG GIÁO DỤC:

STT	MỤC TIÊU	NỘI DUNG
LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT		
Phát triển vận động		
Động tác phát triển nhóm cơ và hô hấp		
4	Trẻ biết tập các động tác phát triển nhóm cơ và hô hấp	- Hô hấp: Hít vào, thở ra. - Tay: + Đưa 2 tay lên cao ra phía trước, sang 2 bên + Co và duỗi, bắt chéo 2 tay trước ngực - Lưng, bụng, lườn: + Cúi về phía trước + Quay sang trái, sang phải + Nghiêng người sang trái, sang phải - Chân: + Bước lên phía trước, bước sang ngang + Ngồi xổm, đứng lên, bật tại chỗ + Co duỗi chân
Thực hiện các kỹ năng vận động cơ bản và phát triển các tố chất vận động		
5	Trẻ biết giữ thăng bằng khi đi, đi thẳng người	- Rèn trẻ cách đi : Lưng thẳng, mắt nhìn về phía trước... - Đi trong đường hẹp có mang vật trên tay (3m x 0,2m) - Đi kiễng gót
6	Trẻ kiểm soát được vận động khi thay đổi tốc độ vận động đi, chạy	- Đi, chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh. - Đi, chạy thay đổi hướng theo đường zig zắc. - Chạy liên tục trong đường đích dắc (3-4 điểm đích dắc không lệch ra ngoài. - Chạy được 15m liên tục theo hướng thẳng.

7	Trẻ biết bò theo yêu cầu	- Bò theo hướng thẳng - Bò theo đường đích dắc - Bò chui qua cổng - Bò trong đường hẹp (3m x 0,4m) không lệch ra ngoài.
8	Trẻ biết thực hiện động tác trườn, trèo	- Trườn theo hướng thẳng - Trườn theo đường đích dắc - Trườn về phía trước - Bước lên, xuống bậc cao 30cm
9	Trẻ biết tung, bắt bóng với cô.	- Tung bắt bóng với cô. Bắt được 3 lần liên không rơi bóng 9 khoảng cách 2,5m) - Lăn bóng bằng 2 tay
10	Trẻ biết đập bóng xuống sàn	- Đập bóng xuống sàn và bắt bóng. Bắt được 3 lần liên (đường kính bóng 18 cm)
11	Trẻ biết chuyền bóng bằng 2 tay	- Chuyền bắt bóng 2 bên theo hàng ngang, hàng dọc
12	Trẻ biết ném trúng đích bằng 1 tay	- Ném trúng đích nằm ngang bằng 1 tay (xa 1,5m) - Ném trúng đích thẳng đứng
13	Trẻ biết ném xa theo khả năng	- Ném xa bằng 1 tay
14	Trẻ biết bật, nhảy bằng 2 chân	- Bật tại chỗ - Bật về phía trước
15	Trẻ biết bật xa 20- 25cm	- Bật xa 20- 25cm
Thực hiện và phối hợp được các cử động của bàn tay, ngón tay, phối hợp tay mắt		
16	Trẻ tập các cử động của bàn tay, ngón tay	- Gập, đan các ngón tay vào nhau - Quay ngón tay, cổ tay, cuộn cổ tay
17	<i>Làm theo được yêu cầu của trò chơi, được bày tỏ ý kiến của mình qua luật chơi, cách chơi. Thực hiện các trò chơi (sắp xếp, kéo, thả ...) khi chọn hình, chọn đồ vật trên phần mềm kidsmart.</i>	- <i>Làm theo yêu cầu của trò chơi.</i> - <i>Có thể bày tỏ ý kiến của mình qua việc giáo viên phổ biến luật chơi và cách chơi</i> - <i>Chọn hình, chọn đồ vật đúng (TC: Bé xây ngôi nhà chuột...)</i>
18	<i>Nhận biết, gọi tên đúng các thiết bị, biết 1 số thao tác mở, tắt các thiết bị số (thao tác nhấp chuột) trên phần mềm trò chơi kirdtmat, nhận ra ký hiệu (biểu tượng) của phần mềm trò chơi kidsmart</i>	- <i>Nhận biết, gọi tên thiết bị số (máy tính, bàn phím, màn hình, chuột)</i> - <i>Làm quen với 1 số thao tác trên thiết bị số (thao tác nhấp chuột)</i> - <i>Thực hành thao tác mở trên biểu tượng trò chơi Kidmats: Ngôi nhà toán học, ngôi</i>

		<i>nhà không gia, kiến ăn môi....</i>
19	Trẻ biết phối hợp tay - mắt	- Đan tết, Cài, cời cúc - Xếp chồng các hình khối khác nhau. - Xếp chồng 8-10 khối không đổ.
20	Trẻ biết sử dụng một số đồ dùng, dụng cụ	- Xé, dán giấy - Sử dụng kéo, bút. - Tô vẽ nguyệt xích ngoạc, vẽ được hình tròn theo mẫu. - Cắt thẳng được 1 đoạn 10 cm.
21	<i>Trẻ biết sử dụng các đồ dùng, dụng cụ để thực hành, trải nghiệm.</i>	<i>- Trải nghiệm tìm ra một số tính chất đơn giản của một số gia vị, món ăn trong đời sống hàng ngày (ứng dụng phương pháp dạy học tiên tiến stem, Reggio Amellia)</i>
Giáo dục dinh dưỡng và sức khỏe		
Nhận biết một số món ăn, thực phẩm thông thường và ích lợi của chúng đối với sức khỏe		
22	Trẻ nhận biết một số thực phẩm và món ăn quen thuộc	- Nói đúng tên một số thực phẩm quen thuộc. - Tên gọi một số món ăn quen thuộc - Gọi tên các chất dinh dưỡng cần thiết cho cơ thể. Biết ăn để chóng lớn, khỏe mạnh và chấp nhận ăn nhiều loại thức ăn khác nhau.
23	Trẻ nhận biết các bữa ăn trong ngày	- Nhận biết các bữa ăn trong ngày - Ích lợi của ăn uống đủ lượng, đủ chất.
24	Trẻ biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật	- Nhận biết sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (lã chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì)
25	Trẻ biết được bản thân trẻ có quyền được chăm sóc, nuôi dưỡng và chữa bệnh.	Trẻ nhận ra những hành động thể hiện sự chăm sóc; có quyền được người lớn chăm sóc ăn, ngủ, chữa bệnh
Thực hiện một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt		
26	Trẻ thực hiện được một số việc đơn giản tự phục vụ trong sinh hoạt với sự giúp đỡ của người lớn: rửa tay, lau mặt, tháo tất, xúc miệng, đánh răng, cời quần áo... biết thể hiện bằng lời nói về nhu cầu của bản thân	- Làm quen với cách đánh răng, lau mặt - Đánh răng nhờ sự giúp đỡ của người lớn - Tập rửa tay bằng xà phòng - Tự rửa tay bằng xà phòng có sự giúp đỡ của người lớn. - Thể hiện bằng lời nói về nhu cầu ăn, ngủ, vệ sinh

27	Trẻ biết đi vệ sinh đúng nơi qui định	- Luyện đi vệ sinh đúng giờ, đúng nơi qui định
Biết giữ gìn sức khỏe		
29	Trẻ biết một số thói quen bảo vệ và giữ gìn sức khỏe	- Tập luyện một số thói quen tốt về giữ gìn sức khỏe
30	Trẻ biết lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người.	- Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người
31	Trẻ nhận biết được trang phục theo thời tiết	- Gọi tên được một số trang phục theo thời tiết mùa hè, mùa đông. - Chấp nhận đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm, đi tất khi trời lạnh
32	Trẻ Nhận biết được một số biểu hiện khi ốm	- Một số biểu hiện khi ốm: Nóng sốt, mệt mỏi, đau đầu...cách nhận biết - Nói với người lớn khi đau, khi chảy máu
Biết một số nguy cơ không an toàn và cách phòng tránh		
33	Trẻ nhận ra và không chơi một số đồ vật có thể gây nguy hiểm	- Những hành động nguy hiểm và cách phòng tránh những hành động và những nơi không an toàn. - Nhận biết những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng
34	Trẻ biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ.	- Một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ.
35	Trẻ biết không được theo người lạ ra khỏi trường.	- Không được theo người lạ ra khỏi trường - Người lạ đến đón không theo - Người lạ rủ đi chơi không được đi
36	Trẻ biết tránh một số hành động nguy hiểm khi được nhắc nhở	- Không cười đùa trong khi ăn - Không tự lấy thuốc uống - Không leo trèo bàn, ghế, lan can - Không nghịch các vật sắc nhọn - Không chơi dưới lòng đường.
LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC		
Biết các bộ phận cơ thể con người		
37	Trẻ nhận biết tên gọi chức năng của giác quan và một số bộ phận khác của cơ thể. Nhận ra một số hành động xâm phạm vùng riêng	- Tên gọi chức năng của giác quan và một số bộ phận khác của cơ thể. - Gọi tên vùng riêng tư của bản thân và từ chối khi người lạ chạm vào vùng riêng tư.

	tư	
Biết tên gọi, đặc điểm, công dụng của một số đồ vật.		
38	Trẻ nhận biết đặc điểm nổi bật, công dụng cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi.	- Đặc điểm nổi bật, công dụng cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi. - <i>Khám phá đồ dùng, đồ chơi truyền thống, đồ chơi phổ biến tại địa phương: Ví dụ quay gù, đánh khăng, viên sỏi...</i>
39	Trẻ nhận biết tên gọi, đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông quen thuộc	- Tên gọi, đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông quen thuộc tại địa phương.
40	<i>Trẻ nhận biết một số biển báo giao thông, luật giao thông, quy định giao thông đường bộ đơn giản.</i>	- <i>Nhận ra một số biển báo giao thông đường bộ như: cấm ô tô, cấm người đi bộ... , luật giao thông đường bộ đơn giản như: đi sát lề đường bên phải....và thực hiện một số hành động đơn giản.</i>
Biết đặc điểm nổi bật, ích lợi của động vật và thực vật quen thuộc.		
41	Trẻ biết tên gọi, đặc điểm, cấu tạo, ích lợi và mối liên hệ đơn giản của cây, hoa, quả quen thuộc với môi trường sống của chúng.	- Đặc điểm, cấu tạo, ích lợi và mối liên hệ đơn giản của cây, hoa, quả quen thuộc với môi trường sống của chúng. - <i>gọi tên tên hoa, quả bằng tiếng Anh theo mẫu: Quả táo- Apple; Quả chuối- Banana; Quả cam- Orange; hoa- Flower</i>
42	Trẻ nhận biết sự cần thiết của việc chăm sóc, tưới cây	- Bật sâu, nhổ cỏ tưới nước cho cây, hoa. - Các công đoạn để trồng được cây. - <i>Thực hành gieo hạt và quan sát sự thay đổi của chúng.</i> - <i>(ứng dụng phương pháp stem)</i>
43	Trẻ nhận biết tên gọi, đặc điểm , cấu tạo, ích lợi của một số con vật Trẻ nhận biết mối liên hệ đơn giản giữa con vật với môi trường sống của chúng	- Tên gọi, đặc điểm, cấu tạo, ích lợi của một số con vật: Nuôi trong gia đình, con vật sống trong rừng, con vật sống dưới nước, chim và côn trùng. - Cách chăm sóc và bảo vệ con vật gần gũi.
Xem xét và tìm hiểu đặc điểm của các sự vật, hiện tượng.		
44	Trẻ nhận biết về thời tiết	- Hiện tượng: Nắng, mưa, nóng, lạnh và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của trẻ.
45	Trẻ biết nhận biết tên gọi, đặc điểm các mùa trong năm	- Tên gọi, đặc điểm nổi bật các mùa trong năm: Xuân, hạ, thu, đông.

46	Trẻ nhận biết phân biệt ngày và đêm	- Một số dấu hiệu nổi bật của ngày và đêm, mặt trăng và mặt trời.
47	Trẻ hiểu biết về nước	- Một số nguồn nước trong sinh hoạt hằng ngày. - Ích lợi của nước với đời sống con người, con vật, cây.
48	Trẻ có hiểu biết về không khí và ánh sáng	- Con người cần có ô xy để thở. - Một số nguồn ánh sáng trong sinh hoạt hằng ngày.
49	Trẻ có hiểu biết về đất, đá, cát, sỏi	- Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi.
Nhận biết số đếm, số lượng.		
50	Trẻ đếm được trong phạm vi 5, biết cách đếm số theo thứ tự. Nhận ra các con số, đếm theo khả năng trên thực tế và trong phần mềm kidsmart	- Đếm trên đối tượng trong phạm vi 5 và đếm theo khả năng. - Đếm trên các đối tượng giống nhau và đếm đến 5 <i>Trò chơi máy số,</i>
51	<i>Tạo ra 1 con vật, một cái bánh theo thứ tự dưới sự hướng dẫn của giáo viên trên phần mềm kirdmart</i>	- <i>Tạo ra con côn trùng: Nghe và xem số, và số lượng tương ứng. Đặt từ 1 đến 10 mắt, tai, vết đốt, ... lên con côn trùng</i> - <i>Xưởng làm bánh</i>
52	<i>Trẻ đếm số từ 1- 5 bằng tiếng Anh</i> <i>Giúp trẻ nhận biết các chữ số (Sử dụng bức tương tác thông minh)</i>	- <i>Đếm số từ 1 đến 5 bằng tiếng Anh qua video youtube dạy đếm bằng tiếng Anh.</i> - <i>Tô nét chữ số từ 1 đến 10, đọc số bằng tiếng anh (trò chơi Leter school)</i> - <i>Đếm số lượng và chọn số tương ứng (Trò chơi: Kids learning Box)</i>
54	Trẻ biết so sánh hai nhóm đối tượng trong phạm vi 5 bằng các cách khác nhau và nói được từ: Bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.	- Biết so sánh hai nhóm đối tượng trong phạm vi 5 bằng các cách khác nhau và nói được từ: Bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.
55	Trẻ nhận biết được một và nhiều	- Nhận biết một và nhiều.
56	Trẻ biết gộp 2 nhóm đối tượng và đếm	- Gộp 2 nhóm đối tượng và đếm hai nhóm đối tượng cùng loại có tổng trong phạm vi 5.
57	Trẻ biết tách một nhóm đối tượng thành các nhóm nhỏ	- Tách một nhóm đối tượng thành các nhóm nhỏ. - Tách một nhóm đối tượng có số lượng trong phạm vi 5 thành 2 nhóm.

Biết sắp xếp theo quy tắc, xếp tương ứng, so sánh hai đối tượng		
58	Trẻ nhận ra quy tắc sắp xếp đơn giản (mẫu) và sao chép lại.	- Nhận ra quy tắc sắp xếp đơn giản (mẫu) và sao chép lại. - <i>Chọn đồ vật còn thiếu để tạo thành một quy tắc sắp xếp.(trò chơi Basic Skill Lite-bục tương tác thông minh)</i>
59	Trẻ biết xếp tương ứng 1-1, ghép đôi	- Xếp tương ứng 1-1 ghép đôi
60	Trẻ biết so sánh 2-3 đối tượng về kích thước	- So sánh 2 đối tượng về kích thước và nói được các từ: To hơn/nhỏ hơn; dài hơn/ngắn hơn; cao hơn/thấp hơn; bằng nhau. - <i>Trò chơi kidmart: To – Nhỏ - Vừa: Nhận biết chọn cỡ. Thử ba cỡ giày khác nhau cho 3 nhân vật.</i>
61	Trẻ biết xếp xen kẽ	- Xếp xen kẽ
Nhận biết về hình dạng		
62	Trẻ biết tên gọi và nhận dạng các hình trong thực tế: Vuông, tròn, tam giác, chữ nhật và nhận dạng các hình đó trong thực tế	- Gọi tên và nhận dạng các hình Vuông, tròn, tam giác, chữ nhật và nhận dạng các hình đó trong thực tế.
63	<i>Trẻ nhận ra, biết, và gọi đúng tên 1 số hình, biết sử dụng chuột để nhấp ghép các hình học để nhấp ghép qua một số trò chơi trong phần mềm kidmart</i>	<i>Trò chơi kidmart “ Ngôi nhà chuột”: Nhận biết, gọi đúng tên một số hình, sắp xếp các hình theo mẫu tạo ra bức tranh... nhận ra các hình và sắp xếp các hình thành các kiểu nhà</i>
Nhận biết vị trí trong không gian và định hướng thời gian		
64	<i>Trẻ sử dụng lời nói và hành động để chỉ vị trí của đối tượng trong không gian so với bản thân. Thực hành qua các trò chơi trên phần mềm Kidsmart.</i>	- <i>Nhận biết phía trên - dưới, trước - sau, tay phải – tay trái của bản thân</i> + <i>Đồng hồ lịch : Học về đơn vị thời gian khi bạn di chuyển tiến lùi hình minh họa bằng tháng, ngày, giờ, phút, giây</i>
KHÁM PHÁ XÃ HỘI		
Nhận biết bản thân, gia đình, trường lớp mầm non và cộng đồng		
65	Trẻ biết được tên, tuổi, giới tính của bản thân. Biết thể hiện bằng lời nói về mong muốn kể về bản thân	- Biết được tên, tuổi, giới tính của bản thân. Thể hiện sự hứng thú khi kể về bản thân

66	Trẻ biết được tên bố mẹ, các thành viên trong gia đình.	- Biết yêu mến bố, mẹ, anh, chị, em ruột - Kính trọng lễ phép với bố mẹ, ông bà - Gần gũi, thân thiện với anh, chị, em trong nhà - Biết được mối quan hệ trong gia đình: Ông bà; bố mẹ, anh chị, em trong gia đình. - cách gọi, cách xưng hô với những người thân trong gia đình bằng tiếng dân tộc tại địa phương (VD mẹ- mẹ; bố- ao; chị- sao; em- noong.....)
67	Trẻ biết được tên lớp, tên của cô giáo.	- Nói được tên trường/ lớp, cô giáo, bạn, đồ chơi, đồ dùng trong lớp khi được hỏi, trò chuyện.
68	Trẻ biết tên các bạn, đồ dùng, đồ chơi của lớp, các hoạt động của trẻ ở trường.	- Biết tên các bạn, đồ dùng, đồ chơi của lớp, trẻ biết tham gia các hoạt động ở lớp ở trường cùng cô và các bạn.
Nhận biết một số nghề phổ biến		
69	Trẻ biết tên gọi, sản phẩm và lợi ích của một số nghề phổ biến.	- Biết tên gọi, sản phẩm và lợi ích của nghề phổ biến khi được hỏi, xem tranh.
Nhận biết một số lễ hội và danh lam thắng cảnh		
70	Trẻ biết được cờ tổ quốc, tên của di tích lịch sử, ngày khai giảng, trung thu...	- Biết được cờ tổ quốc, tên của di tích lịch sử, ngày khai giảng, trung thu...qua trò chuyện, tranh ảnh
71	<i>Trẻ biết làm ra một số sản phẩm đơn giản từ các nguyên liệu khác nhau</i>	<i>- Khám phá nguyên liệu và cách làm ra một số sản phẩm ứng dụng vào thực tế (làm đèn lồng trung thu, làm mặt nạ bằng các nguyên liệu khác nhau, làm ngôi nhà....(ứng dụng phương pháp dạy học tiên tiến stem/steam)</i>
72	Trẻ biết một vài danh lam thắng cảnh ở địa phương.	- Biết kể tên một vài danh lam thắng cảnh, ngày lễ hội của địa phương (Chùa Yên Tử, Chùa Lân, Chùa Quỳnh Lâm, lễ hội Đền Sinh, ...)
PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ		
Nghe hiểu lời nói		
73	Trẻ hiểu được lời nói trong giao tiếp đơn giản.	- Hiểu các từ chỉ người, tên gọi, đồ vật, sự vật, hành động, hiện tượng gần gũi, quen thuộc

74	Trẻ hiểu và làm theo yêu cầu đơn giản	- Hiểu và làm theo yêu cầu đơn giản. - Hiểu được từ khái quát gần gũi: quần áo, đồ chơi, hoa, quả...
75	Trẻ hiểu được nội dung các câu đơn, câu mở rộng	- Hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng - Lắng nghe và hiểu được câu hỏi của người đối thoại. - Trả lời bằng cử chỉ, hành động một số câu hỏi, câu kể, câu cảm thán, câu cầu khiến rất đơn giản, quen thuộc.
76	<i>Trẻ nghe và trả lời bằng cử chỉ, hành động, 1-2 từ hoặc một số mẫu câu tiếng Anh đơn giản, quen thuộc khi chào hỏi, tạm biệt và được hỏi tên.</i>	<i>- Trả lời bằng cử chỉ, hành động, nói được 1-2 từ hoặc một số mẫu câu đơn tiếng Anh đơn giản, quen thuộc khi chào hỏi, tạm biệt và được hỏi tên. (Xin chào- Hello; Tạm biệt-Goodbye; Cảm ơn bạn - Thanks you; Tên tôi là...-I am ...;</i>
77	Trẻ nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc phù hợp với độ tuổi	- Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện đọc trong nước và nước ngoài, của dân tộc tại địa phương phù hợp với độ tuổi. - Kể lại truyện đơn giản đã được nghe với sự giúp đỡ của người lớn. - Bắt chước được giọng nói của nhân vật trong truyện.
78	Trẻ thích nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè phù hợp với độ tuổi, dưới sự giúp đỡ của cô.	- Nghe các bài hát, bài thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, câu đố, hò, vè có tại địa phương, trong nước và ngoài nước, các tác phẩm truyện song ngữ phù hợp với độ tuổi, dưới sự giúp đỡ. - Thích nghe đọc thơ, ca dao, đồng dao, tục ngữ, thích nghe kể chuyện.
79	Trẻ nhận ra được sắc thái biểu cảm của lời nói khi vui, buồn, tức giận, ngạc nhiên, sợ hãi	- Nhận ra được sắc thái biểu cảm của lời nói khi vui, buồn, tức giận, ngạc nhiên, sợ hãi. - <i>Thiết kế một số khuôn mặt mang biểu cảm (ứng dụng phương pháp dạy học tiên tiến Steam)</i>
Biết sử dụng lời nói trong cuộc sống hàng ngày		
80	Trẻ biết phát âm các tiếng của tiếng Việt	- Phát âm các tiếng của tiếng Việt - Nói rõ các tiếng - <i>Biết phát âm tên một số con vật bằng</i>

		tiếng Anh: Chó-Dog; Mèo-Cat; Gà-Chicken; lợn-Pig; con khỉ- Monkey; con voi- Elephant; con cá-Fish; con ong-Bee.
81	Trẻ biết sử dụng được các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm	- Sử dụng được các từ thông dụng chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm... - Sử dụng câu đơn, câu ghép.
82	Trẻ biết sử dụng lời nói để bày tỏ cảm xúc, nhu cầu và hiểu biết của bản thân.	- Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân bằng các câu đơn, câu mở rộng
83	Trẻ biết trả lời và đặt các câu hỏi: “Ai?”, “Cái gì?”, “ở đâu?”, “Khi nào?”	- Trả lời và đặt các câu hỏi: “Ai?”, “Cái gì?”, “ở đâu?”, “Khi nào?”
84	Trẻ biết sử dụng: một số từ chào hỏi và từ lễ phép phù hợp với tình huống	- Sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép: Vâng, dạ, thưa...
85	Trẻ có khả năng biểu đạt bằng nhiều cách khác nhau (Lời nói, nét mặt, cử chỉ, điệu bộ...)	- Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp
87	Trẻ kể lại được những việc đơn giản đã diễn ra của bản thân	- Kể lại được những việc đơn giản đã diễn ra của bản thân như: Thăm ông bà, đi chơi, xem phim...
88	Trẻ biết mô tả lại sự vật qua tranh ảnh có sự giúp đỡ. - Trẻ kể lại sự việc theo gợi mở của cô giáo	- Mô tả lại sự vật qua tranh ảnh có sự giúp đỡ - Kể lại sự việc theo gợi mở của cô giáo
89	Trẻ biết đóng vai các nhân vật trong truyện quen thuộc theo sự dẫn dắt của cô	- Đóng vai theo lời dẫn truyện của cô giáo - Bắt chước giọng nói của nhân vật trong truyện
90	Trẻ biết sử dụng các từ “vâng ạ”; “Dạ”; “Thưa”... trong giao tiếp	- Biết sử dụng các từ “vâng ạ”; “Dạ”; “Thưa”... trong giao tiếp - Nói đủ nghe, không nói lí nhí.
Làm quen với việc đọc viết		
91	Trẻ có thể biết một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống	- Làm quen với một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống (Nhà vệ sinh, lối ra, nguy hiểm, biển báo giao thông, đường cho người đi bộ...)
92	Giúp trẻ nhận biết chữ cái, nhận biết các con vật thông qua tô các nét gợi ý tạo thành con vật	- Tô các nét chữ cái (Trò chơi: ABC DRAW)

	- <i>Giúp trẻ nhận biết các chữ cái in hoa và in thường (Sử dụng bức tương tác thông minh)</i>	- <i>Tô màu chữ cái xuất hiện trên màn hình (Trò chơi ABC Kids)</i> - <i>Đọc chữ cái Tiếng Việt theo đường đi của con rùa (Kids lear to read lite)</i> - <i>Nhận biết và vẽ các con vật với các nét gợi ý (Trò chơi: ABC DRAW)</i>
93	Trẻ thể hiện sự thích thú với sách	- Tiếp xúc với sách truyện, chữ viết - Xem và nghe đọc các loại sách khác nhau trong nước, ngoài nước và truyện cổ..... - Đề nghị người khác đọc sách mà trẻ thích.
94	Trẻ thích “đọc” theo truyện tranh đã biết	- Tiếp xúc với chữ, sách truyện trong nước, ngoài nước, các thể loại tranh chuyện khác nhau. - Xem và nghe đọc các loại truyện tranh khác nhau.
95	Trẻ được làm quen với cách đọc, viết tiếng Việt	- Hướng đọc, viết: Từ trái sang phải, từ dòng trên xuống dòng dưới
96	Trẻ có một số hành vi như người đọc sách	- Cầm sách đúng chiều, mở sách, xem tranh và “đọc” truyện.
97	Trẻ có hành vi giữ gìn, bảo vệ sách	- Giữ gìn, bảo vệ sách: Mở, lật từng trang, gấp sách gọn gàng
98	Trẻ nhìn vào tranh minh họa gọi được tên nhân vật	- Nhìn vào tranh minh họa gọi được tên nhân vật trong tranh.
99	Trẻ thích vẽ, “Viết” nguệch ngoạc.	- Thích vẽ, “Viết” nguệch ngoạc.
PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM VÀ KỸ NĂNG XÃ HỘI Thể hiện ý thức về bản thân		
100	Trẻ nói được một số thông tin quan trọng về bản thân.	- Tên, tuổi, giới tính - Địa chỉ gia đình.
101	Trẻ biết những điều bé thích, không thích	- Sở thích của bản Thân - Khả năng của bản thân - Nói về sở thích và khả năng của bản thân với bạn bè và cô giáo.
102	Trẻ mạnh dạn tham gia vào các hoạt động, mạnh dạn chia sẻ những ý kiến, câu trả lời khi được	- Mạnh dạn tham gia vào các hoạt động, mạnh dạn bày tỏ ý kiến khi trả lời câu hỏi. -

	người khác đặt câu hỏi.	
Nhận biết và thể hiện cảm xúc, tình cảm		
103	Trẻ thích thực hiện công việc đơn giản được giao	- Cố gắng thực hiện công việc đơn giản được giao (chia giấy vẽ, xếp đồ chơi...)
104	Trẻ nhận biết một số trạng thái, cảm xúc qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói	- Nhận biết một số trạng thái, cảm xúc (Vui, buồn, sợ hãi, tức giận) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói
105	Trẻ biết biểu lộ cảm xúc qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, trò chơi, hát vận động	- Biết biểu lộ cảm xúc qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, trò chơi, hát vận động
106	Trẻ nhận ra được hình ảnh Bác Hồ	- Nhận ra hình ảnh Bác Hồ - Kính yêu Bác Hồ
107	Trẻ thích nghe kể chuyện, nghe hát, đọc thơ, xem tranh ảnh về Bác Hồ	- Kể chuyện, hát, đọc thơ về Bác - Suy tầm tranh ảnh về Bác
108	Trẻ quan tâm đến cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước.	- Quan tâm đến cảnh đẹp, lễ hội của quê hương, đất nước. - <i>Biết một số danh lam thắng cảnh có tại địa phương (Am Ngọa Vân, Chùa Hồ Thiên, Khe Song - thác Bạc, Chùa Quỳnh Lâm, Đền Sinh...)</i>
Có hành vi và quy tắc ứng xử xã hội phù hợp		
109	Trẻ biết một số qui định ở lớp và gia đình	- Để đồ dùng vào tủ tư trang - Để đồ chơi đúng nơi qui định - Để dép, ca uống nước lên giá...
110	Trẻ biết dùng cử chỉ đẹp, lời nói lễ phép	- Đến lớp chào cô, chào bố ,mẹ - Biết xin khi được nhận quà - Cảm ơn khi được giúp đỡ
111	Trẻ biết chờ đến lượt	- Chờ đến lượt vệ sinh - Chờ đến lượt nhận cơm - Chờ đến lượt nhận đồ dùng học tập...
112	Trẻ biết yêu mến bố, mẹ, anh, chị, em ruột.	- Biết yêu mến bố, mẹ, anh, chị, em ruột.
113	Trẻ biết chơi hòa thuận với bạn	- Chơi hòa thuận với bạn - Quan tâm đến bạn - Cùng chơi và chia sẻ đồ chơi với bạn trong các trò chơi theo nhóm nhỏ
114	Trẻ nhận biết hành vi “đúng” -	- Nhận biết hành vi “đúng” - “sai”, “tốt” -

	“sai”, “tốt” - “xấu”	“xấu”
Biết quan tâm đến môi trường		
115	Trẻ biết tiết kiệm điện, nước	- Không vặn vòi nước khi chưa rửa tay - Không bật quạt khi đi chỗ khác chơi
116	Trẻ biết giữ gìn vệ sinh môi trường	- Ăn quả xong vứt vỏ vào thùng rác - Đi vệ sinh đúng nơi qui định - Không bẻ cành cây vứt ra sân trường - Nhặt lá rụng trong sân trường.
117	Trẻ biết bảo vệ, chăm sóc con vật và cây cối	- Yêu, chăm sóc và bảo vệ con vật xung quanh. - Không ngắt hoa, bẻ cành các loại cây cảnh trong vườn, biết và thích được chăm sóc cây xanh, hoa, quả xung quanh. - Thích quan sát cảnh vật thiên nhiên và tham gia chăm sóc cây - Biết bỏ rác đúng nơi quy định.
LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN THẨM MỸ		
Cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống...		
118	Trẻ biết bộc lộ cảm xúc trước vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng xung quanh và các tác phẩm nghệ thuật gần gũi.	- Biết bộc lộ cảm xúc trước vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng xung quanh và các tác phẩm nghệ thuật gần gũi, ngắm nhìn vẻ đẹp nổi bật của các sự vật hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật
Có một số kỹ năng trong hoạt động âm nhạc và tạo hình		
119	Thích hát, nghe hát, nghe nhạc	- Nghe các bài hát, bản nhạc thiếu nhi, dân ca, nhạc nước ngoài, nhạc không lời. - Chú ý nghe, thích được hát theo, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư theo bài hát, bản nhạc, bài hát thiếu nhi, dân ca, nhạc không lời, nhạc nước ngoài...
120	Trẻ hào hứng hát theo cô	- Hát đúng giai điệu, lời ca bài hát, hát tự nhiên các bài hát trong và ngoài nước.
121	Trẻ biết hát kết hợp với vận động đơn giản	- Vận động đơn giản theo nhịp điệu của các bài hát.(Nhún nhảy, dậm chân, vỗ tay...) - Vận động theo ý thích khi hát, nghe các bản nhạc dân tộc, dân ca, nhạc không lời, nhạc dân tộc, nhạc nước ngoài.

		- Vận động theo ý thích các bài hát, bản nhạc thiếu nhi, nhạc dân tộc, nhạc nước ngoài... bằng bộ gõ cơ thể hoặc những dụng cụ phát ra âm thanh.
122	Trẻ biết sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp	- Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp các bản nhạc dân tộc, dân ca, nhạc không lời, nhạc dân tộc, nhạc nước ngoài.
123	Trẻ vui sướng, chỉ, sờ, ngắm nhìn và nói lên cảm nhận của trẻ.	- Vui sướng, chỉ, sờ, ngắm nhìn và nói lên cảm nhận của trẻ trước vẻ đẹp nổi bật (màu sắc, hình dáng...) của các tác phẩm tạo hình.
124	Trẻ biết sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm theo gợi ý.	- <i>Sử dụng các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm (Ứng dụng phương pháp dạy học tiên tiến Stem/steam)</i> - Nhận xét sản phẩm tạo hình.
Thể hiện sự sáng tạo khi tham gia các hoạt động nghệ thuật		
125	Trẻ biết sử dụng một số kỹ năng vẽ, nặn, cắt, xé, dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm đơn giản	- Vẽ các nét thẳng, nét xiên, ngang bức tranh đơn giản. - Xé theo dải, xé vụn - Lăn dọc, xoay tròn, ấn bẹt, xếp chồng... - Sử dụng một số kỹ năng vẽ, nặn, cắt, xé, dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm đơn giản. - <i>Vẽ, nặn, cắt dán bằng cảm nhận đa giác quan.</i>
126	Trẻ vận động theo ý thích khi hát/ nghe các bài hát, bản nhạc quen thuộc.	- Vận động theo ý thích khi hát/ nghe các bài hát, bản nhạc dân tộc, dân ca, nhạc không lời, nhạc dân tộc, nhạc nước ngoài. quen thuộc.
127	Trẻ biết tạo ra sản phẩm đơn giản theo ý thích	- Tạo ra sản phẩm đơn giản theo ý thích - <i>Tạo ra sản phẩm theo sự sáng tạo của trẻ (ứng dụng phương pháp dạy học stem/steam)</i>
128	Trẻ biết đặt tên cho sản phẩm của mình	- Đặt tên cho sản phẩm của mình
129	Trẻ biết sử dụng nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm	- Biết sử dụng nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra sản phẩm theo sự gợi ý. - <i>Sử dụng các nguyên vật liệu khác nhau để tạo ra sản phẩm có ứng dụng trong đời</i>

		<i>sống (Ứng dụng phương pháp thực hành trải nghiệm: stem/steam/Reggo Amellia...)</i>
--	--	--

3. Độ tuổi 4-5 tuổi:

3.1. MỤC TIÊU VÀ NỘI DUNG CHĂM SÓC, NUÔI DƯỠNG

STT	MỤC TIÊU	NỘI DUNG
TỔ CHỨC ĂN, NGỦ		
1	- Trẻ được ăn, uống theo chế độ ăn, khẩu phần ăn, số lượng bữa ăn, lượng nước phù hợp với độ tuổi tại trường. Đảm bảo đủ chất dinh dưỡng và lượng calo cho trẻ.	- Chế độ dinh dưỡng đáp ứng nhu cầu của trẻ theo độ tuổi; - Ăn đủ 2 bữa chính 1 bữa phụ, ăn hết suất ăn. - Ăn theo thực đơn, ăn đủ khẩu phần và cân đối về dưỡng chất. Nhu cầu năng lượng tại trường của 1 trẻ trong một ngày chiếm 50 – 55% nhu cầu cả ngày: 615 – 726 Kcal. Tỷ lệ các chất P:L:G = 20 : 35: 60. Uống đủ nước: khoảng 1,6 – 2,0 lít/trẻ/ngày (kể cả nước trong thức ăn).
2	Trẻ được ngủ trưa đúng giờ, đủ giấc và an toàn.	- Ngủ trưa đúng, đủ giờ (150 phút: từ 11h30 – 13h45).
3	Trẻ khỏe mạnh, có cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi: - Cân nặng và chiều cao phát triển bình thường đối với bé trai: + Cân nặng: 14,1 kg - 24,2 kg + Chiều cao: 100,7cm - 119,2cm - Cân nặng và chiều cao phát triển bình thường đối với bé gái: + Cân nặng: 13,7 kg - 24,9 kg. + Chiều cao: 99,9 - 118,9cm.	- Trẻ được chăm sóc và bảo vệ sức khỏe: + Khám sức khỏe định kỳ theo quy định (2 lần/ năm);Cân đo theo định kỳ: Cân – đo 3 tháng/ lần; + Đối với trẻ suy dinh dưỡng cân đo 1 tháng/lần; + Đánh giá tình trạng sức khỏe của trẻ trên biểu đồ chính xác; + Theo dõi và đánh giá sức khỏe hàng ngày. - Các hoạt động để phát triển thể chất cho trẻ (vận động cơ bản và phát triển các tố chất vận động ban đầu).

3.2 MỤC TIÊU GIÁO DỤC

STT	MỤC TIÊU	NỘI DUNG
I. PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT		
4	- Trẻ biết tập các động tác phát triển nhóm cơ và hô hấp:	- Hô hấp: Hít vào, thở ra. * Các động tác phát triển nhóm cơ: - Tay: + Đưa 2 tay lên cao, ra phía trước sang 2 bên (kết hợp với vẫy bàn tay, nắm, mở bàn tay) + Co và duỗi tay, vỗ 2 tay vào nhau (phía trước, phía sau, trên đầu) - Bụng, lưng, lườn: + Cúi về trước, ngửa người ra sau. + Quay sang trái, sang phải. + Nghiêng người sang trái, sang phải. - Chân: + Nhún chân. + Ngồi xổm, đứng lên, bật tại chỗ. + Đứng lần lượt từng chân co cao đầu gối.
5	- Trẻ biết tập luyện các kỹ năng cơ bản giữ thăng bằng khi đi.	- Đi bằng gót chân, đi khụy gối, đi lùi. - Đi trên ghế thể dục, đi trên vạch kẻ thẳng trên sàn. - Đi thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh, dích dắc (đổi hướng) theo vật chuẩn
6	- Trẻ có thể chạy nhanh chậm thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh	- Chạy 15m trong khoảng 10 giây - Chạy chậm 60-80m - Chạy thay đổi hướng vận động đúng tín hiệu vật chuẩn (4-5 vật chuẩn đặt dích dắc)
7	- Trẻ có thể kiểm soát được các vận động bò	- Bò bằng bàn tay và bàn chân 3 – 4 m - Bò dích dắc qua 5 điểm - Bò chui qua cổng, ống dài 1,2 x 0,6m
8	- Trẻ biết khéo léo trườn theo hướng thẳng	- Trườn theo hướng thẳng
9	- Trẻ biết thực hiện vận động trèo lên xuống ghế	- Trèo qua ghế dài 1,5 x 30 cm - Trèo lên xuống 5 gióng thang
10	- Trẻ biết phối hợp tay - mắt trong vận động tung, ném, bắt bóng	- Tung bóng lên cao và bắt bóng. - Tung bắt bóng với người đối diện. - Đập và bắt bóng tại chỗ.

		- Ném xa bằng 1 tay, 2 tay. - Ném trúng đích bằng 1 tay. - Ném trúng đích ngang (xa 2m) - Ném trúng đích đứng (xa 1,5m x cao 1,2m). - Chuyên, bắt bóng qua đầu, qua chân.
11	- Trẻ có thể dùng sức mạnh để thực hiện các vận động bật- nhảy	- Bật liên tục về phía trước. - Bật xa 35 - 40 cm. - Bật nhảy từ trên cao xuống (cao 30-35 cm). - Bật tách chân, khép chân qua 5 ô. - Bật qua vật cản cao 10-15cm. - Nhảy lò cò 3m.
12	- Trẻ có kỹ năng trong một số hoạt động cần sự khéo léo của bàn tay:	- Vo, xoáy, xoắn, vặn, búng ngón tay, vê, véo, vuốt, miết, ấn bàn tay, ngón tay, gấn nối... - Gập giấy. - Lắp ghép hình. - Xé, cắt đường thẳng. - Tô, vẽ hình. - Cài, cởi cúc, khâu, buộc dây.
GIÁO DỤC DINH DƯỠNG VÀ SỨC KHỎE		
NHẬN BIẾT MỘT SỐ MÓN ĂN THỰC PHẨM THÔNG THƯỜNG VÀ ÍCH LỢI CỦA CHÚNG ĐỐI VỚI SỨC KHỎE		
13	Trẻ nhận biết một số món ăn, thực phẩm thông thường và ích lợi của chúng đối với sức khỏe.	- Giá trị dinh dưỡng của một số thực phẩm thông thường trong các nhóm thực phẩm (Trên tháp dinh dưỡng.) - Trẻ biết các bữa ăn trong ngày và ích lợi của việc ăn uống đủ lượng và đủ chất. - Một số loại thức ăn không có lợi cho sức khỏe và sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (Ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...)
14	- Trẻ nhận biết tên một số món ăn hàng ngày và dạng chế biến đơn giản :	- Trẻ nói được cách chế biến đơn giản của một số thực phẩm, món ăn. Rau luộc, nấu canh, thịt có thể luộc, rán, kho, gạo nấu cơm, nấu cháo. - Trẻ được ăn uống theo nhu cầu
15	- Trẻ nhận biết các bữa ăn trong	- Trẻ biết ăn để cao lớn, khỏe mạnh,

	ngày và ích lợi của ăn uống đủ lượng và đủ chất.	thông minh và biết ăn nhiều loại thức ăn khác nhau để có đủ chất dinh dưỡng. - Nhận ra sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật (ỉa chảy, sâu răng, suy dinh dưỡng, béo phì...)
TẬP MỘT SỐ VIỆC TỰ PHỤC VỤ TRONG SINH HOẠT		
16	- Trẻ thực hiện được một số việc tự phục vụ trong sinh hoạt	- Thực hiện được một số việc khi được nhắc nhở - Tự rửa tay bằng xà phòng, tự lau mặt đánh răng - Tự thay quần, áo khi bị ướt, bẩn. - Tự cầm thìa bát xúc ăn gọn gàng, không rơi vãi đồ thức ăn
TRẺ CÓ MỘT SỐ THÓI QUEN TỐT TRONG SINH HOẠT VÀ GIỮ GÌN SK		
17	- Trẻ có một số hành vi, thói quen trong sinh hoạt và giữ gìn sức khỏe.	- Lợi ích của việc giữ gìn vệ sinh thân thể, vệ sinh môi trường đối với sức khỏe con người. - Ích lợi của mặc trang phục phù hợp với thời tiết. - Một số biểu hiện khi ốm và cách phòng tránh đơn giản. - Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn, những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng. - Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ - <i>Trẻ được tập luyện để cơ thể khỏe mạnh và con người có được trạng thái thoải mái về thể chất và tinh thần</i>
18	- Vệ sinh răng miệng, đội mũ khi ra nắng, mặc áo ấm đi tất khi trời lạnh, đi dép giầy khi đi học	- Tập luyện kỹ năng rửa mặt, chải răng hàng ngày có kỹ năng tự phục vụ cá nhân, lựa chọn đồ dùng cá nhân khi thời tiết thay đổi. - Lựa chọn trang phục phù hợp với thời tiết.
19	- Biết nói với người lớn khi bị đau, chảy máu hoặc sốt....	Nhận biết một số biểu hiện của bản thân bị đau, bị sốt, chảy máu và biết chia sẻ những biểu hiện với người lớn.

20	- Bỏ rác đúng nơi quy định	- Nhận biết được một số rác thải, biết phân loại rác và biết bỏ rác đúng nơi quy định.
BIẾT MỘT SỐ NGUY CƠ KHÔNG AN TOÀN VÀ PHÒNG TRÁNH.		
21	- Nhận biết và phòng tránh những hành động nguy hiểm, những nơi không an toàn, những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng.	Nhận ra bàn là đang đun, phích nước nóng .., là nguy hiểm không đến gần. Biết các vật sắc nhọn không nên nghịch. Nhận ra những nơi như: hồ, ao, nương nước, suối, bể chứa nước... là nơi nguy hiểm, không được lại gần - Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp và gọi người giúp đỡ.
22	- Biết một số hành động nguy hiểm trong ăn, uống, không cười đùa khi ăn, uống các loại quả có hạt.	Nhận biết một số hành động nguy hiểm, có ý thức trong khi ăn uống, có hành vi văn minh trong ăn uống, tránh xảy ra tình huống nguy hiểm, biết gọi người giúp đỡ khi khẩn cấp.
23	- Không ăn thức ăn có mùi ôi, thiu, không ăn thức ăn lạ, không uống bia rượu, không hút thuốc lá, không tự ý uống thuốc.	Nhận ra thức ăn có mùi lạ, không ăn những thức ăn ôi thiu, không hút thuốc lá, không uống rượu bia, không tự ý uống thuốc, không được ra khỏi trường khi không được phép của cô giáo.
24	- Biết gọi người khi bị lạc, nói được tên địa chỉ gia đình, số điện thoại người thân khi cần thiết	Thuộc và có thể đọc được số điện thoại của người thân, nhớ được địa chỉ gia đình, biết nhờ người giúp đỡ khi bị lạc.
PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC		
KHÁM PHÁ KHOA HỌC		
XEM XÉT VÀ TÌM HIỂU ĐẶC ĐIỂM CỦA CÁC SỰ VẬT MỘT SỐ HIỆN TƯỢNG TỰ NHIÊN		
25	-Trẻ quan tâm đến những thay đổi của sự vật hiện tượng xung quanh với sự gợi ý, hướng dẫn của cô giáo.	-Một số hiện tượng thời tiết theo mùa và ảnh hưởng của nó đến sinh hoạt của con người. - Sự khác nhau giữa ngày và đêm - Các nguồn nước trong môi trường sống - Ích lợi của nước đối với đời sống con người và cây - Một số đặc điểm tính chất của nước - Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước.

		- Không khí các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó đối với cuộc sống con người, con vật. - <i>Tìm hiểu các yếu tố thời tiết khác nhau.</i>
26	- Trẻ biết làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán hiện tượng	Làm thử nghiệm và sử dụng công cụ đơn giản để quan sát, so sánh, dự đoán hiện tượng như pha màu, đường, muối vào nước, dự đoán, quan sát và so sánh. (<i>ứng dụng phương pháp dạy học stem/steam</i>)
27	- Trẻ nhận biết đặc điểm, công dụng và cách sử dụng đồ dùng, đồ chơi <i>biết ứng dụng phân mềm Kismart phân loại đồ dùng trong ngôi nhà khoa học của Sammy</i>	- Đặc điểm, công dụng và cách sử dụng một số đồ dùng, đồ chơi truyền thống, phổ biến có tại địa phương - Phân loại, so sánh một số đồ dùng đồ chơi phổ biến với đồ dùng đồ chơi truyền thống của địa phương - <i>Sử dụng một số kỹ năng đơn giản trên máy tính để khám phá, thực hành phân loại, sắp xếp, quan sát, dự đoán và xây dựng đồ dùng trong ngôi nhà khoa học của Sammy</i>
28	- Trẻ thu thập thông tin về đối tượng bằng nhiều cách khác nhau	- Trẻ có thể thu thập thông tin về đối tượng sự vật hiện tượng bằng nhiều cách khác nhau : xem sách, tranh, ảnh nhận xét và trò chuyện.
29	- Trẻ nhận ra một số mối liên hệ đơn giản giữa sự vật, hiện tượng quen thuộc tại địa phương.	+ Nhận xét một số mối liên hệ đơn giản giữa đặc điểm cấu tạo với cách sử dụng của đồ dùng, đồ chơi quen thuộc tại địa phương - Phân biệt các từ chỉ tên gọi đồ vật , sự vật, hành động quen thuộc của một số dân tộc có tại địa phương (VD rô- Lả, chén – chò, bát- pát, nồi- mỗ, áo quần - xữ vá.....) - Một số đặc điểm của đường giao thông tại địa phương (đường leo dốc, đường mòn, đường ngoằn ngoèo....)
30	- Trẻ biết phối hợp các giác quan để xem xét sự vật hiện tượng.	Phối hợp các giác quan để xem xét sự vật hiện tượng như kết hợp nhìn, sờ, ngửi,

		ném...để tìm hiểu đặc điểm của đối tượng.
31	- Trẻ nhận ra một số đặc điểm giống và khác nhau ; Phân loại đồ dùng đồ chơi của địa phương	+ So sánh sự khác nhau và giống nhau; Phân loại 2-3 đồ dùng, đồ chơi về tên gọi, đặc điểm cấu tạo, hình dáng, chất liệu của địa phương.
32	- Trẻ nhận biết đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông thông dụng ở địa phương và phân loại theo 1-2 dấu hiệu.	- Đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông thông dụng ở địa phương và phân loại, so sánh với vùng miền khác theo 1-2 dấu hiệu (Xe bò, xe ba gác, xe thò....
33	- Trẻ nhận biết một số đặc điểm bên ngoài của thực vật	- Đặc điểm bên ngoài của một số thực vật, lợi ích của thực vật đối với sức khỏe, môi trường sống của con người và động vật - So sánh 2-3 dấu hiệu giống và khác nhau của một số loại cây; hoa; rau; quả... - Trẻ gọi tên một số thực vật tại địa phương (cây keo, cây bạch đàn, cây thông.....)
34	- Trẻ nhận biết một số đặc điểm bên ngoài của con vật	- Đặc điểm, cấu tạo đặc trưng của con vật (Động vật nuôi trong gia đình, dưới nước, côn trùng và trong rừng...) , lợi ích của nó. - So sánh 2-3 dấu hiệu giống và khác nhau của một số con vật : Đặc điểm bên ngoài, môi trường sống, thức ăn... - Cách tiếp xúc an toàn với chúng.
35	- Trẻ quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây với môi trường sống.	- Quan sát, phán đoán mối liên hệ đơn giản giữa con vật, cây với môi trường sống.
36	- Trẻ biết cách chăm sóc và bảo vệ con vật, cây cối, thiên nhiên.	- Biết cách chăm sóc và bảo vệ các con vật. + Thích cho các con vật ăn và ngắm nhìn, vuốt ve các con vật quen thuộc - Chăm sóc, bảo vệ cây cối. + Bắt sâu, nhổ cỏ tưới nước cho cây, hoa + Các công đoạn để trồng được cây

		- Gieo hạt và quan sát sự lớn lên của hạt, của cây (ứng dụng phương pháp dạy học tiên tiến stem)
37	- Trẻ nhận biết thời tiết, mùa. Sử dụng thiết bị thông minh nhận biết về thời tiết và các mùa trong năm	+ Sự thay đổi trong sinh hoạt của con người, con vật và cây theo mùa. + Thứ tự các mùa trong năm và các hiện tượng thời tiết thay đổi theo mùa. + Quan sát, nhận xét các hiện tượng thời tiết: mưa, nắng, gió, bão...theo mùa. Quan sát bầu trời, mặt trời, mặt trăng và thảo luận. Trò chơi: Ao thiên nhiên bốn mùa : Khám phá động thực vật khi chúng thích ứng với sự thay đổi các mùa. * Máy tạo thời tiết : Vận dụng các yếu tố thời tiết khác nhau. Nghe dự báo và xem hình minh họa thời tiết mà bạn vừa tạo.
38	- Trẻ biết sự khác nhau giữa ngày và đêm. Sử dụng thiết bị thông minh nhận biết về thời tiết và các mùa trong năm	- Sự khác nhau giữa ngày và đêm, mặt trăng và mặt trời. Trò chơi: Anh em nhà đồng hồ : Gặp gỡ đồng hồ điện tử Annva2 đồng hồ Đan. Học cách nói về thời gian trên hai loại đồng hồ bằng giờ, nửa giờ và một phần tư giờ * Hộp cát biểu tượng : Đặt các biểu tượng lên bản đồ hộp cát rồi quan sát các quả đồi, đường đi, các hồ và thành phố mọc lên trước mắt bạn * Đồng hồ lịch : Học về đơn vị thời gian khi bạn di chuyển tiến lùi hình minh họa bằng tháng, ngày, giờ, phút, giây
39	- Trẻ hiểu biết về nước	- Các nguồn nước trong môi trường sống. - Ích lợi của nước với đời sống con người, con vật và cây.
40	- Trẻ biết một số đặc điểm, tính	- Một số đặc điểm, tính chất của nước,

	chất của nước	- Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước. - Nhận biết được hành động của việc bảo vệ môi trường nước: Không vứt rác xuống suối, khe, đầu nguồn; Không phun thuốc sâu thuốc cỏ trên rừng. - <i>Sự biến đổi kì diệu của nước (Áp dụng phương pháp dạy học tiên tiến Stem liên môn)</i>
41	- Trẻ có hiểu biết về không khí, ánh sáng và sự cần thiết của nó đối với cuộc sống.	- Con người cần có ô xy để thở - Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó đối với cuộc sống con người, con vật và cây. - Trẻ biết phê phán hành vi làm ô nhiễm nguồn không khí: vứt xác động vật ra ao, hồ, sông, suối.
42	- Trẻ có hiểu biết về đất, đá, cát, sỏi	- Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi - <i>Biết sáng tạo một số đồ chơi, trò chơi từ cát đá, sỏi</i>
43	- Trẻ nhận biết về bản thân, gia đình, trường lớp mầm non và cộng đồng.	- Nói họ tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện - Nói họ, tên và công việc của bố mẹ, các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình - Nói địa chỉ của gia đình mình (Số nhà, đường phố/ thôn, xóm) Khi được hỏi trò chuyện - Nói tên địa chỉ của trường khi được hỏi và trò chuyện - <i>Khám phá đặc điểm giống và khác nhau của bạn trai, bạn gái, các khả năng, nhu cầu giống nhau của bạn trai, bạn gái</i>
LÀM QUEN VỚI MỘT SỐ KHÁI NIỆM SƠ ĐẲNG VỀ TOÁN		
NHẬN BIẾT SỐ ĐẾM, SỐ LƯỢNG		
44	- Trẻ có thể đếm số lượng. <i>Đếm theo khả năng, theo thứ tự đúng</i> các đối tượng xung quanh, hỏi	- Đếm trên đối tượng trong phạm vi 10 và đếm theo khả năng. <i>Theo thứ tự đúng. Nghe và xem số, và số lượng</i>

	bao nhiêu là số mấy ?	<i>tương ứng. Đặt từ 1 đến 10. In, tô màu và thu lại thanh cho những con côn trùng được tạo ra thông qua trò chơi con số của tôi, Con Bọ trong ngôi nhà toán học của MILLIE.</i>
45	- Trẻ biết chữ số, số lượng tương ứng với chữ số và số thứ tự	Thử ba cỡ giấy khác nhau cho 3 nhân vật. Trò chơi trong kidsmart: Ngôi nhà chuột: Con số của tôi; Bing và Boing Con bọ: * Xưởng làm bánh: Dùng kỹ năng tưởng tượng và đếm. Thử các thiết bị theo thứ tự khác nhau để tạo ra các kết quả khác nhau. Dùng mút đậu để trang trí cho bánh. * Máy số : Nhận biết số. Xem & nghe những con vật được liệt kê (đếm) khi chúng vọt ra khỏi ngăn kéo.
46	- Trẻ có thể tập hợp các nhóm đối tượng	- Gộp 2 nhóm đối tượng và đếm. - Tách 1 nhóm đối tượng thành các nhóm nhỏ hơn
	- Nhận biết sự hơn kém trong phạm vi 10	- So sánh số lượng của hai nhóm đối tượng trong phạm vi 10 bằng các cách khác nhau và nói được các từ bằng nhau, nhiều hơn, ít hơn.
47	- Trẻ Nhận biết ý nghĩa của các con số	- Ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hàng ngày (Số nhà, biển số xe...) - Ý nghĩa của con số 113,114,115. <i>Trên trò chơi phần mềm Kisdmart (con số của tôi, con bọ, máy số); trò chơi bức tương tác thông minh (123 Numbes, kids learning Box, math for kids)</i> - <i>Biết đọc các con số đơn lẻ đó bằng tiếng Anh Trên bức giảng thông minh thông qua trò chơi: Kids learning Box.</i>

		Leter school.
SẮP XẾP THEO QUY TẮC		
48	- Trẻ biết xếp tương ứng	Xếp tương ứng 1-1, ghép đôi. * To – Nhỏ - Vừa: So sánh và chọn cỡ: Trò chơi: bé vừa- bé bự trong phần mềm kidsmart.
49	- Trẻ biết so sánh và sắp xếp theo quy tắc.	So sánh, phát hiện quy tắc sắp xếp và sắp xếp theo quy tắc. <i>Nhận ra quy tắc sắp xếp của ít nhất ba đối tượng và sao chép lại trên hoa văn, khăn áo thổ cẩm, vật trang trí của một số dân tộc tại địa phương</i> - Chọn đồ vật còn thiếu để tạo thành một quy tắc sắp xếp. <i>Trên bức giảng thông minh thông qua Trò chơi: Basic Skills Lite</i>
50	- Trẻ biết cách đo lường bằng một đơn vị đo	- Đo độ dài một vật bằng một dụng cụ đo gần gũi, quen thuộc với trẻ ở địa phương - Đo dung tích bằng một đơn vị đo (Gáo dừa, ống tre, ống lú....)
HÌNH DẠNG		
51	- Nhận biết sự giống và khác nhau của các hình học. <i>Phân biệt được 1 số hình , biết chắp ghép các hình để tạo thành hình mới</i>	* So sánh sự khác nhau và giống nhau của các hình: hình vuông, hình tam giác, hình tròn, hình chữ nhật. - Một số hình học qua các đồ dùng của một số dân tộc tại địa phương : Cái gùi, gáo dừa, đàn tính, hoa văn trên quần áo, khăn - Chắp ghép các nguyên liệu : que củi, dây rùng, dây đay thành các hình hình học để tạo thành các hình mới theo ý thích và theo yêu cầu. - Chọn hình, thiết lập hình, nhận biết/ xác định mẫu hình mẫu, thông qua trò chơi ngôi nhà chuột, Bình và boing trong ngôi nhà toán học của Millie. - Chắp ghép hình hình học thành các phương tiện giao thông

ĐỊNH HƯỚNG TRONG KHÔNG GIAN VÀ ĐỊNH HƯỚNG THỜI GIAN.		
52	- Trẻ <i>tự do tìm tòi, khám phá</i> , biết định hướng <i>về không gian phù hợp với khả năng, nhu cầu độ tuổi của trẻ</i> ,	- Xác định vị trí của đồ vật so với bản thân trẻ và so với bạn khác (Phía trước - phía sau ; phía trên – phía dưới ; phía phải – phía trái). - <i>Làm quen để sử dụng các phương hướng chính, thông qua trò chơi truy tìm hạt mít đậu trong ngôi nhà không gian và thời gian của TRUDY.</i>
53	- Trẻ <i>tự do tìm tòi, khám phá trên phần mềm kidsmart</i> . Trẻ có thể định hướng về thời gian <i>phù hợp với khả năng, nhu cầu độ tuổi của trẻ</i> .	- <i>Làm quen về đơn vị thời gian</i> . Nhận biết các buổi: sáng trưa, chiều, tối <i>thông qua trò đồng hồ lịch trong ngôi nhà không gian và thời gian của TRUDY và trò đồng Anh em nhà đồng hồ trong THINKIN'THING.</i>
KHÁM PHÁ XÃ HỘI		
BẢN THÂN, GIA ĐÌNH, TRƯỜNG MẦM NON CỘNG ĐỒNG		
54	- Trẻ nhận biết về bản thân, gia đình, trường lớp mầm non và cộng đồng.	- Nói họ tên, tuổi, giới tính của bản thân khi được hỏi, trò chuyện - Nói họ, tên và công việc của bố mẹ, các thành viên trong gia đình khi được hỏi, trò chuyện, xem ảnh về gia đình - Nói địa chỉ của gia đình mình (Số nhà, đường phố/ thôn, xóm) Khi được hỏi trò chuyện - Nói tên địa chỉ của trường khi được hỏi và trò chuyện - Nói tên, một số công việc của cô giáo và các bác công nhân viên trong trường khi được hỏi trò chuyện - Nói tên và một vài đặc điểm của các bạn trong lớp khi được hỏi và trò chuyện. - <i>Khám phá đặc điểm giống và khác nhau của bạn trai, bạn gái, các khả năng, nhu cầu giống nhau của bạn trai, bạn gái.</i> - <i>Trẻ biết quyền được bảo vệ trong gia đình</i> - <i>Trẻ biết tên gọi, cách xưng hô với những</i>

		<i>người thân trong gia đình bằng tiếng dân tộc tại địa phương (VD mẹ- mẹ; bố- ao; chị- sao; em- noong.....)</i>
55	- Trẻ biết bộc lộ trạng thái cảm xúc của bản thân bằng lời nói, cử chỉ, nét mặt.	- Nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên) qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh. - Biểu lộ trạng thái cảm xúc, tình cảm phù hợp qua cử chỉ, giọng nói; trò chơi; hát, vận động; vẽ, nặn, xếp hình. - <i>Trẻ nhận ra một số cách ứng xử không công bằng với bạn trai, bạn gái</i>
56	- Trẻ biết thể hiện sự kính yêu Bác Hồ.	- Kính yêu Bác Hồ, thể hiện tình cảm yêu quý, kính trọng Bác Hồ qua các bài hát, câu chuyện, bài thơ... về Bác
MỘT SỐ NGHỀ TRONG XÃ HỘI		
57	- Trẻ nhận biết được một số nghề trong xã hội.	- Tên gọi, công cụ, sản phẩm truyền thống, các hoạt động và ý nghĩa của các nghề phổ biến, nghề truyền thống của địa phương Tràng Lương - <i>Nhận ra sự khác biệt nổi bật về đặc điểm của các sản phẩm truyền thống địa phương.</i> - <i>Tạo ra một số sản phẩm đơn giản từ một số nghề (ứng dụng phương pháp dạy học stem, trải nghiệm)</i> - <i>Trẻ biết về các mối quan hệ xã hội, ngành nghề..... của các cộng đồng của trẻ ở các vùng văn hóa dân tộc khác nhau.</i>
DANH LAM THẮNG CẢNH, CÁC NGÀY LỄ HỘI CỦA ĐỊA PHƯƠNG		
58	- Trẻ nhận biết một số lễ hội và danh lam, thắng cảnh.	- Kể tên và nói đặc điểm của một số ngày lễ hội - Kể tên và nêu một vài đặc điểm của cảnh đẹp, di tích lịch sử của địa phương - <i>Biết được các ngày tết theo phong tục của địa phương: Tết đoàn ngộ 5/5; Rằm tháng 7.</i> - <i>Dãy núi Vòng cung Đông Triều.</i> - <i>Chùa Hồ Thiên; Chùa Ngọa Vân;</i>

		<i>Đền An Sinh; Chùa Quỳnh Lâm</i> <i>- Trẻ có khả năng thể hiện một số nét văn hóa đặc trưng của dân tộc mình.</i>
PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ		
PHÁT TRIỂN KHẢ NĂNG NGHE		
59	- Trẻ nghe, hiểu và thực hiện được nội dung câu đơn, câu mở rộng, câu phức theo 2-3 yêu cầu liên tiếp	- Thực hiện được câu đơn, câu mở rộng, câu phức theo 2-3 yêu cầu liên tiếp - Hiểu nghĩa từ khái quát: rau, quả, con vật, đồ gỗ.... - Lắng nghe và trao đổi với người đối thoại - <i>Hiểu và làm theo 2-3 yêu cầu đơn giản bằng tiếng dân tộc đại phương</i> - <i>Biết từ đồng nghĩa từ dân tộc với một số từ dân tộc kinh: (VD rỏ- Lả, chén – chò, bát- pát, nôi- mỗ, áo quần - xử vá.....)</i>
60	- <i>Trẻ nghe và hiểu được một số câu đơn, câu cầu khiến bằng tiếng Anh</i>	- <i>Nghe, hiểu và làm theo một số từ mệnh lệnh bằng tiếng anh : ngồi xuống- sit down, đứng lên- stand up, xin mời- come in....</i>
61	- Trẻ hiểu một số từ khái quát chỉ đặc điểm, tính chất, công dụng đơn giản, gần gũi	- Hiểu các từ chỉ đặc điểm, tính chất, công dụng và các từ biểu cảm.
	- Trẻ sử dụng lời nói trong cuộc sống hàng ngày	- Nói rõ để người nghe có thể hiểu được - Sử dụng được các từ chỉ sự vật, hoạt động, đặc điểm..... - Sử dụng được các loại câu đơn, câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định - Kể lại sự việc theo trình tự - Đọc thuộc bài thơ ca dao, đồng dao.... - Kể chuyện có mở đầu, kết thúc - Bắt chước giọng nói, điệu bộ của nhân vật trong chuyện - Sử dụng các từ như: “ Mời cô”, “ mời bạn”; “ Cảm ơn”, “xin lỗi”.... trong giao tiếp. - Điều chỉnh giọng nói phù hợp với hoàn

		cảnh khi được nhắc nhở - <i>Nghe, đọc các bài thơ, đồng dao, ca dao, hò vè, câu đố, truyện kể của địa phương và nước ngoài</i> - <i>Trẻ sử dụng hiệu quả kỹ năng giao tiếp bằng lời nói để xây dựng mối quan hệ với giáo viên và người lớn.</i>
62	- Trẻ biết trả lời và đặt câu hỏi	Trẻ biết sử dụng các câu trong tiếng Việt trả lời và đặt câu hỏi ai ? là ai ? cái gì ? ở đâu ? khi nào ? để làm gì ? - <i>Trẻ đặt câu hỏi về một số biển giao thông tại cổng trường, nơi công cộng...</i> - <i>Đặt câu hỏi và trả lời các câu hỏi phù hợp với tình huống trong giao tiếp</i>
SỬ DỤNG LỜI NÓI TRONG CUỘC SỐNG HẸNG NGÀY		
63	- Trẻ nghe hiểu nội dung truyện đọc phù hợp với độ tuổi	- Nghe hiểu nội dung truyện kể, truyện phù hợp với độ tuổi. - <i>Nghe hiểu nội dung truyện kể của địa phương, của nước ngoài.</i>
PHÁT TRIỂN KHẢ NĂNG NÓI		
64	- Trẻ thích khám phá đồ vật, trả lời và đặt câu hỏi	- Thích tìm hiểu, khám phá đồ vật và hay đặt câu hỏi: "Tại sao?", "Để làm gì?"... + Hay hỏi về những thay đổi xung quanh. + Hay phát biểu khi học
65	- Trẻ biết sử dụng các từ biểu thị sự lễ phép.	+ Sử dụng một số từ biểu thị sự lễ phép: chào hỏi và từ lễ phép xã giao đơn giản để giao tiếp với mọi người.
66	- Trẻ có thể nói và thể hiện cử chỉ khi giao tiếp.	- Nói và thể hiện cử chỉ, điệu bộ, nét mặt phù hợp với yêu cầu, hoàn cảnh giao tiếp. - <i>Trẻ bày tỏ nhu cầu, cảm xúc, hiểu biết của bản thân bằng lời nói, cử chỉ, ánh mắt, điệu bộ một cách phù hợp trong các mối quan hệ</i>
67	- Trẻ có thể kể lại nội dung chuyện về một nhân vật nào đó đã nghe theo trình tự nhất định.	+ Kể lại được nội dung chuyện đã nghe theo trình tự nhất định. - Biết kể truyện sáng tạo dựa trên câu truyện vừa được học và nghe. - Kể truyện tranh nước ngoài bằng ngôn

		ngữ tiếng Việt của trẻ. - Chọn nhân vật và các tình tiết cho câu chuyện, trẻ sẽ được nghe câu chuyện của mình và in ra thành tác phẩm thông qua trò chơi Tập kể chuyện trên phần mềm HAPPY KID.
68	- Trẻ thích đóng vai các nhân vật trong truyện	- Đóng kịch. Đóng được vai của các nhân vật trong truyện và trẻ thích nhập vai nhân vật.
LÀM QUEN VỚI ĐỌC, VIẾT		
69	- Trẻ nhận biết một số ký hiệu thông thường.	- Nhận ra ký hiệu thông thường trong cuộc sống (nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông, đường cho người đi bộ...)
70	- Trẻ biết và thực hiện một số kí hiệu bằng tiếng Anh nơi công cộng	- Nhận ra và thực hiện một số kí hiệu nơi công cộng bằng tiếng Anh : exit, Stop ; go out, go on, go in, come in ; Sitdown
71	- Trẻ biết chữ viết có thể đọc và thay cho lời nói. Biết tập tô và đồ các nét chữ	- Chọn sách để xem, cầm sách đúng chiều và giở từng trang để xem tranh ảnh. “Đọc” sách theo tranh minh họa, “đọc vẹt” - Nhận dạng, tập tô, tập đồ các nét một số chữ cái. -Tập đồ chữ cái trên các trò chơi trong bức tương tác. - Nghe và tô chữ cái bằng tiếng Anh - Tô tô theo nét chữ qua trò chơi ABC DRAW, 123 Numbes trên bức tương tác.
72	- Trẻ phát âm các chữ cái bằng tiếng Anh	- Phát âm chữ cái tiếng Việt sang tiếng Anh, nhận ra một số chữ cái trong từ tiếng Anh - Phát âm bằng chữ cái bằng tiếng anh thông qua trò chơi trên bức tương tác qua phần Kids learn ABC. ABC Spelling.
73	- Trẻ biết ứng xử trong giao tiếp	+ Giơ tay khi muốn nói và chờ đến lượt,

		không nói leo, nói trống không, không ngắt lời người khác....
74	- Trẻ biết sử dụng lời nói để trao đổi và chỉ dẫn bạn bè trong hoạt động.	+ Sử dụng lời nói để trao đổi và chỉ dẫn bạn bè trong hoạt động.
75	- Trẻ nhận biết một số chữ cái, chữ số, biết thao tác viết chữ cái và chữ số trên bục giảng thông minh.	- Trẻ biết đọc và có thao tác viết chữ cái, chữ số trên trò chơi trong phần mềm Kidsmart - trò chơi HAPPYKID (làm quen chữ cái, tập tô chữ, nhóm chữ cái) ; phần mềm bản cảm ứng tương tác.
PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM VÀ KỸ NĂNG XÃ HỘI		
76	- Trẻ thực hiện một số qui định ở lớp, gia đình và nơi công cộng.	- Biết giữ gìn vệ sinh trường, lớp và ngoài đường - Biết sử dụng tiết kiệm điện, nước.... - Một số qui định ở lớp, gia đình và nơi công cộng (để đồ dùng, đồ chơi đúng chỗ; trật tự khi ăn, khi ngủ ; đi bên phải lề đường...) - Trẻ có hành vi văn minh trong trường, lớp, gia đình và nơi công cộng, hành vi sống xanh và bảo vệ môi trường sống gần gũi
77	- Trẻ nhận biết một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên qua nét mặt, cử chỉ điệu bộ)	- Nhận ra một số trạng thái cảm xúc (vui, buồn, sợ hãi, tức giận, ngạc nhiên qua nét mặt, cử chỉ điệu bộ)
78	- Trẻ có thói quen cảm ơn, xin lỗi, chào hỏi lễ phép	- Biết cảm ơn khi được giúp đỡ hoặc cho quà; Biết xin lỗi khi biết mình đã mắc lỗi. - Chào hỏi lễ phép với người lớn bằng tiếng Anh.
79	- Trẻ biết chờ đến lượt khi tham gia vào các hoạt động	- Biết xếp hàng, vui vẻ chờ đến lượt, không chen ngang, không xô đẩy người khác, không tranh giành, không tranh nói trước khi trò chuyện trong nhóm.
80	- Trẻ biết đến lượt trong trò chuyện, không nói leo, không ngắt lời người khác.	- Biết lắng nghe, tôn trọng, chấp nhận chờ đến lượt khi trò chuyện, không nói leo, không ngắt lời người khác.

81	- Trẻ biết yêu mến, quan tâm đến người thân trong gia đình.	- Kính trọng lễ phép với ông bà, bố mẹ, anh chị trong gia đình. - Gần gũi, thân thiện với cô, dì, chú, bác, anh, chị, em trong nhà. - Yêu mến, quan tâm đến người thân trong gia đình. - <i>Trẻ có khả năng quan sát và đồng cảm với hoàn cảnh của người khác, sự quan tâm, tình yêu thương, sẵn sàng giúp đỡ người khác</i>
82	- Trẻ biết quan tâm, giúp đỡ bạn.	+ Chơi với bạn và nhường nhịn bạn trong khi chơi và học. + Không chê bai bạn bè. + Quan tâm, chia sẻ, giúp đỡ bạn bè và người thân.
83	- Thể hiện sự vui thích khi hoàn thành công việc	+ Thể hiện thái độ vui sướng, thích thú khi hoàn thành công việc (Khoe với người khác, ngắm nhìn kết quả đã làm được...)
84	- Trẻ biết phân biệt hành vi "đúng" - "sai", "tốt" - "xấu".	+ Biết các hành vi "đúng" - "sai", "tốt" - "xấu". của con người đối với con người ; của con người đối với môi trường và nhận xét được vì sao hành vi đó đúng? và vì sao hành vi đó sai? - Biết thể hiện thái độ khi gặp các hành vi "đúng" - "sai", "tốt" - "xấu"
85	- Trao đổi ý kiến của mình với các bạn	+ Dùng lời để trao đổi, thoả thuận, trình bày ý kiến của mình với các bạn thông qua các hoạt động hàng ngày
86	- Trẻ biết đề nghị sự giúp đỡ của người khác khi cần thiết	+ Khi gặp khó khăn biết tìm sự hỗ trợ, biết sử dụng ngôn ngữ thích hợp để nhờ sự giúp đỡ của người khác. + Thể hiện sự hiểu biết khi nào thì cần nhờ sự giúp đỡ của người lớn.
87	- Trẻ dễ chủ động hòa đồng trong nhóm chơi	+ Trong nhóm chơi dễ hoà đồng, dễ nhập cuộc, được mọi người tiếp nhận, chơi vui vẻ thoải mái
88	- Chơi thân thiện với bạn	- Không đánh bạn, không tranh giành đồ chơi, không la hét hoặc nằm ăn vạ;

89	- Trẻ biết chủ động làm một số công việc đơn giản hàng ngày	+ Vệ sinh cá nhân, lau chùi dọn dẹp đồ chơi, chải chiếu, phơi khăn.... + Thực hiện được một số công việc được giao (Trực nhật, xếp dọn đồ chơi...)
90	- Không nói tục, chửi bậy.	- Chú ý những hành vi văn hóa trong giao tiếp không nói tục, chửi bậy
91	- Trẻ biết chấp nhận sự phân công của nhóm bạn và người lớn.	- Biết chấp nhận sự phân công của nhóm bạn và người lớn
92	- Trẻ biết giữ gìn vệ sinh môi trường	- Ăn quả xong vứt vỏ vào thùng rác - Đi vệ sinh đúng nơi qui định - Không bẻ cành cây vặt ra sân trường
93	- Trẻ biết tiết kiệm điện, nước	- Không vặn vòi nước khi chưa rửa tay - Không bật quạt khi đi chỗ khác chơi
PHÁT TRIỂN THẨM MĨ		
94	- Trẻ cảm nhận và thể hiện cảm xúc trước vẻ đẹp của thiên nhiên, cuộc sống và các tác phẩm nghệ thuật	- Trẻ thích thú, ngắm nhìn, chỉ, sờ và sử dụng các từ gợi cảm nói lên cảm xúc của mình (màu sắc, hình dáng) của các tác phẩm tạo hình - <i>Bộc lộ cảm xúc phù hợp khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc và ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật trong và ngoài nước, địa phương.</i>
95	- Trẻ có thể nghe nhiều thể loại khác nhau	- Chú ý nghe thích thú (hát, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư) theo bài hát, bản nhạc; thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe và kể câu chuyện. - <i>Nghe và nhận ra các loại nhạc nhẹ, nhạc rap, remix, nhạc thiếu nhi, dân ca khác nhau của các vùng miền, nước ngoài, nhạc dân tộc của địa phương (hát then, hát soong cô.....)</i>
96	- Trẻ có một số kỹ năng trong hoạt động âm nhạc	- Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát trong nước, nước ngoài, địa phương.
96	- Trẻ biết các hình thức vận động phù hợp	- Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu của các bài hát, bản nhạc trong nước, ngoài nước, địa phương

97	- Trẻ biết sử dụng các dụng cụ âm nhạc để gõ đệm	- Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu các bài hát, bản nhạc trong nước, nước ngoài, nhạc dân tộc có tại địa phương. - Lựa chọn các dụng cụ âm nhạc, dụng cụ âm thanh có tính nhạc được làm từ các nguyên liệu sẵn có tại địa phương (cốc, chén, mõ, song loan, thanh tre, sỏi, hạt, hột, ống nứa, lá cây...) và thể hiện các hình thức vận động theo nhạc: Nhảy, múa tự do theo cảm nhận. - Lựa chọn dụng cụ âm nhạc để gõ đệm theo nhịp điệu bài hát, bản nhạc, chơi với nhạc cụ, các nguyên vật liệu tạo ra âm thanh theo trí tượng tưởng của bản thân. - Sử dụng bộ gõ đệm cơ thể gõ đệm theo nhịp một số bản nhạc, bài hát gần gũi quen thuộc.
98	- Trẻ biết phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình để tạo ra các sản phẩm.	- Phối hợp các nguyên vật liệu tạo hình, vật liệu trong thiên nhiên có sẵn địa phương để tạo ra các sản phẩm. (Sử dụng phương pháp dạy học stem/steam, phương pháp Reggio Amellia...)
99	- Trẻ biết sử dụng một số kỹ năng trong hoạt động âm nhạc và hoạt động tạo hình.	- Sử dụng các kỹ năng vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc, kích thước, hình dáng / đường nét.
100	- Trẻ biết sử dụng các kỹ năng vẽ có nội dung và bố cục.	- Sử dụng các kỹ năng vẽ phối hợp các nét thẳng, xiên, ngang, cong tròn tạo thành bức tranh có màu sắc và bố cục. - Sử dụng các hoạt động tạo hình để tạo ra bức tranh có sự sáng tạo (vẽ, nặn, cắt, xé dán...) - Sử dụng các kỹ năng vẽ, nặn, cắt, xé dán... tạo ra sản phẩm bằng tiếp cận đa giác quan.
101	- Trẻ biết sử dụng các kỹ năng xé, cắt dán có nội dung và bố cục.	- Xé, cắt theo đường thẳng, đường cong... và dán thành sản phẩm có màu sắc, bố cục.
102	- Trẻ biết sử dụng các kỹ năng	- Trẻ biết sử dụng các kỹ năng làm lốm,

	nặn tạo ra sản phẩm có nhiều chi tiết.	đổ bột, bẻ lẻo, vuốt nhọn, uốn cong đất nặn để nặn thành sản phẩm có nhiều chi tiết.
103	- Biết nhận xét sản phẩm của mình, của bạn.	- Nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng/ đường nét.
104	- Trẻ có khả năng <i>phân biệt âm thanh thể hiện sáng tạo với các công cụ khác nhau trong hoạt động âm nhạc</i>	- Lựa chọn, thể hiện các hình thức vận động theo nhạc. - <i>Lựa chọn nguyên liệu có ở địa phương như ống tre, ống lú, đá, cuội, cây củi....làm dụng cụ âm nhạc để gõ đệm theo nhịp điệu bài hát, nhạc có lời, không lời, nhạc trong nước ngoài nước, dân tộc có tại địa phương.</i> - <i>Phân biệt âm thanh thể hiện sáng tạo với các công cụ khác nhau trong hoạt động âm nhạc thông qua trò chơi Oranga Banga và Toony Loon...trên phần mềm THINKIN THING.</i>
105	- Trẻ có khả năng thể hiện cảm xúc trong các hoạt động âm nhạc	+ Có thái độ vui tươi, hồ hởi, thích thú hoặc buồn bã. thể hiện tình cảm khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát, bản nhạc trong và ngoài nước, nhạc có lời, không lời, nhạc giao hưởng...
106	- Trẻ có khả năng sáng tạo trong hoạt động tạo hình	- Tự chọn dụng cụ, nguyên vật liệu có sẵn địa phương để tạo ra sản phẩm theo ý thích - <i>Sáng tạo sản phẩm tạo hình qua sử dụng đa giác quan.</i> - <i>Trẻ được tự do sáng tạo khi tham gia vào hoạt động thẩm mỹ, được xuất phát từ sở thích, và sáng kiến riêng của trẻ mà không bị ai cản trở hoặc can thiệp</i>
107	-Trẻ biết nói lên ý tưởng của mình	- Nói lên ý tưởng tạo hình của mình về tên sản phẩm, cách tạo ra sản phẩm như thế nào? cần sự giúp đỡ của những ai? làm trong bao lâu.....
108	- Trẻ yêu thích hào hứng tham gia vào các hoạt động nghệ thuật	- Thích các giờ hoạt động nghệ thuật, hăng hái tham gia sáng tạo nghệ thuật và thích được trình bày các ý tưởng nghệ

		thuật của mình - <i>Trẻ được tham gia vào các trải nghiệm và giao tiếp thông qua các hình thức biểu đạt thẩm mỹ khác nhau</i>
109	- Trẻ có khả năng cảm nhận vẻ đẹp trong thiên nhiên, cuộc sống và trong tác phẩm nghệ thuật.	- Thể hiện thái độ, tình cảm và biết nhận xét khi ngắm nhìn vẻ đẹp của các sự vật, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và trong tác phẩm nghệ thuật- Chú ý nghe, thích thú (hát, vỗ tay, nhún nhảy, lắc lư) theo bài hát, bản nhạc; thích nghe và đọc thơ, đồng dao, ca dao, tục ngữ; thích nghe và kể câu chuyện.
110	- Trẻ được trải nghiệm thực tế qua các dự án, thí nghiệm từ đó có thể thiết kế được một số sản phẩm có tính ứng dụng trong cuộc sống hàng ngày.	- Thiết kế 1 số sản phẩm có tính ứng dụng trong cuộc sống hàng ngày theo chủ đề thông qua dự án, thí nghiệm (<i>sử dụng phương pháp dạy học tiên tiến stem/steam/ reggo amellia...</i>)

(5). Đội tuổi 5-6 tuổi:

I. MỤC TIÊU NỘI DUNG CHĂM SÓC, NUÔI DƯỠNG

STT	MỤC TIÊU	NỘI DUNG
1	- Trẻ được ăn, uống theo chế độ ăn, khẩu phần ăn, số lượng bữa ăn, lượng nước phù hợp với độ tuổi tại trường. Đảm bảo đủ chất dinh dưỡng và lượng calo cho trẻ.	- Ăn theo thực đơn, ăn đủ khẩu phần và cân đối về dưỡng chất. Nhu cầu năng lượng tại trường của 1 trẻ trong một ngày chiếm 50 – 55% nhu cầu cả ngày: 615 – 726 Kcal. Tỷ lệ các chất P:L:G = 20:35:60. Uống đủ nước: khoảng 1,6 – 2,0 lít/trẻ/ngày (kể cả nước trong thức ăn).
2	- Trẻ được ngủ trưa đúng giờ, đủ giấc và an toàn.	- Ngủ trưa đúng, đủ giờ (150 phút: từ 11h30 – 13h45).
3	- Trẻ khỏe mạnh, có cân nặng và chiều cao phát triển bình thường theo lứa tuổi: - Cân nặng và chiều cao nằm trong kênh A	- Theo dõi sức khỏe trẻ bằng biểu đồ tăng trưởng theo WHO năm 2007. - Cân trẻ 3 tháng 1 lần. - Đo trẻ 3 tháng 1 lần - Khám sức khỏe định kỳ cho trẻ 2 lần trên

Trẻ gái: + Cân nặng: 13,8 – 25 kg + Chiều cao: 100 - 119 cm Trẻ trai: + Cân nặng: 14,2 – 24 kg + Chiều cao: 101 – 119 cm	năm học. - Theo dõi biểu đồ BMI cho trẻ từ 61 tháng trở lên. - Cân, đo theo dõi trẻ suy dinh dưỡng 1 lần/tháng.
---	--

II. MỤC TIÊU NỘI DUNG GIÁO DỤC:

	MỤC TIÊU	NỘI DUNG
PHÁT TRIỂN THỂ CHẤT		
4	- Trẻ biết tập các động tác phát triển nhóm cơ và hô hấp:	- Các động tác phát triển hô hấp: + Hít vào thật sâu; Thở ra từ từ. + Hít vào thở ra kết hợp với sử dụng đồ vật. - Các động tác phát triển cơ tay: + Đưa tay lên cao, ra phía trước, sang hai bên (kết hợp với vẫy bàn tay, quay cổ tay, kiễng chân) + Co và duỗi từng tay, kết hợp kiễng chân. Hai tay đánh xoay tròn trước ngực, đưa lên cao. - Các động tác phát triển cơ bụng, lưng: + Ngửa người ra sau kết hợp tay giơ lên cao, chân bước sang phải, sang trái. + Quay sang trái, sang phải, kết hợp tay chống hông hoặc hai tay dang ngang, chân bước sang phải, sang trái. + Nghiêng người sang hai bên, kết hợp tay chống hông, chân bước sang phải, sang trái. - Các động tác phát triển cơ chân: + Đưa ra phía trước, đưa sang ngang, đưa về phía sau. + Nhảy lên, đưa 2 chân sang ngang ; nhảy lên đưa 1 chân về phía trước, 1 chân về phía sau.

5	- Trẻ biết Đi thẳng bằng trên ghế thể dục (2m x 0,25m x 0,35m). (CS11)	- Đi thẳng bằng trên ghế thể dục đầu đội túi cát. (2m x 0,25m x 0,35m). - Đi bằng mép ngoài bàn chân; đi khuyu gối - Đi trên dây (dây đặt trên sàn); - Đi nổi bàn chân tiến, lùi. - Đi lên, xuống ván kê dốc (2m x 0,3m)
6	- Trẻ có thể kiểm soát được vận động khi đi, chạy.	- Đi, chạy thay đổi tốc độ theo hiệu lệnh. -
7	- Trẻ có thể: Chạy liên tục 150m không hạn chế thời gian.(CS13)	- Chạy chậm 100- 120m. Chạy được 150m liên tục.
8	- Trẻ có thể: Chạy 18m trong khoảng thời gian 5 -7s. (CS12)	- Chạy 18m trong khoảng 10 giây.
9	- Trẻ biết bò qua 5,7 điểm đích đặt cách nhau 1,5 m đúng yêu cầu.	- Bò bằng bàn tay và bàn chân 4m-5m; - Bò đích đặt qua 7 điểm; Bò chui qua ống dài 1,5m x 0,6m.
10	- Trẻ thực hiện được động tác: trườn, trèo lên xuống thang ở độ cao 1,5m so với mặt đất, qua ghế thể dục (CS4)	-Trườn sấp kết hợp trèo qua ghế dài 1,5m x 30 cm. - Trèo lên xuống 7 giống thang; Trèo lên xuống thang ở độ cao 1,5m so với mặt đất.
11	- Trẻ có thể phối hợp tay-mắt thực hiện được các động tác tung, đập và bắt bóng.	- Tung bóng lên cao vào bắt bóng; Tung, đập bắt bóng tại chỗ. - Đi và đập bắt bóng nảy 4-5 lần liên tiếp
12	- Trẻ có thể phối hợp tay-mắt thực hiện ném và bắt bóng bằng 2 tay từ khoảng cách xa 4m. (CS3)	- Ném và bắt bóng bằng 2 tay từ khoảng cách xa 4m, không ôm bóng vào ngực.
13	- Trẻ biết ném trúng đích thẳng đứng.	- Ném trúng đích thẳng đứng bằng 1 tay, hai tay (cao 1,5 x2m); ném trúng đích nằm ngang bằng 1 tay, hai tay (xa 2m)
14	- Trẻ biết chuyền bóng qua đầu, qua chân	- Chuyền bóng qua đầu, qua chân
15	- Trẻ biết bật xa tối thiểu 50cm.(CS1)	- Bật xa 50cm
16	- Trẻ thực hiện được động tác bật	- Bật liên tục vào 5- 7 vòng ; Bật tách, khép chân qua 7 ô; Bật qua vật cản 15-

		20cm; bật bằng hai chân.
17	- Trẻ có thể nhảy xuống từ độ cao 40 cm.(CS2)	- Nhảy từ trên cao xuống (40- 45cm) ;
18	- Trẻ có thể nhảy lò cò được ít nhất 5 bước liên tục, đổi chân theo yêu cầu. (CS9)	- Nhảy lò cò 5m; Nhảy lò cò 5 - 7 bước liên tục, đổi chân theo yêu cầu.
19	-Trẻ có thể phối hợp cử động bàn tay, ngón tay, phối hợp tay mắt thực hiện các hoạt động, (CS7)	- Cắt theo đường viền thẳng và cong của các hình đơn giản. - Cắt được hình không bị rách, đường cắt sát theo đường nét vẽ. - Cắt, xé đường vòng cung. - Bẻ, nắn đồ vật - Lắp ráp đồ vật, đồ chơi - Tô, đồ theo nét.
20	- Dán các hình vào đúng vị trí cho trước không bị nhầm. (CS8)	Bôi hồ mịn, dán các hình học, con vật, thực vật,... vào đúng vị trí cho trước không bị nhầm.
21	- Trẻ có thể: Tham gia các hoạt động học tập liên tục và không có biểu hiện mệt mỏi trong khoảng 30 (CS14)	- Tham gia các hoạt động học tập nhiệt tình, hưởng ứng tích cực, vận động thoải mái, tập chung chú ý vào sự hướng dẫn của giáo viên không có dấu hiệu mệt mỏi trong khoảng 30 phút.
22	- Trẻ biết tự mặc và cởi được áo. (CS5)	- Cài, cởi cúc, khéo khoá (phéch mớ tuya), khâu, luồn, buộc giây. - Mặc các loại áo chui đầu, đóng cúc áo sao cho hai vạt áo bằng nhau.
GIÁO DỤC DINH DƯỠNG VÀ SỨC KHỎE		
23	- Trẻ có thể nhận biết, phân loại được thực phẩm theo nhóm (giàu chất đạm, chất bột đường, chất béo, vitamin muối khoáng...)	- Một số loại thực phẩm thông thường theo 4 nhóm thực phẩm.
24	- Trẻ Nhận biết , kể được tên 1 số thức ăn cần có trong bữa ăn hàng ngày. (CS19)	- Các món ăn thông thường trẻ thường ăn. -Các bữa ăn trong ngày và ích lợi của việc ăn uống đủ lượng, đủ chất; - Kể tên các món ăn phù hợp với từng mùa. - Làm quen một số thao tác đơn giản trong chế biến một số món ăn, thức uống.

26	- Nhận biết và không ăn, uống một số thức ăn có hại cho cơ thể. (CS20)	- Sự liên quan giữa ăn uống với bệnh tật. Biết và không ăn, uống một số thức ăn có hại cho cơ thể.
27	- Biết che miệng khi ho, hắt hơi, ngáp.(CS17)	- Một số hành động văn minh, lịch sự biết che miệng khi ho, hắt hơi, ngáp
28	- Trẻ biết tự rửa tay bằng xà phòng trước khi ăn, và sau khi đi vệ sinh và khi tay bẩn. (CS15)	- Tập luyện kỹ năng: rửa tay bằng xà phòng trước khi ăn, sau khi đi vệ sinh và khi tay bẩn đúng các thao tác quy định ở mọi lúc mọi nơi (trên lớp, tại gia đình và nơi công cộng)
29	- Trẻ biết tự rửa mặt, chải răng hàng ngày.(CS16)	- Tập luyện kỹ năng rửa mặt trước, sau khi ăn và ngủ dậy. Chải răng bằng kem đánh răng ít nhất ngày 2 lần, súc miệng sau khi ăn và sau khi uống sữa.
30	- Trẻ biết giữ đầu tóc, gấp và xếp quần áo gọn gàng; (CS18)	- Trẻ có thể tự chải đầu, giữ đầu tóc, gấp và xếp quần áo vào ngăn tủ gọn gàng, sạch sẽ, không bôi bẩn vào quần áo.
31	- Trẻ biết đi vệ sinh đúng nơi qui định.	- Đi vệ sinh đúng nơi quy định, sử dụng đồ dùng vệ sinh đúng cách;
32	- Trẻ biết trẻ có quyền được chăm sóc, và bảo vệ an toàn Nhận biết có 1 số thói quen bảo vệ an toàn và giữ gìn sức khỏe.	- Tất cả mọi trẻ em đều cần được yêu thương, chăm sóc, bảo vệ và giúp đỡ. - Nhận ra một số biểu hiện khi ốm, nguyên nhân và cách phòng tránh - Lựa chọn và sử dụng trang phục phù hợp với thời tiết. Ích lợi của việc mặc trang phục phù hợp với thời tiết. - Có thói quen và đội mũ bảo hiểm đúng cách khi tham gia giao thông.
33	- Trẻ Nhận biết và không chơi ở những nơi mất vệ sinh, nguy hiểm.(CS23)	- Phòng tránh những nơi nguy hiểm như ao, hồ, sông, suối, ổ điện, khu vực bếp ga.... những nơi không an toàn, không chơi ở những nơi bẩn, sạch và mất vệ sinh như khu rác thải... chơi ở nơi sạch và an toàn. - Chơi ở nơi an toàn: Tránh nơi có nhiều người và xe cộ đi lại như: Lòng đường, Chợ...
34	- Trẻ nhận biết và không chơi một số đồ vật có thể gây nguy	- Nhận ra và phòng tránh những hành động nguy hiểm như sử dụng những vật

	hiểm. (CS21)	sắc nhọn đánh nhau, cào, cào bạn.... , những vật dụng nguy hiểm đến tính mạng như dao, kéo; những mảnh cốc thủy tinh , mảnh gương bị vỡ....
35	- Biết và không làm một số việc có thể gây nguy hiểm. (CS22)	- Nhận ra và không làm một số việc có thể gây nguy hiểm (như đánh nhau, tắm sông, hồ, cắm ổ điện, sờ vào đường dây điện, chơi gần khu vực bếp ga, nghịch dao, kéo...) - Không làm một số hành động mất an toàn khi ngồi trên các phương tiện giao thông.
36	- Trẻ nhận biết hút thuốc lá là có hại và không lại gần người đang hút thuốc, uống rượu, uống café...(CS26)	- Tác hại của thuốc lá đối với sức khỏe và không lại gần những người đang hút thuốc lá. - Bày tỏ thái độ không đồng tình với người hút thuốc lá. - Diễn đạt bằng lời nói những tác hại của thuốc lá đối với sức khỏe của bản thân và mọi người xung quanh.
36	- Trẻ nhận biết một số hành động không đi theo, không nhận quà của người lạ khi chưa được người thân cho phép. (CS24)	- Một số hành động của người lạ, không nhận quà, không đi theo người lạ khi chưa được người thân cho phép. - Tìm cách giúp đỡ khi gặp tình huống - Thực hành xử lý tình huống khi gặp người lạ
37	- Nhận biết một số trường hợp khẩn cấp . Kêu cứu và chạy khỏi nơi nguy hiểm.(CS25)	- Kêu cứu và chạy khỏi nơi nguy hiểm. như cháy nổ, tai nạn... - Gọi người đến giúp đỡ khi gặp trường hợp khẩn cấp. - Tránh một số trường hợp không an toàn. - Biết sự nguy hiểm/ hậu quả khi không tuân thủ quy định về giao thông.
	- <i>Trẻ nhận biết, phân biệt một số hành động đúng, sai khi sử dụng máy tính và bức tương tác, thiết bị CNTT trên phòng tín học</i>	- <i>Nhận biết, phân biệt một số hành động đúng, sai khi sử dụng máy tính và bức tương tác, thiết bị CNTT trên phòng tin học</i>
LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN NHẬN THỨC		

KHÁM PHÁ KHOA HỌC		
38	- Trẻ nhận biết, phân biệt đặc điểm, chức năng của một số giác quan và một số bộ phận cơ thể con người.	- Chức năng các giác quan và một số bộ phận khác của cơ thể như: răng, miệng, bộ não, tim, gan, dạ dày... và học một số cách đơn giản bảo vệ chúng.
39	- <i>Trẻ biết sử dụng đồ dùng, đồ chơi thông minh tạo thành hình người, con vật, cây cối, đồ vật có một số giác quan, bộ phận và chuyển động được.</i>	- <i>Tạo hình người, đồ vật, đồ chơi, con vật, cây cối từ bộ Robot Cubilet, và đồ chơi thông minh</i> - <i>Biết đặt tên cho sản phẩm.</i>
40	- Trẻ biết phân loại một số đồ dùng thông thường theo chất liệu công dụng trên thực tế và, trên ứng dụng phần mềm Kidsmart	- Công dụng và chất liệu của các đồ dùng thông thường trong sinh hoạt hằng ngày có tại địa phương. - So sánh sự giống nhau và khác nhau của đồ dùng đồ chơi và sự đa dạng của chúng. - Một số mối liên hệ đơn giản giữa đặc điểm cấu tạo với cách sử dụng của đồ dùng, đồ chơi quen thuộc. - <i>Đặc điểm chung về công dụng, chất liệu của 3 hoặc 4 đồ dùng; Phân loại, so sánh một số đồ dùng đồ chơi phổ biến với đồ dùng đồ chơi truyền thống của địa phương</i> - <i>Trò chơi phân loại đồ dùng trong ngôi nhà khoa học của Sammy.</i>
40	<i>Trẻ nhận biết và phân biệt phương tiện giao thông, hành vi giao thông, quy định giao thông phù hợp với độ tuổi</i>	- <i>Nhận ra các phương tiện giao thông, hành vi giao thông, quy định giao thông qua hoạt động hàng ngày của trẻ.</i>
41	- Trẻ nhận biết được một số phương tiện giao thông thông dụng ở địa phương và phân loại theo 2-3 dấu hiệu	- Đặc điểm, công dụng của một số phương tiện giao thông thông dụng ở địa phương và phân loại với vùng miền khác theo 2-3 dấu hiệu (Xe bò, xe ba gác, xe thồ.....)
42	- Gọi tên nhóm cây cối, con vật theo đặc điểm chung.(CS92)	- Quan sát vườn cây; vườn hoa; vườn rau, công viên; Quan sát, gọi tên ,so sánh một số loại cây; hoa; rau; quả... - Quan sát, gọi tên, so sánh một số vật

		nuôi trong gia đình; Một số con vật sống trong rừng; Một số con vật sống dưới nước; Một số loại côn trùng... - Phân loại cây, hoa, quả, con vật theo 2-3 dấu hiệu.
43	- Nhận ra, <i>học cách phân loại khoa học đơn giản, khám phá sự thay đổi trong quá trình phát triển của cây cối và con vật phản ứng ra sao trong môi trường nước và một số hiện tượng tự nhiên.</i>(CS 93)	- Thử nghiệm gieo hạt; Quan sát, theo dõi sự lớn lên của cây; Cùng cô trồng vườn, gieo hạt, tưới cây, nhổ cỏ... - Quan sát, phỏng đoán, suy luận một số mối liên hệ đơn giản giữa đặc điểm cấu tạo với môi trường sống, vận động và cách kiếm ăn của các con vật; Quan sát sự lớn lên của một số con vật qua video, mạng internet, tranh ảnh.... - Quan sát, thảo luận, nhận xét các hiện tượng thời tiết: mưa, nắng, gió, bão...theo mùa. Quan sát bầu trời, mặt trời, mặt trăng và thảo luận. - Sự khác nhau giữa ngày và đêm. - <i>Quan sát, khám phá động thực vật khi chúng thích ứng với sự thay đổi các mùa, vận dụng các yếu tố thời tiết khác nhau, nghe dự báo và xem hình minh họa thời tiết tạo ra trong phần mềm kitmats</i>
44	- Trẻ nói được những đặc điểm nổi bật của các mùa trong năm nơi trẻ đang sống.(CS94)	- Sự thay đổi trong sinh hoạt của con người, con vật và cây theo mùa - Thứ tự các mùa trong năm và các hiện tượng thời tiết thay đổi theo mùa
	- Dự đoán một số hiện tượng tự nhiên đơn giản sắp xảy ra. (CS95)	- Quan sát, thảo luận, dự đoán một số hiện tượng tự nhiên sắp xảy ra - Nêu được một số hiện tượng tự nhiên sắp xảy ra và giải thích được dự đoán của mình. (Mưa, nắng, gió, bão, lũ lụt, hạn hán...) - Một số hiện tượng thời tiết thay đổi theo mùa và thứ tự các mùa. - Nhận biết phân biệt được sự khác nhau giữa thời tiết của vùng đồng bằng với vùng núi (vùng núi tối sớm hơn, lạnh hơn

		so với đồng bằng)
45	- Trẻ hay đặt câu hỏi. (CS112)	- Trẻ hay đặt câu hỏi: "Tại sao?", "Như thế nào?" "Vì sao?"....để tìm hiểu hoặc làm rõ thông tin - Hay phát biểu khi học
45	- Trẻ biết một số đặc điểm, tính chất của nước	- Các nguồn nước trong môi trường sống. - Ích lợi của nước với đời sống con người, con vật và cây. - Một số đặc điểm, tính chất của nước, - Nguyên nhân gây ô nhiễm nguồn nước và cách bảo vệ nguồn nước. - <i>Trẻ có ý tưởng sáng tạo với nước từ các lá cây địa phương (Pha màu nước với lá cây có tại địa phương)</i>
46	- Trẻ có hiểu biết về không khí, ánh sáng và sự cần thiết của nó đối với cuộc sống.	- Con người cần có ô xy để thở - Không khí, các nguồn ánh sáng và sự cần thiết của nó đối với cuộc sống con người, con vật và cây.
47	- Trẻ có hiểu biết về đất, đá, cát, sỏi	- Một vài đặc điểm, tính chất của đất, đá, cát, sỏi - Trẻ biết sáng tạo một số đồ dùng, đồ chơi từ các nguyên vật liệu sẵn có tại địa phương: ống lũa, cát, đá sỏi.,,
LÀM QUEN VỚI MỘT SỐ KHÁI NIỆM SƠ ĐẲNG VỀ TOÁN		
48	- Trẻ có thể nhận biết con số từ 1 đến 10 trên thực tế và <i>trong các trò chơi trên phần mềm kidsmart và bức giảng thông minh.</i>	- Số lượng trong phạm vi 10; Đếm đến 10, đếm theo khả năng, đếm đúng trên đồ vật, đếm theo nhóm khác nhau, đếm theo các hướng , đếm các đối tượng không xếp thành hàng, thành dãy... nhận biết chữ số trong phạm vi 10 trên đối tượng thực tế, <i>trên trò chơi phần mềm Kisdmart (con số của tôi, con bọt, máy số); trò chơi bức tương tác thông minh (123 Numbes, kids learning Box, math for kids)</i> Ý nghĩa các con số được sử dụng trong cuộc sống hằng ngày (số nhà, số điện thoại, biển số xe, 113,114,115.) - <i>Trẻ nhận biết được mối quan hệ hơn kém trong phạm vi 10</i>

49	<i>Nhận biết số 0, ý nghĩa của con số 0 trong dãy số tự nhiên từ 1 đến 9 và trong đời sống hằng ngày.</i>	- Nhận ra chữ số 0, biết ý nghĩa của con số 0 trong dãy số và trong đời sống hằng ngày
50	- Trẻ biết tách/ gộp 10 đối tượng thành 2 nhóm bằng ít nhất 2 cách và so sánh số lượng của các nhóm.(CS105)	- Tách/ gộp một nhóm có 5 (6,7,8,9,10) đối tượng thành 2 nhóm bằng các cách và so sánh số lượng các nhóm.
51	- Trẻ biết thêm bớt các nhóm đối tượng bằng các cách khác nhau và đếm.	- Thêm bớt các nhóm đối tượng bằng các cách khác nhau và đếm.
52	- Trẻ biết loại được một đối tượng không cùng nhóm với các đối tượng còn lại.(CS115)	- Phát hiện được đối tượng không cùng nhóm với những đối tượng còn lại và loại được chúng ra khỏi nhóm.
53	<i>Trẻ nhận ra số chẵn, số lẻ trong dãy số từ 1 đến 9.</i>	- Nhận ra số chẵn, số lẻ trong dãy số tự nhiên từ 1 đến 9. - Sắp xếp đồ dùng, đồ chơi theo số chẵn, số lẻ trong một số hoạt động.
54	- Trẻ nhận ra qui tắc sắp xếp đơn giản và tiếp tục thực hiện theo qui tắc. (CS116)	- So sánh, phát hiện quy tắc sắp xếp và sắp xếp theo quy tắc. Tạo ra quy tắc sắp xếp. Làm quen, với việc sắp xếp các bức tranh theo đúng thứ tự để tạo một bộ phim. Xem bộ phim theo chiều xuôi hoặc chiều ngược qua trò chơi kidsmart : Tạo ra một bộ phim
55	- Biết cách đo độ dài và nói kết quả đo. (CS106)	- Đo độ dài một vật bằng các đơn vị đo khác nhau - Đo độ dài các vật bằng một đơn vị đo nào đó. So sánh và diễn đạt kết quả đo
56	- Trẻ biết đo dung tích các vật, so sánh và nói kết quả đo	- Trẻ biết sử dụng một số dụng cụ đo khác nhau có tại địa phương để đo dung tích các vật, so sánh và diễn đạt kết quả đo.(ống lú, gáo dừa, ống tre...)
57	- Trẻ Nhận biết, phân biệt được khối cầu, khối vuông, khối trụ, khối chữ nhật theo yêu cầu. (CS107)	- Khối cầu, khối vuông, khối chữ nhật, khối trụ và nhận dạng các khối đó trong thực tế. - Lấy được các khối cầu, khối vuông, khối chữ nhật, khối trụ có màu sắc / kích

		thước khác nhau khi nghe gọi tên. - Lấy hoặc chỉ được một số vật quen thuộc có dạng hình học theo yêu cầu. - <i>Xác định và chọn hình, thiết lập trên khoảng trống hoặc theo mẫu thiết kế tại ngôi nhà Chuột trong ngôi nhà toán học của Mille ; trò chơi Bing và Boing.</i>
58	<i>Nhận biết, phân biệt các hình hình học và lắp ghép các hình hình học thành hình mới</i>	- Tạo ra một số hình hình học bằng các cách khác nhau. - <i>Nhận ra, phân biệt được một số hình hình học, biết lắp ghép các hình để tạo thành hình mới qua trò chơi Ngôi nhà chuột trong phần mềm kirdmart.</i> - <i>Sử dụng nguyên liệu sẵn có tại địa phương tạo ra các hình khác nhau từ các dạng hình học.</i>
59	- Trẻ có thể xác định vị trí (trong, ngoài, trên dưới, trước, sau, phải, trái) của một vật so với một vật khác.(CS 108)	- Nói được vị trí (trong, ngoài, trên dưới, trước, sau, phải, trái) của một vật so với một vật khác trong không gian. - Sắp xếp vị trí của vật theo yêu cầu - Xác định vị trí của đồ vật (phía trước-phía sau; phía trên- phía dưới; phía phải-phía trái) so với bản thân trẻ, với bạn khác, với một vật nào đó làm chuẩn. - <i>Truy tìm hạt mứt đậu</i>
60	- <i>Trẻ nhận biết, phân biệt được mối quan hệ đơn giản của một số hiện tượng, khoa học tự nhiên, ngày hôm qua, ngày mai qua sự kiện hàng ngày. (CS110)</i>	- Phân biệt được hôm qua, hôm nay, ngày mai qua các sự kiện hàng ngày trẻ được đến lớp, đi chơi, du lịch.... - Công việc của ngày hôm qua, hôm nay và dự định ngày mai. - <i>Xác định không gian thời gian qua trò chơi trong ngôi nhà của Trudy trong phần mềm kismart.</i>
61	- Trẻ gọi tên các ngày trong tuần theo thứ tự.(CS109)	- Nói được tên các ngày trong tuần theo thứ tự và sắp xếp các ngày theo yêu cầu của cô
62	- Trẻ nói được ngày trên lịch lịch và giờ trên đồng hồ. (CS111)	- Tìm hiểu các ngày trong tuần; Xem lịch nhận biết các ngày trong tuần; Nhận biết giờ trên đồng hồ.

		- Anh em nhà đồng hồ :Làm quen với đồng hồ điện tử Annva2 đồng hồ Dan trên kidsmart. Đồng hồ lịch :
	- <i>Trẻ nhận ra được các buổi trong ngày, thời gian của các buổi trong ngày qua hoạt động do giáo viên tổ chức, qua trò chơi trên phần mềm kidsmart.</i>	- Các buổi trong ngày. Thời gian các giờ trong buổi. - <i>Chơi với thiết bị thông minh : trò chơi Học cách nói về thời gian trên hai loại đồng hồ bằng giờ, nửa giờ và một phần tư giờ</i>
KHÁM PHÁ XÃ HỘI		
63	- Trẻ biết về bản thân, gia đình. <i>Trẻ nhận thức được quyền và bổn phận của trẻ với bản thân với người khác</i>	- Nói được họ tên, ngày sinh, giới tính, đặc điểm bên ngoài, sở thích của bản thân và vị trí của trẻ trong gia đình. - Các thành viên trong gia đình nghề nghiệp của bố, mẹ; sở thích của các thành viên trong gia đình; quy mô gia đình (gia đình nhỏ, gia đình lớn). nhu cầu gia đình. Địa chỉ gia đình. - <i>Quyền và bổn phận của bản thân trong gia đình.</i>
64	- Trẻ biết về trường mầm non. <i>Nhận thức được bản thân có quyền được đi học, được phát triển</i>	- Trẻ biết được những đặc điểm nổi bật của trường, lớp mầm non; công việc của các cô các bác trong trường. - Đặc điểm sở thích của các bạn; các hoạt động của trẻ ở trường. - Biết con đường đến trường có những quy định giao thông gì (biển báo, quy định...) - <i>Quyền được đến trường, được học tập và phát triển toàn diện.</i>
65	- Trẻ thích khám phá các sự vật và hiện tượng xung quanh . (CS113)	- Thích những cái mới (đồ chơi, đồ vật, trò chơi, hoạt động mới, thể hiện ý thích khám phá của riêng mình như ; thích búp bê, ô tô...) - Hay hỏi về những thay đổi xung quanh.
66	- Trẻ giải thích được mối quan hệ nguyên nhân – kết quả đơn	- Trẻ giải thích được câu hỏi bằng mẫu câu: "Tại vì.....nên..." nêu được nguyên

	giản trong cuộc sống hàng ngày.(CS114)	nhân dẫn đến sự việc. - Thí nghiệm, thực nghiệm về sự vật hiện tượng xung quanh như; vật chìm nổi, sự luân chuyển của nước, không khí...
67	- Trẻ có thể kể được một số địa điểm công cộng gần gũi nơi trẻ sống. (CS97)	- Trẻ trả lời được câu hỏi của người lớn về một số địa điểm công cộng gần gũi nơi trẻ sống. VD: Trường Tiểu học, Trường Trung học.....
	- Trẻ có thể kể được một số nghề phổ biến nơi trẻ sống. (CS98)	- Một số nghề phổ biến nơi trẻ sống, sản phẩm của nghề, các hoạt động và ý nghĩa các nghề phổ biến - <i>Kể được một số nghề truyền thống ở địa phương.(làm gốm, đan nát, thêu thố cẩm...)</i>
68	- Trẻ biết danh lam thắng cảnh, các ngày lễ hội, sự kiện văn hóa, di tích lịch sử tại địa phương và hoạt động đặc trưng nổi bật.	- Đặc điểm nổi bật của một số di tích, danh lam thắng cảnh, ngày lễ hội sự kiện văn hóa của quê hương, đất nước (ngày lễ cơm mới, lễ xuống đồng, tết đoan ngọ... của dân tộc Tày, Sán diu) tại địa phương. - <i>Biết cảnh đẹp và ngày lễ của Chùa Hồ Thiên; Chùa Ngọa Vân; Đền An Sinh; Chùa Quỳnh Lâm, khu du lịch sinh thái...</i>
69	- Trẻ hiểu biết về tên gọi, một số thông tin về biển đảo Việt Nam	- Trẻ kể tên một số đảo lớn nhỏ của Việt Nam (Trường Sa, Hoàng Sa, Côn Đảo, Vân Đồn, Phú Quốc...) - Trẻ biết một số thông tin cần thiết về biển đảo Việt Nam.

LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN NGÔN NGỮ

PHÁT TRIỂN KHẢ NĂNG NGHE

70	- Trẻ hiểu một số từ khái quát chỉ sự vật, hiện tượng đơn giản, gần gũi.(CS 63)	- Hiểu và nói được các từ khái quát, từ trái nghĩa chỉ sự vật, hiện tượng đơn giản, gần gũi sau khi được xem tranh, vật thật, mô hình... - Giải nghĩa được một số từ với sự giúp đỡ của người khác
71	-Trẻ nghe và nhận biết được một số từ chỉ người, tên gọi đồ vật, sự vật và hành động rất đơn giản bằng tiếng anh quen	- Nghe và nhận biết khoảng 70 từ, cụm từ chỉ người, tên gọi đồ vật, sự vật và hành động rất đơn giản <i>Nhận biết số từ 1 đến 10 bằng tiếng anh</i>

	<i>thuộc với lứa tuổi.</i>	<i>trong trò chơi bức tượng tác thông minh</i> <i>Leter school</i>
72	- Trẻ nghe và làm theo 2 yêu cầu giản, quen thuộc bằng tiếng Anh.	<i>Hiểu và làm theo mẫu câu: Câu chào hỏi- Hello, tạm biệt- goodbye, hỏi thăm sức khỏe- How are you</i>
73	- Trẻ nghe hiểu và thực hiện được các chỉ dẫn liên quan đến 2 - 3 hành động.(CS62)	- Hiểu và làm theo được 2-3 yêu cầu liên tiếp. - Nghe hiểu nội dung các câu đơn, câu mở rộng, câu phức. - Hiểu và thực hiện được những lời nói và chỉ dẫn của giáo viên. - Biểu hiện sự cố gắng quan sát, nghe và thực hiện các quy định chung trong chế độ sinh hoạt của lớp (giơ tay khi muốn nói, chờ đến lượt, trả lời câu hỏi, chăm chú lắng nghe...)
74	- Trẻ có khả năng nhận ra được sắc thái biểu cảm của lời nói khi vui, buồn, tức giận, ngạc nhiên, sợ hãi.(CS61)	- Nhận ra được sắc thái biểu cảm của lời nói khi vui, buồn tức giận, ngạc nhiên, sợ hãi của người khác và biết sử dụng sắc thái đó vào lời nói của bản thân. - Nhận ra đặc điểm tính cách của nhân vật qua sắc thái ngữ điệu, lời nói của các nhân vật trong các câu chuyện.
75	- Trẻ nghe hiểu nội dung, cảm nhận được vần điệu, nhịp điệu của truyện, thơ, đồng dao ca dao phù hợp với độ tuổi.(CS64)	- Nghe hiểu nội dung, vần điệu, nhịp điệu khác nhau của truyện kể, truyện đọc, thơ, ca phù hợp với độ tuổi và kể lại được những truyện đồng thoại, ngụ ngôn (truyện cười) ngắn, truyện thiếu nhi, truyện cổ, truyện nước ngoài đơn giản, cảm nhận được vần điệu, nhịp điệu của các bài thơ, ca dao, đồng dao, thơ, hò vè có tại địa phương. Bài thơ, ca của nước ngoài. - Trẻ nói được chủ đề và giá trị đạo đức của truyện, thơ, ca dao, hò vè. - Thể hiện sự hiểu biết khi nghe các bài thơ, ca dao, đồng dao, câu đố, hò vè những bài của địa phương, trong nước và quốc tế ... bằng cách trả lời rõ ràng các

		câu hỏi liên quan đến nội dung bài đã nghe và có thể vẽ, đóng kịch, hát, vận động, kể lại chuyện, thơ theo đúng trình tự....
PHÁT TRIỂN KHẢ NĂNG NÓI		
76	- Trẻ biết nói rõ ràng.(CS65)	- Phát âm đúng và rõ ràng - Phát âm các tiếng có phụ âm đầu, phụ âm cuối gần giống nhau và các thanh điệu - Diễn đạt được ý tưởng, trả lời được theo ý của câu hỏi - Phát biểu một cách rõ ràng những trải nghiệm của riêng mình - Nói với âm lượng vừa đủ, rõ ràng để người nghe có thể hiểu được. - Sử dụng và nói rõ ràng một số từ dân tộc gần gũi : mẹ, bố, ông, bà, rổ, rá, đồ vật...
77	- Trẻ biết sử dụng các từ chỉ tên gọi, hành động, tính chất và từ biểu cảm trong sinh hoạt hàng ngày.(CS66)	- Sử dụng các từ loại: danh từ, tính từ, động từ, trạng từ....chỉ tên gọi, hành động, tính chất và từ biểu cảm trong sinh hoạt hàng ngày;
78	- Trẻ biết chăm chú lắng nghe người khác và đáp lại bằng cử chỉ, nét mặt, ánh mắt phù hợp (CS74)	- Chăm chú nghe người khác nói, nhìn vào mắt khi giao tiếp. - Trả lời câu hỏi, đáp lại bằng cử chỉ điệu bộ, nét mặt. - Lắng nghe người kể một cách chăm chú, phản ứng lại bằng những hành động thân thiện. Giơ tay khi muốn nói
79	- Trẻ biết sử dụng các loại câu khác nhau trong giao tiếp.(CS67)	- Diễn đạt được mong muốn, nhu cầu và suy nghĩ bằng nhiều loại câu như câu cảm thán, câu trần thuật, câu nghi vấn (câu hỏi), câu ghép, câu khẳng định, câu phủ định, câu mệnh lệnh....trong giao tiếp hàng ngày. - Sử dụng những từ thông dụng và các loại câu đơn, câu mở rộng để diễn đạt ý.
80	- Trẻ biết sử dụng lời nói để bày tỏ cảm xúc, nhu cầu, ý nghĩ và kinh nghiệm của bản thân.(CS68)	- Bày tỏ tình cảm, nhu cầu và hiểu biết của bản thân rõ ràng, dễ hiểu bằng các câu đơn, câu ghép khác nhau. - Sử dụng ngôn ngữ tự diễn đạt cảm xúc

		của bản thân. <i>- Bày tỏ nhu cầu, cảm xúc hiểu biết của bản thân bằng lời nói, cử chỉ, ánh mắt, điệu bộ một cách phù hợp trong các tình huống : tôn trọng bản thân, nói lên mong muốn, mong được tôn trọng...</i>
81	- Trẻ biết trả lời và đặt câu hỏi.	- Trẻ biết trả lời các câu hỏi về nguyên nhân, so sánh: “Tại sao?”; “Có gì giống nhau?”; “Có gì khác nhau?”; “Do đâu mà có?”. - Trẻ đặt câu hỏi: “Tại sao?”; “Như thế nào?”; “Làm bằng gì?”.
82	- Trẻ biết sử dụng lời nói để trao đổi và chỉ dẫn bạn bè trong hoạt động.(CS69)	- Sử dụng lời nói để trao đổi những nhu cầu cần thiết trong cuộc sống và chỉ dẫn bạn bè trong các hoạt động.
83	<i>-: Trẻ biết phản hồi bằng cử chỉ, hành động một số từ, mẫu câu đơn giản, tình huống giao tiếp quen thuộc bằng tiếng Anh.</i>	<i>- Phản hồi bằng cử chỉ và trả lời bằng 1-3 từ hoặc một số mẫu câu rất đơn giản, quen thuộc khi được hỏi bản thân gia đình.</i> <i>- Trả lời câu hỏi về một số tình tiết rất đơn giản của câu chuyện đã được nghe.</i>
84	- Trẻ biết sử dụng các từ: chào hỏi và từ lễ phép phù hợp với tình huống.(CS77)	- Sử dụng một số từ chào hỏi và từ lễ phép xã giao đơn giản để giao tiếp với mọi người. (Tạm biệt, xin chào...).
85	- Không nói tục, chửi bậy. (CS78)	- Chú ý những hành vi văn hóa trong giao tiếp không nói tục, chửi bậy
86	- Biết cách khởi xướng cuộc trò chuyện(CS72)	- Mạnh dạn, chủ động giao tiếp với mọi người - Sẵn sàng bắt đầu nói chuyện với người khác - Biết cách khởi xướng cuộc trò chuyện bằng các cách khác nhau - Sử dụng ngôn ngữ nói để thiết lập mối quan hệ và hợp tác với bạn bè.
87	- Trẻ có thể kể lại một hiện tượng, một sự kiện nào đó để người khác nghe hiểu được.(CS70)	- Miêu tả hay kể rõ ràng, mạch lạc về một sự việc, hiện tượng nào đó theo trình tự logic nhất định - Kể một câu chuyện về sự việc đã xảy ra gần gũi xung quanh...

88	- Trẻ có thể kể lại nội dung chuyện đã nghe theo trình tự nhất định.(CS71)	- Kể lại được nội dung chuyện thiếu nhi trong và ngoài nước đã nghe theo trình tự nhất định - Trẻ hiểu được các yếu tố của một câu chuyện như các nhân vật, thời gian, địa điểm, phân kết và nói lại được nội dung chính của câu chuyện sau khi được nghe kể hoặc đọc chuyện đó. - Thích thú sáng tạo truyện theo tranh thiếu nhi trong và ngoài nước, đồ vật và kinh nghiệm của bản thân.
89	- Trẻ biết kể chuyện theo tranh..(CS85)	- Nhìn vào tranh vẽ, trẻ có thể nói nội dung mà tranh minh họa, sáng tạo nội dung truyện theo tranh. - Nói được thứ tự của sự việc từ truyện tranh trong và ngoài nước đã được nghe
90	- Trẻ có thể kể lại câu chuyện quen thuộc theo cách khác nhau.(CS120)	- Kể có thay đổi một vài tình tiết như thay tên nhân vật, thay đổi kết thúc, thêm bớt sự kiện... trong nội dung truyện.
91	- Trẻ thích đóng vai các nhân vật trong truyện.	- Đóng được vai của các nhân vật trong truyện và trẻ thích nhập vai nhân vật
LÀM QUEN VỚI ĐỌC, VIẾT		
92	-Trẻ có thể nhận biết ý nghĩa một số kí hiệu, biểu tượng trong cuộc sống.(CS82)	- Một số ký hiệu thông thường trong cuộc sống (đồ dùng cá nhân, nhà vệ sinh, lối ra, nơi nguy hiểm, biển báo giao thông....), Nhận biết các nhãn hàng hóa.
93	- Trẻ nhận dạng được chữ cái trong bảng chữ cái tiếng Việt.(CS91)	- Chữ cái tiếng Việt trong sinh hoạt và trong hoạt động hàng ngày. - Mỗi chữ cái đều có tên , hình dạng khác nhau và cách phát âm riêng. - Nhận dạng các chữ cái và phát âm đúng các âm đó. - Sự khác nhau giữa chữ cái và chữ số.
94	- <i>Trẻ nhận dạng một chữ cái đã học thông qua các hoạt động trải nghiệm và qua bức tương tác thông minh, trò chơi kidsmart.</i>	- <i>Nhận biết được chữ cái tiếng Việt trong sinh hoạt và trong hoạt động hàng ngày.</i> - <i>Biết rằng mỗi chữ cái đều có tên, hình dạng khác nhau và cách phát âm riêng.</i> - <i>Nhận dạng các chữ cái và phát âm đúng các âm đó.</i>

		- Chơi các trò chơi trong phần mềm <i>Kidsmart</i> - trò chơi <i>Happykid</i> (làm quen chữ cái, tập tô chữ, nhóm chữ cái) ; phần mềm bản cảm ứng tương tác. - Phát âm bảng chữ cái bằng tiếng anh thông qua trò chơi trên bục tương tác qua phần <i>Kids learn ABC</i>.
95	-- Trẻ biết chữ viết có thể đọc và thay cho lời nói.(CS86)	- Nhận dạng được các chữ cái và phát âm được các âm đó. - Hiểu rằng có thể dùng tranh ảnh, chữ viết, số, ký hiệu... để thay thế cho lời nói. - Trẻ hiểu rằng chữ viết có ý nghĩa và con người dùng chữ viết với nhiều mục đích khác nhau.
96	- Trẻ biết dùng các ký hiệu hoặc hình vẽ để thể hiện cảm xúc, nhu cầu, ý nghĩ và kinh nghiệm của bản thân.(CS87)	- Trẻ có thể viết lại những trải nghiệm của mình qua những bức tranh hay biểu tượng đơn giản và sẵn sàng chia sẻ với người khác. - Trẻ biết dùng, tạo ra và sao chép các ký hiệu, biểu tượng hoặc hình vẽ, ký tự có tính chất sáng tạo để thể hiện cảm xúc, nhu cầu, ý nghĩ của bản thân;
97	- Trẻ thích bắt chước hành vi viết và sao chép từ, chữ cái.(CS88)	- Trẻ sao chép từ, chữ cái theo trật tự cố định, biết sử dụng các dụng cụ viết vẽ khác nhau để tạo ra các ký hiệu biểu đạt ý tưởng hoặc thông tin nào đấy và nói cho người khác biết ý nghĩa của các ký hiệu đó. - Trẻ bắt chước hành vi viết trong vui chơi và trong hoạt động hàng ngày.
98	- Trẻ biết “Viết” tên của bản thân theo cách của mình.(CS89)	- Biết "viết" tên của bản thân theo trật tự cố định. - Trẻ biết ghép các chữ cái thành tên mình. - Nhận được tên của mình trên các bảng ký hiệu đồ dùng cá nhân và tranh vẽ. - Sau khi vẽ tranh biết viết tên của mình phía dưới.
99	- Trẻ biết “viết” chữ theo thứ tự	- Biết "viết" tên theo thứ tự từ trái qua

	từ trái qua phải, từ trên xuống dưới.(CS90)	phải, từ trên xuống dưới; Hướng viết của các nét chữ <i>- Tô tô theo nét chữ qua trò chơi ABC DRAW, 123 Numbes trên bục tương tác.</i>
100	- Trẻ thích “ Đọc” theo truyện tranh đã biết.(CS84)	- "Đọc" theo truyện tranh đã biết với nội dung chính phù hợp các tranh vẽ; giờ tranh khi hết nội dung truyện
101	- Trẻ thích đọc những chữ đã biết trong môi trường xung quanh.(CS79)	- Chăm chú, quan sát, thích đọc những chữ cái đã biết trong bảng chữ cái ở môi trường xung quanh.
102	- Trẻ thể hiện sự thích thú với sách(CS80)	- Chăm chú xem sách và nghe đọc các loại sách khác nhau. - Thường xuyên chơi ở góc sách, tìm kiếm sách, bắt chước viết hoặc đề nghị người khác đọc cho nghe.
103	- <i>Trẻ thích xem sách, tranh truyện bằng các phương tiện khác nhau</i>	- <i>Xem sách tranh truyện song ngữ</i> - <i>Xem video truyện thơ trên máy tính, ti vi, phòng thư viện, xem họa báo</i>
104	- Trẻ có một số hành vi như người đọc sách.(CS83)	- Phân biệt phần mở đầu, kết thúc của sách. đọc ngắt nghỉ theo các dấu. Đọc truyện qua tranh vẽ. - Chỉ tên các phần của sách ; Bìa, tranh minh họa, tên sách, tên tác giả... giờ, lật, đọc từng trang từ trái sang phải, từ trên xuống dưới.
105	- Trẻ có hành vi giữ gìn, bảo vệ sách.(CS81)	- Biết giữ gìn sách, biết cách giờ sách và cất sách gọn gàng sau khi đọc xong. Không ném, vẽ bậy, xé, làm nhàu , bẩn sách.
LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM KỸ NĂNG XÃ HỘI		
PHÁT TRIỂN TÌNH CẢM		
106	- Trẻ nói được khả năng và sở thích của bản thân.(CS29)	- Sở thích, khả năng của bản thân - Kể những việc mà mình có thể làm được, không làm được và giải thích được lý do. <i>- Học cách thỏa thuận, thương lượng và giải quyết xung đột/mâu thuẫn với người khác một cách lịch sự tôn trọng.</i>
107	- Trẻ nói được khả năng, sở	- Thể hiện sự quan tâm tới người khác

	thích của bạn và người thân.(CS58)	bằng cách nói đúng khả năng và sở thích của một số người gần gũi
108	- Trẻ nói được một số thông tin quan trọng về bản thân và gia đình.(CS27)	- Địa chỉ nhà, số điện thoại của bố (mẹ) và gia đình - <i>Vị trí và trách nhiệm của bản thân trong gia đình và lớp học</i> - Đặc điểm giống và khác nhau của mình với người khác.
109	- Trẻ biết ứng xử phù hợp với giới tính của bản thân.(CS28)	- Nhận biết, phân biệt trang phục phù hợp với giới tính - Trẻ phân biệt được giới tính một cách rõ ràng và biết cư xử phù hợp với giới tính của mình. <i>Những hành động bảo vệ cơ thể của bản thân, của người khác.</i> <i>Tôn trọng sự khác biệt về đặc điểm cơ thể, hình dáng bên ngoài của bản thân và của người khác, kể cả người khuyết tật, khác màu da, dân tộc, màu mắt.</i>
110	- Trẻ biết đề xuất trò chơi và hoạt động thể hiện ý thích riêng của bản thân.(CS30)	- Chủ động và độc lập trong 1 số hoạt động; - Nêu hoặc lựa chọn được các trò chơi, hoạt động mà trẻ thích.
111	- Trẻ mạnh dạn nói ý kiến của bản thân.(CS34)	- Mạnh dạn, tự tin bày tỏ ý kiến - Nhận xét và tỏ thái độ với hành vi "đúng" - "sai", "tốt" - "xấu". - <i>Mọi trẻ trai hay gái đều có thể mạnh dạn, tự tin bày tỏ ý kiến, bày tỏ tình cảm phù hợp với trạng thái cảm xúc của người khác trong các tình huống giao tiếp khác nhau.</i>
112	- Trẻ chấp nhận sự khác biệt của người khác với mình.(CS59)	- Biết chấp nhận sở thích giống và khác nhau giữa mình và các bạn khác - Không chê bai bạn bè. - <i>Tôn trọng và đối xử công bằng với tất cả bạn bè xung quanh, tôn trọng sự khác biệt; Không phân biệt đối xử với các bạn có hoàn cảnh đặc biệt, các bạn có đặc điểm, ngoại hình khác với mình.</i>

113	- Trẻ biết chủ động làm một số công việc đơn giản hàng ngày.(CS33)	- Chủ động làm một số công việc lao động tự phục vụ. - Vệ sinh cá nhân, lau chùi dọn dẹp đồ chơi, chải chiếu, phơi khăn....
114	- Trẻ cố gắng thực hiện công việc đến cùng.(CS31)	- Thực hiện và hoàn thành mọi công việc được giao (Trực nhật, xếp dọn đồ chơi...) - Nhận công việc được giao mà không lưỡng lự.
115	- Thể hiện sự vui thích khi hoàn thành công việc.(CS32)	- Thể hiện thái độ vui sướng, thích thú khi hoàn thành công việc (Khoe với người khác, ngắm nhìn kết quả đã làm được...)
116	- Trẻ nhận biết được các trạng thái cảm xúc vui, buồn, ngạc nhiên, sợ hãi, tức giận, xấu hổ của người khác.(CS35)	- Nhận biết các trạng thái cảm xúc vui, buồn, ngạc nhiên, sợ hãi, tức giận, xấu hổ qua nét mặt, cử chỉ, giọng nói, tranh ảnh, âm nhạc
117	- Trẻ biết bộc lộ trạng thái cảm xúc của bản thân bằng lời nói, cử chỉ, nét mặt. (CS36)	- Bày tỏ cảm xúc phù hợp với người khác trong các tình huống giao tiếp khác nhau.
PHÁT TRIỂN KỸ NĂNG XÃ HỘI		
118	- Trẻ thực hiện một số qui định ở lớp	- Một số quy định ở lớp (lấy và cất đồ dùng cá nhân, đồ chơi đúng chỗ,) - Nhận biết và thể hiện cảm xúc của bản thân đối với cô giáo và bạn bè mỗi khi đến lớp qua các biểu tượng lớp học hạnh phúc.
119	- Trẻ thực hiện một số qui định ở gia đình và nơi công cộng.	- Một số quy định ở gia đình và nơi công cộng như vứt rác đúng nơi quy định, không ngắt lá, bẻ cành, - Cách mà mỗi thành viên trong gia đình, cộng đồng (trường/lớp/ địa phương...) có thể thực hiện các quy định và giúp đỡ nhau mang lại niềm vui cho nhau.
120	- Trẻ biết lắng nghe ý kiến của người khác.(CS48)	- Lắng nghe ý kiến của người khác, sử dụng cử chỉ, lời nói lễ phép, lịch sự. - Thể hiện cử chỉ lời nói thân thiện, gần gũi với cô giáo, bạn bè và mọi người xung quanh.
121	- Trẻ có thói quen chào hỏi, cảm ơn, xin lỗi và xưng hô lễ	- Chào hỏi, xưng hô lễ phép với người lớn - Biết cảm ơn khi được giúp đỡ hoặc cho

	phép với người lớn. (CS54)	quà; Biết xin lỗi khi biết mình đã mắc lỗi
122	- Trẻ chủ động giao tiếp với bạn bè và người lớn gần gũi.(CS43)	- Chủ động đến nói chuyện giao tiếp với bạn và người lớn gần gũi; - Sẵn lòng trả lời các câu hỏi.
123	- Trẻ biết điều chỉnh giọng nói phù hợp với tình huống và nhu cầu giao tiếp.(CS73)	- Nói đủ nghe, không nói quá to và quá nhỏ trong khi giao tiếp, cần điều chỉnh giọng nói ở các mức độ khác nhau phù hợp với tình huống và nhu cầu giao tiếp như không nói to khi có người bị mệt, tâm trạng buồn - Giao tiếp với người khác với giọng điệu hồn nhiên và cử chỉ thân thiện
124	- Hỏi lại hoặc có những biểu hiện qua cử chỉ điệu bộ, nét mặt khi không hiểu người khác nói. (CS76)	- Có hành vi văn minh, lịch sự trong giao tiếp, hỏi lại hoặc có những biểu hiện qua cử chỉ điệu bộ, nét mặt khi không hiểu người khác nói.
125	- Trẻ biết chờ đến lượt trong trò chuyện, không nói leo, không ngắt lời người khác. (CS75)	- Biết lắng nghe, tôn trọng, chấp nhận chờ đến lượt khi trò chuyện, không nói leo, không ngắt lời người khác.
126	- Trẻ có nhóm bạn chơi thường xuyên.(CS46)	- Có ít nhất 2 bạn hay cùng chơi với nhau.
127	- Trẻ sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ đơn giản cùng người khác.(CS52)	- Cùng bạn làm các công việc đơn giản và có thể chủ động làm trước các công việc và rủ bạn làm theo.
128	- Trẻ biết chờ đến lượt khi tham gia vào các hoạt động.(CS47)	- Biết xếp hàng, vui vẻ chờ đến lượt, không chen ngang, không xô đẩy người khác, không tranh giành, không tranh nói trước khi trò chuyện trong nhóm.
129	- Trẻ biết chấp nhận sự phân công của nhóm bạn và người lớn.(CS51)	- Tham gia vào việc tổ chức các sự kiện của nhóm. Nhận và thực hiện vai của mình trong các trò chơi cùng nhóm bạn. - Tôn trọng hợp tác chấp nhận, vui vẻ thực hiện nhiệm vụ. - <i>Thể hiện trách nhiệm của bản thân qua các hoạt động và cách làm việc trong nhóm.</i>
130	- Trao đổi ý kiến của mình với	- Dùng lời để trao đổi, thoả thuận, trình

	các bạn.(CS 49)	bày ý kiến của mình với các bạn thông qua các hoạt động hàng ngày.
131	- Trẻ thích chia sẻ cảm xúc, kinh nghiệm, đồ dùng đồ chơi với những người gần gũi.(CS44)	- Biết chia sẻ cảm xúc vui, buồn...với bạn bè và người thân, chia sẻ kinh nghiệm, đồ dùng đồ chơi với những người gần gũi. - Chơi vui vẻ với tất cả các bạn.
132	- Trẻ sẵn sàng giúp đỡ khi người khác gặp hoạn nạn khó khăn.(CS45)	- Yêu mến, quan tâm đến mọi người, sẵn sàng giúp đỡ khi người khác gặp khó khăn. - Khi thấy bạn cần sự giúp đỡ, chủ động đến giúp đỡ bạn - Khi bạn hay người lớn yêu cầu sự giúp đỡ sẽ nhiệt tình đến giúp đỡ nhau.
133	- Trẻ dễ chủ động hòa đồng trong nhóm chơi.(CS42)	- Trong nhóm chơi dễ hoà đồng, dễ nhập cuộc, được mọi người tiếp nhận, chơi vui vẻ thoải mái.
134	- Trẻ biết thể hiện sự thân thiện, đoàn kết với bạn bè.(CS50)	- Chơi với bạn và nhường nhịn bạn trong khi chơi và học. - Biết dùng nhiều cách để giải quyết mâu thuẫn với bạn; - Không đánh bạn, không tranh giành đồ chơi, không la hét hoặc nằm ăn vạ;
135	- Trẻ nhận ra việc làm của mình có ảnh hưởng đến người khác(CS53)	- Có thái độ đúng đắn khi nhận ra việc làm của mình có ảnh hưởng đến người khác
136	- Trẻ biết đề nghị sự giúp đỡ của người khác khi cần thiết.(CS 55)	- Khi gặp khó khăn biết tìm sự hỗ trợ, biết sử dụng ngôn ngữ thích hợp để nhờ sự giúp đỡ của người khác. - Thể hiện sự hiểu biết khi nào thì cần nhờ sự giúp đỡ của người lớn
137	- Trẻ quan tâm đến sự công bằng trong nhóm bạn.(CS60)	- Biết chia sẻ, nhường nhịn quan tâm đến sự công bằng trong nhóm chơi.
138	- Trẻ biết thay đổi hành vi và thể hiện cảm xúc phù hợp với hoàn cảnh. (CS40)	- Mối quan hệ giữa hành vi của trẻ và cảm xúc của người khác, cảm xúc của trẻ được thể hiện đúng tình huống, hoàn cảnh và biết kiềm chế cảm xúc khi cần thiết.
139	- Trẻ nhận xét được một số hành vi đúng hoặc sai của con người đối với môi	Biết các hành vi đúng- sai của con người đối với môi trường và nhận xét được vì sao hành vi đó đúng? và vì sao hành vi đó

	trường.(CS56)	sai?
140	- Trẻ có hành vi bảo vệ môi trường trong sinh hoạt hàng ngày.(CS57)	- Biết giữ gìn vệ sinh trường, lớp và ngoài đường - Biết sử dụng tiết kiệm điện, nước.... - Bảo vệ chăm sóc con vật và cây cối.
141	- Trẻ thích chăm sóc cây cối, con vật nuôi quen thuộc. (CS39)	- Thích cho các con vật ăn và ngắm nhìn, vuốt ve các con vật quen thuộc và chăm sóc, bảo vệ cây cối.
LĨNH VỰC PHÁT TRIỂN THẨM MĨ		
142	- Trẻ biết thể hiện sự thích thú trước cái đẹp.(CS38)	- Ngắm nhìn cái đẹp, nhận xét về cái đẹp, thể hiện thái độ, tình cảm khi nghe âm thanh gợi cảm, các bài hát bản nhạc, hiện tượng trong thiên nhiên, cuộc sống và tác phẩm nghệ thuật... trẻ thích thú trước cái đẹp
143	- Trẻ nhận ra giai điệu (vui, êm dịu, buồn) của bài hát hoặc bản nhạc.(CS99)	- Nghe và nhận ra sắc thái (vui, buồn, tình cảm tha thiết) của các bài hát, bản nhạc. - Nghe và nhận biết các thể loại âm nhạc khác nhau (nhạc thiếu nhi, nhạc dân ca, nhạc cổ điển...) <i>- Nghe và nhận ra các loại nhạc nhẹ, nhạc rap, remix, nhạc thiếu nhi, dân ca khác nhau của các vùng miền, nước ngoài, nhạc dân tộc của địa phương (hát then, hát soong cô.....)</i>
144	- Hát đúng giai điệu, bài hát trẻ em.(CS 100)	- Hát đúng giai điệu, lời ca và thể hiện sắc thái, tình cảm của bài hát thiếu nhi trong nước, bài hát thiếu nhi dân tộc, bài hát thiếu nhi nước ngoài. <i>- Hát theo một số bài hát rất đơn giản, quen thuộc bằng tiếng Anh...</i>
145	- Thể hiện cảm xúc và vận động phù hợp với nhịp điệu của bài hát hoặc bản nhạc.(CS101)	- Vận động nhịp nhàng theo giai điệu, nhịp điệu và thể hiện sắc thái phù hợp với các bài hát, bản nhạc. <i>- Thể hiện cảm xúc, thái độ, tình cảm và vận động nhịp nhàng phù hợp với nhịp điệu của bài hát hoặc bản nhạc trong nước, dân tộc và nước ngoài.</i> <i>- Sử dụng các dụng cụ gõ đệm theo</i>

		<i>nhịp, tiết tấu, nhanh, chậm, phối hợp, sử dụng bộ gõ cơ thể.</i>
146	- Trẻ biết sử dụng các dụng cụ âm nhạc để gõ đệm	- Sử dụng các dụng cụ, các đồ dùng, đồ chơi, vật dụng phát ra âm thanh để gõ đệm theo phách, nhịp, tiết tấu các bài hát, bản nhạc thiếu nhi, dân ca, dân tộc và bài hát bản nhạc nước ngoài. - Lựa chọn, thể hiện các hình thức vận động theo nhạc (vận động theo nhạc, nhún theo nhịp, múa theo cô, theo nhóm, vận động theo ý thích của bản thân).
147	- Trẻ biết thể hiện <i>ý tưởng sáng tạo, khả năng phân biệt cao độ âm thanh</i> của trẻ qua các hoạt động vận động âm nhạc và sáng tạo ra sản phẩm theo ý thích (CS119)	- Tự nghĩ ra các hình thức vận động, tạo ra âm thanh theo các bản nhạc, bài hát mà trẻ yêu thích. - <i>Tìm kiếm, lựa chọn các dụng cụ, nguyên vật liệu phù hợp để tạo ra sản phẩm theo ý thích, sáng tạo (sử dụng phương pháp dạy học tiên tiến stem/steam/ Reggio amllia)</i> - <i>Tự phối hợp, phân biệt, sáng tạo âm thanh ghi nhớ nhắc lại các mẫu âm nhạc với công cụ, kết hợp sự khéo léo, thao tác, điều khiển sự chuyển động âm thanh trong phần mềm kitmast</i>
148	- Trẻ có thể đặt tên mới cho đồ vật, đặt lời mới cho bài hát).(CS117)	- Trẻ bước đầu làm quen với hình thức sáng tác âm nhạc bằng cách đặt lời theo giai điệu một bài hát, bản nhạc quen thuộc (một câu hoặc một đoạn)
148	- Trẻ biết sử dụng các vật liệu khác nhau để làm một sản phẩm đơn giản. (CS102).	- Lựa chọn, phối hợp các nguyên vật liệu trong thiên nhiên, phế liệu để tạo ra các sản phẩm. - <i>Thiết kế 1 số sản phẩm có tính ứng dụng trong cuộc sống hàng ngày (Ứng dụng phương pháp dạy học tiên tiến stem/ steam.)</i> - <i>Thiết kế đồ chơi và máy móc. Dựa vào bản mẫu hoặc tự thiết kế. Tô màu và in sản phẩm trong xưởng đồ chơi trên phần mềm kismart.</i>

150	- Trẻ hiểu biết và phối hợp các kỹ năng tạo hình để nêu được ý tưởng, tìm kiếm, lựa chọn các dụng cụ, nguyên vật liệu phù hợp để thể hiện ý tưởng tạo ra sản phẩm tạo hình của mình (CS103)	- Hiểu các kỹ năng tạo hình, phối hợp các kỹ năng vẽ, nặn, cắt, xé dán, xếp hình để tạo ra sản phẩm có màu sắc hình dáng/ đường nét và bố cục. - Trẻ nói được ý tưởng, lựa chọn các dụng cụ, nguyên vật liệu phù hợp khi tạo ra sản phẩm tạo hình của mình, nhận xét sản phẩm tạo hình về màu sắc, hình dáng/ đường nét và bố cục. <i>- Trẻ có thể vẽ theo ý thích, theo yêu cầu thông qua trò chơi trên bục tương tác qua trò chơi Finger paint</i>
151	- Trẻ có thể thực hiện công việc theo cách riêng của mình (CS118)	- Không bắt chước và có những khác biệt trong khi thực hiện nhiệm vụ. - Tạo ra những sản phẩm không giống bạn.

V. Các hoạt động giáo dục, hình thức, phương pháp giáo dục và tổ chức môi trường giáo dục⁵

4.1. Các hoạt động giáo dục

a. Nhà trẻ 12 - 36 tháng tuổi

+ Hoạt động với đồ vật

Hoạt động này đáp ứng nhu cầu của trẻ về tìm hiểu thế giới đồ vật xung quanh, nhận biết công dụng và cách sử dụng một số đồ dùng, đồ chơi, phát triển lời nói, phát triển các giác quan,... Đây là hoạt động chủ đạo của trẻ từ 12 đến 36 tháng tuổi.

+ Hoạt động chơi

Hoạt động này đáp ứng nhu cầu của trẻ về vận động và khám phá thế giới xung quanh, hình thành mối quan hệ với những người gần gũi. Ở độ tuổi này, trẻ có thể chơi thao tác vai (chơi phản ánh sinh hoạt), trò chơi có yếu tố vận động, trò chơi dân gian.

+ Hoạt động chơi - tập có chủ định

Đây là hoạt động kết hợp yếu tố chơi với luyện tập có kế hoạch dưới sự hướng dẫn trực tiếp của giáo viên. Hoạt động này được tổ chức nhằm phát triển thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm, kỹ năng xã hội và những yếu tố ban đầu về thẩm mỹ.

+ Hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh cá nhân

⁵ Mục E của Phần hai và phần ba Chương trình GDMN

Đây là hoạt động nhằm đáp ứng nhu cầu sinh lý của trẻ, đồng thời tập cho trẻ một số nề nếp, thói quen tốt trong sinh hoạt hằng ngày và tạo cho trẻ trạng thái sảng khoái, vui vẻ.

b. Mẫu giáo:

+ . Hoạt động chơi

Hoạt động chơi là hoạt động chủ đạo của trẻ em lứa tuổi mẫu giáo. Trẻ có thể chơi với các loại trò chơi cơ bản sau:

- Trò chơi đóng vai theo chủ đề.
- Trò chơi ghép hình, lắp ráp, xây dựng.
- Trò chơi đóng kịch.
- Trò chơi học tập.
- Trò chơi vận động.
- Trò chơi dân gian.
- Trò chơi với phương tiện công nghệ hiện đại.

+ . Hoạt động học

Hoạt động học được tổ chức có chủ định theo kế hoạch dưới sự hướng dẫn trực tiếp của giáo viên. Hoạt động học ở mẫu giáo được tổ chức chủ yếu dưới hình thức chơi.

+ Hoạt động lao động

Hoạt động lao động đối với lứa tuổi mẫu giáo không nhằm tạo ra sản phẩm vật chất mà được sử dụng như một phương tiện giáo dục. Hoạt động lao động đối với trẻ mẫu giáo gồm: lao động tự phục vụ, lao động trực nhật, lao động tập thể.

+ . Hoạt động ăn, ngủ, vệ sinh cá nhân

Đây là các hoạt động nhằm hình thành một số nề nếp, thói quen trong sinh hoạt, đáp ứng nhu cầu sinh lý của trẻ, tạo cho trẻ trạng thái thoải mái, vui vẻ.

+ Hoạt động tham quan, trải nghiệm

- Đây là một cách học thông qua thực hành, với quan niệm việc học là quá trình tạo ra tri thức mới trên cơ sở trải nghiệm thực tế, dựa trên những đánh giá, phân tích trên những kinh nghiệm, kiến thức sẵn có. Như vậy, thông qua các hoạt động trải nghiệm, trẻ được cung cấp kiến thức, kỹ năng từ đó hình thành những năng lực, phẩm chất và kinh nghiệm. Bên cạnh đó làm mở rộng phạm vi giao tiếp, phạm vi lĩnh hội kiến thức và củng cố, mở rộng kiến thức cho trẻ.

4.2. Hình thức tổ chức:

1. Trẻ nhà trẻ;

a. Theo mục đích và nội dung giáo dục, có các hình thức:

- Tổ chức hoạt động có chủ định của giáo viên và theo ý thích của trẻ.
- Tổ chức lễ, hội: Tổ chức kỷ niệm các ngày lễ hội, các sự kiện quan trọng trong năm liên quan đến trẻ có ý nghĩa giáo dục và mang lại niềm vui cho trẻ (Tết Trung thu, Tết cổ truyền, Tết thiếu nhi (ngày 1/6),...).

b. Theo vị trí không gian, có các hình thức:

- Tổ chức hoạt động trong phòng nhóm.
- Tổ chức hoạt động ngoài trời.

c. Theo số lượng trẻ, có các hình thức:

- Tổ chức hoạt động cá nhân.
- Tổ chức hoạt động theo nhóm nhỏ.
- Tổ chức hoạt động theo nhóm lớn.

Đối với trẻ lứa tuổi nhà trẻ nên chú trọng sử dụng hình thức tổ chức hoạt động cá nhân và theo nhóm nhỏ.

3. Mẫu giáo:

a. Theo mục đích và nội dung giáo dục, có các hình thức:

- Tổ chức hoạt động có chủ định của giáo viên và theo ý thích của trẻ.
- Tổ chức lễ, hội: Tổ chức kỷ niệm các ngày lễ hội, các sự kiện quan trọng trong năm liên quan đến trẻ có ý nghĩa giáo dục và mang lại niềm vui cho trẻ (Tết Trung thu, Ngày hội đến trường, Tết cổ truyền, sinh nhật của trẻ, Ngày hội của các bà, các mẹ, các cô, các bạn gái (8.3), Tết thiếu nhi (ngày 01/6), Ngày ra trường...).

b. Theo vị trí không gian, có các hình thức:

- Tổ chức hoạt động trong phòng lớp.
- Tổ chức hoạt động ngoài trời.

c. Theo số lượng trẻ, có các hình thức:

- Tổ chức hoạt động cá nhân.
- Tổ chức hoạt động theo nhóm.
- Tổ chức hoạt động cả lớp

4.3. Phương pháp giáo dục

1. Trẻ nhà trẻ:

a. Nhóm phương pháp tác động bằng tình cảm

Dùng cử chỉ vỗ về, vuốt ve gần gũi cùng với những điệu bộ, nét mặt, lời nói âu yếm để tạo cho trẻ những cảm xúc an toàn, tin cậy, thỏa mãn nhu cầu giao tiếp, gần gũi, tiếp xúc với người thân và môi trường xung quanh.

b. Nhóm phương pháp trực quan - minh họa

Dùng phương tiện trực quan (vật thật, đồ chơi, tranh ảnh, phim ảnh), hành động mẫu (lời nói và cử chỉ) cho trẻ quan sát, rèn luyện sự nhạy cảm của các giác quan, thỏa mãn nhu cầu tiếp nhận các thông tin từ thế giới bên ngoài. Phương tiện trực quan và hành động mẫu cần sử dụng đúng lúc và kết hợp với lời nói với các minh họa phù hợp.

c. Nhóm phương pháp thực hành

+) Hành động, thao tác với đồ vật, đồ chơi

Tổ chức cho trẻ thao tác trực tiếp với đồ chơi, đồ vật dưới sự hướng dẫn của giáo viên (sờ mó, cầm nắm, lắc, mở đóng, xếp cạnh nhau, xếp chồng lên nhau) để tiếp nhận thông tin, nhận thức và hình thành các hành vi, kỹ năng.

+) Trò chơi

Sử dụng các yếu tố chơi, các trò chơi đơn giản thích hợp để kích thích trẻ hoạt động, mở rộng hiểu biết về môi trường xung quanh và phát triển lời nói và vận động phù hợp.

+) Luyện tập

Tổ chức cho trẻ thực hiện lặp đi lặp lại các câu nói, động tác, hành vi, cử chỉ, điều bộ phù hợp với yêu cầu nội dung giáo dục và hứng thú của trẻ. Lời nói của cô cần hướng đến giúp trẻ dễ dàng thực hiện các hành động, động tác luyện tập.

d. Nhóm phương pháp dùng lời nói (trò chuyện, kể chuyện, giải thích)

Sử dụng lời nói, lời kể diễn cảm, câu hỏi gợi mở phối hợp cùng với các cử chỉ, điều bộ phù hợp nhằm khuyến khích trẻ tiếp xúc với đồ vật và giao tiếp với người xung quanh; bộc lộ ý muốn, chia sẻ những cảm xúc với người khác bằng lời nói và hành động cụ thể. Lời nói và câu hỏi của người lớn cần ngắn gọn, rõ ràng, dễ hiểu phù hợp với kinh nghiệm của trẻ.

Đối với trẻ ở lứa tuổi nhà trẻ dùng tiếng mẹ đẻ khi giao tiếp là chủ yếu.

e. Nhóm phương pháp đánh giá, nêu gương

Ở lứa tuổi nhỏ, người lớn khen, nêu gương, tỏ thái độ đồng tình, khích lệ những việc làm, hành vi, lời nói tốt của trẻ là chủ yếu. Có thể tỏ thái độ không đồng tình, nhắc nhở khi cần thiết nhưng cần nhẹ nhàng, khéo léo.

Giáo viên phối hợp các phương pháp tạo ra sức mạnh tổng hợp tác động đến các mặt phát triển của trẻ, khuyến khích trẻ sử dụng các giác quan (nghe, nhìn, sờ...), sử dụng lời nói và tích cực hoạt động để phát triển; tăng cường giao tiếp, hướng dẫn cá nhân bằng lời nói, cử chỉ và hành động; chú trọng sử dụng phương pháp tác động bằng tình cảm và thực hành. Giáo viên luôn là tấm gương cho trẻ noi theo.

2. Mẫu giáo

a. Nhóm phương pháp thực hành, trải nghiệm

- Phương pháp thực hành thao tác với đồ vật, đồ chơi: Trẻ sử dụng và phối hợp các giác quan, làm theo sự chỉ dẫn của giáo viên, hành động đối với các đồ vật, đồ chơi (cầm, nắm, sờ, đóng mở, xếp chồng, xếp cạnh nhau, xâu vào nhau,...) để phát triển giác quan và rèn luyện thao tác tư duy.

- Phương pháp dùng trò chơi: sử dụng các loại trò chơi với các yếu tố chơi phù hợp để kích thích trẻ tự nguyện, hứng thú hoạt động tích cực giải quyết nhiệm vụ nhận thức, nhiệm vụ giáo dục đặt ra.

- Phương pháp nêu tình huống có vấn đề: Đưa ra các tình huống cụ thể nhằm kích thích trẻ tìm tòi, suy nghĩ dựa trên vốn kinh nghiệm để giải quyết vấn đề đặt ra.

- Phương pháp luyện tập: Trẻ thực hành lặp đi lặp lại các động tác, lời nói, cử chỉ, điệu bộ theo yêu cầu của giáo viên nhằm củng cố kiến thức và kỹ năng đã được thu nhận.

- ***Phương pháp David Copb; Reggio emilia, phương pháp dạy học stem/steam....***

b. Nhóm phương pháp trực quan - minh họa (quan sát, làm mẫu, minh họa)

Phương pháp này cho trẻ quan sát, tiếp xúc, giao tiếp với các đối tượng, phương tiện (vật thật, đồ chơi, tranh ảnh); hành động mẫu; hình ảnh tự nhiên, mô hình, sơ đồ và phương tiện nghe nhìn (phim vô tuyến, đài, máy ghi âm, điện thoại, vi tính) thông qua sử dụng các giác quan kết hợp với lời nói nhằm tăng cường vốn hiểu biết, phát triển tư duy và ngôn ngữ của trẻ.

c. Nhóm phương pháp dùng lời nói

Sử dụng các phương tiện ngôn ngữ (đàm thoại, trò chuyện, kể chuyện, giải thích) nhằm truyền đạt và giúp trẻ thu nhận thông tin, kích thích trẻ suy nghĩ, chia sẻ ý tưởng, bộc lộ những cảm xúc, gợi nhớ những hình ảnh và sự kiện bằng lời nói. Lời nói, câu hỏi của giáo viên cần ngắn gọn, cụ thể, gần với kinh nghiệm sống của trẻ.

d. Nhóm phương pháp giáo dục bằng tình cảm và khích lệ

Phương pháp dùng cử chỉ điệu bộ kết hợp với lời nói thích hợp để khuyến khích và ủng hộ trẻ hoạt động nhằm khơi gợi niềm vui, tạo niềm tin, cổ vũ sự cố gắng của trẻ trong quá trình hoạt động.

e. Nhóm phương pháp nêu gương - đánh giá

- Nêu gương: Sử dụng các hình thức khen, chê phù hợp, đúng lúc, đúng chỗ. Biểu dương trẻ là chính, nhưng không lạm dụng.

- Đánh giá: Thể hiện thái độ đồng tình hoặc chưa đồng tình của người lớn, của bạn bè trước việc làm, hành vi, cử chỉ của trẻ. Từ đó đưa ra nhận xét, tự nhận xét trong từng tình huống hoặc hoàn cảnh cụ thể. Không sử dụng các hình phạt làm ảnh hưởng đến sự phát triển tâm - sinh lý của trẻ.

4.4. Tổ chức môi trường giáo dục

a. Trẻ nhà trẻ

1. Môi trường vật chất

a) Môi trường cho trẻ hoạt động trong phòng nhóm/lớp

- Có các đồ dùng, đồ chơi đa dạng có màu sắc sắc sỡ, hình dạng phong phú, hấp dẫn, linh hoạt nhằm kích thích, mời gọi trẻ, đồ dùng, đồ chơi phát ra tiếng kêu và có thể di chuyển được.

- Sắp xếp, bố trí đồ vật an toàn, hợp lý, đảm bảo thẩm mỹ và đáp ứng mục đích giáo dục.

- Có khu vực để bố trí chỗ ăn, chỗ ngủ cho trẻ đảm bảo yêu cầu quy định.

- Các khu vực hoạt động bố trí phù hợp, linh hoạt có tính mở[32], tạo điều kiện dễ dàng cho trẻ tự lựa chọn và sử dụng đồ vật, đồ chơi, tham gia vào hoạt động[33], đồng thời thuận lợi cho sự quan sát của giáo viên.

+ Trẻ 12 - 24 tháng tuổi có thêm khu vực cho trẻ hoạt động với đồ vật, với sách tranh, bút sáp, giấy, các vật dụng và thiết bị, đồ chơi vận động đơn giản.

+ Trẻ 24 - 36 tháng tuổi có thêm khu vực chơi thao tác vai, chơi với đất nặn, bút vẽ.

b) Môi trường cho trẻ hoạt động ngoài trời

- Sân chơi, thiết bị đồ chơi ngoài trời được trang bị phù hợp với độ tuổi nhà trẻ và sắp xếp ở khu vực gần phòng nhóm/lớp.

- Có vườn cây, bồn hoa, cây cảnh, khu vực nuôi các con vật.

2. Môi trường xã hội

Môi trường chăm sóc, giáo dục trong trường mầm non cần phải đảm bảo an toàn về mặt tâm lý, tạo thuận lợi giáo dục các kỹ năng xã hội cho trẻ. Hành vi, cử chỉ, lời nói, thái độ của giáo viên đối với trẻ và những người khác luôn mẫu mực để trẻ noi theo. Môi trường xã hội nơi trẻ được yêu thương, tôn trọng và đối xử công bằng.

b. Mẫu giáo

1. Môi trường vật chất

a) Môi trường cho trẻ hoạt động trong phòng lớp

- Trang trí phòng lớp đảm bảo thẩm mỹ, thân thiện và phù hợp với nội dung[80], chủ đề giáo dục.

- Có các đồ dùng, đồ chơi, nguyên vật liệu đa dạng, phong phú, hấp dẫn trẻ.

- Sắp xếp và bố trí đồ dùng, đồ chơi hợp lý, đảm bảo an toàn và đáp ứng mục đích giáo dục.

- Có khu vực để bố trí chỗ ăn, chỗ ngủ cho trẻ đảm bảo yêu cầu quy định.

- Các khu vực hoạt động bố trí phù hợp, linh hoạt (có thể bố trí cố định hoặc có thể di chuyển), mang tính mở, tạo điều kiện dễ dàng cho trẻ tự lựa chọn và sử dụng đồ vật, đồ chơi, tham gia hoạt động và thuận lợi cho sự quan sát của giáo viên.

- Các khu vực hoạt động của trẻ gồm có: Khu vực chơi đóng vai; tạo hình; thư viện (sách, tranh truyện); khu vực ghép hình, lắp ráp/xây dựng; khu vực dành cho hoạt động khám phá thiên nhiên và khoa học; hoạt động âm nhạc và có khu vực yên tĩnh cho trẻ nghỉ ngơi. Khu vực cần yên tĩnh bố trí xa các khu vực ồn ào. Tên các khu vực hoạt động đơn giản, phù hợp với chủ đề và tạo môi trường làm quen với chữ viết.

Môi trường không hạn chế, cho phép ter sáng tạo tối đa. Mang tính bản địa; kích thích và thu hút sự hứng thú của trẻ.

- ***Công cụ, máy móc công nghệ số phù hợp với điều kiện thực tế, phù hợp với khả năng phát triển và nhận thức của trẻ.***

b) Môi trường cho trẻ hoạt động ngoài trời, gồm có:

- Sân chơi và sắp xếp thiết bị chơi ngoài trời.

- Khu chơi với cát, đất, sỏi, nước.
- Bồn hoa, cây cảnh, nơi trồng cây và khu vực nuôi các con vật.
- Các khu vực, đồ chơi thí nghiệm, trải nghiệm, khám phá

2. Môi trường xã hội

- Môi trường chăm sóc giáo dục trong trường mầm non cần phải đảm bảo an toàn về mặt tâm lý, tạo thuận lợi giáo dục các kỹ năng xã hội cho trẻ, 100 % trẻ được tôn trọng và đối xử công bằng.

- Trẻ thường xuyên được giao tiếp, thể hiện mối quan hệ thân thiện giữa trẻ với trẻ và giữa trẻ với những người xung quanh.

- Hành vi, cử chỉ, lời nói, thái độ của giáo viên đối với trẻ và những người khác luôn mẫu mực để trẻ noi theo.

5. Đánh giá sự phát triển của trẻ⁶

a. Nhà trẻ 12 -36 tháng

VI. ĐÁNH GIÁ TRẺ HÀNG NGÀY

1. Mục đích đánh giá

Đánh giá nhằm kịp thời điều chỉnh kế hoạch hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ hằng ngày.

2. Nội dung đánh giá

- Tình trạng sức khỏe của trẻ.
- Trạng thái cảm xúc, thái độ và hành vi của trẻ.
- Kiến thức, kỹ năng của trẻ.

3. Phương pháp đánh giá

Sử dụng một hay kết hợp nhiều phương pháp sau đây để đánh giá trẻ:

- Quan sát.
- Trò chuyện, giao tiếp với trẻ.
- Phân tích sản phẩm hoạt động của trẻ.
- Trao đổi với cha, mẹ/người chăm sóc trẻ.

Hằng ngày, giáo viên theo dõi và ghi chép lại những thay đổi rõ rệt của trẻ và những điều cần lưu ý để kịp thời điều chỉnh kế hoạch chăm sóc, giáo dục.

VII - ĐÁNH GIÁ TRẺ THEO GIAI ĐOẠN

1. Mục đích đánh giá

Xác định mức độ đạt được của trẻ ở các lĩnh vực phát triển theo từng giai đoạn, trên cơ sở đó điều chỉnh kế hoạch chăm sóc, giáo dục cho giai đoạn tiếp theo.

2. Nội dung đánh giá

Đánh giá mức độ phát triển của trẻ theo giai đoạn về thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm, kỹ năng xã hội và thẩm mỹ.

3. Phương pháp đánh giá

⁶ Mục G của Phần hai và phần ba Chương trình GDMN

Sử dụng một hay kết hợp nhiều phương pháp sau đây để đánh giá trẻ:

- Quan sát.
- Trò chuyện, giao tiếp với trẻ.
- Phân tích sản phẩm hoạt động của trẻ.
- Sử dụng bài tập tình huống.
- Trao đổi với cha, mẹ/người chăm sóc trẻ

Kết quả đánh giá được giáo viên lưu giữ trong hồ sơ cá nhân trẻ.

4. Thời điểm và căn cứ đánh giá

- Đánh giá cuối độ tuổi (6, 12, 18, 24, 36 tháng) dựa vào kết quả mong đợi.
- Đánh giá mức độ phát triển thể chất của trẻ cần sử dụng thêm chỉ số về cân nặng, chiều cao cuối độ tuổi.

b. Mẫu giáo

I. ĐÁNH GIÁ TRẺ HÀNG NGÀY

1. Mục đích đánh giá

Đánh giá nhằm kịp thời điều chỉnh kế hoạch hoạt động chăm sóc, giáo dục trẻ hằng ngày.

2. Nội dung đánh giá

- Tình trạng sức khỏe của trẻ.
- Trạng thái cảm xúc, thái độ và hành vi của trẻ.
- Kiến thức, kỹ năng của trẻ.

3. Phương pháp đánh giá

Sử dụng một hay kết hợp nhiều phương pháp sau đây để đánh giá trẻ:

- Quan sát.
- Trò chuyện, giao tiếp với trẻ.
- Sử dụng tình huống.
- Phân tích sản phẩm hoạt động của trẻ.
- Trao đổi với cha, mẹ/người chăm sóc trẻ.

Hằng ngày, giáo viên theo dõi và ghi chép lại những thay đổi rõ rệt của trẻ và những điều cần lưu ý để kịp thời điều chỉnh kế hoạch chăm sóc, giáo dục cho phù hợp.

VIII. ĐÁNH GIÁ TRẺ THEO GIAI ĐOẠN

1. Mục đích đánh giá

Xác định mức độ đạt được của trẻ ở các lĩnh vực phát triển theo giai đoạn (cuối chủ đề/tháng, cuối mỗi độ tuổi) trên cơ sở đó điều chỉnh kế hoạch chăm sóc, giáo dục cho giai đoạn tiếp theo.

2. Nội dung đánh giá

Đánh giá mức độ phát triển của trẻ về thể chất, nhận thức, ngôn ngữ, tình cảm và kỹ năng xã hội, thẩm mỹ.

3. Phương pháp đánh giá.

Sử dụng một hay kết hợp nhiều phương pháp sau đây để đánh giá trẻ:

- Quan sát.
- Trò chuyện với trẻ.
- Phân tích sản phẩm hoạt động của trẻ.
- Sử dụng tình huống hoặc bài tập/trắc nghiệm.
- Trao đổi với cha, mẹ/người chăm sóc trẻ.

Kết quả đánh giá được giáo viên lưu giữ trong hồ sơ cá nhân của trẻ.

4. Thời điểm và căn cứ đánh giá

- Đánh giá cuối giai đoạn dựa vào mục tiêu giáo dục chủ đề/tháng, kết quả mong đợi cuối độ tuổi.

- Đánh giá mức độ phát triển thể chất cần sử dụng thêm chỉ số về cân nặng, chiều cao cuối độ tuổi.

IX. TỔ CHỨC THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG

1. Đối với Hiệu Trưởng

Thành lập ban Xây dựng kế hoạch phát triển Chương trình giáo dục nhà trường dựa trên số 01/VBHN -BGDĐT ngày 13/4/2021 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành.

Chỉ đạo xây dựng và phê duyệt lộ trình cụ thể thực hiện kế hoạch chung cho toàn trường

Chủ trì xây dựng và tổ chức thực hiện các đề án, dự án, chương trình nghiên cứu lớn có liên quan đến đơn vị.

Thực hiện triển khai kế hoạch đến toàn thể giáo viên trong nhà trường.

Thường xuyên đôn đốc, giám sát, hỗ trợ các tổ/nhóm chuyên môn và giáo viên trong quá trình triển khai thực hiện kế hoạch

Tổ chức đánh giá thực hiện kế hoạch hành động hàng năm của toàn trường và thực hiện kế hoạch phát triển của toàn trường theo từng giai đoạn phát triển.

Báo cáo kế hoạch thực hiện với phòng GD&ĐT Thị xã Đông Triều.

2. Đối với Phó Hiệu trưởng

Phối hợp với hội đồng nhà trường thực hiện xây dựng kế hoạch phát triển Chương trình giáo dục mầm non dựa trên 01/VBHN -BGDĐT ngày 13/4/2021 của Bộ giáo dục và đào tạo ban hành.

Theo nhiệm vụ được phân công, giúp Hiệu trưởng tổ chức triển khai và chịu trách nhiệm từng phần việc cụ thể, đồng thời kiểm tra và đánh giá kết quả thực hiện kế hoạch, đề xuất những giải pháp để nâng cao chất lượng chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ.

Hướng dẫn giáo viên xây dựng kế hoạch giáo dục tại các tổ chuyên môn, nhóm, lớp.

Thường xuyên đôn đốc, giám sát, hỗ trợ các tổ/nhóm chuyên môn và giáo viên trong quá trình triển khai thực hiện kế hoạch

Cập nhật kịp thời nội dung kế hoạch phát triển chương trình của nhà trường lên trên Website và các bảng thông tin tại

trường để thực hiện, công khai và tạo điều kiện để CMHS, gia đình và xã hội cùng tham gia hỗ trợ, đóng góp.

3. Đối với các tổ chuyên môn

Xây dựng kế hoạch Phát triển Chương trình giáo dục căn cứ vào kế hoạch của nhà trường và đặc điểm của trẻ và nhóm/lớp.

Xây dựng kế hoạch sát với điều kiện của tổ chuyên môn về các vấn đề trọng tâm sát với mục tiêu giáo dục của trường đã đề ra.

Trong quá trình thực hiện, nếu thấy chưa phù hợp sẽ thống nhất điều chỉnh nội dung kế hoạch (nếu có)

Tổ chức đánh giá, rút kinh nghiệm việc thực hiện và báo cáo tình hình, kết quả thực hiện nhiệm vụ với nhà trường.

4. Đối với giáo viên

Thực hiện nghiêm túc Kế hoạch phát triển chương trình giáo dục của tổ chuyên môn và nhà trường.

Thực hiện xây dựng và tổ chức các loại kế hoạch giáo dục phù hợp với tình hình đặc điểm của trẻ tại nhóm/lớp.

Thực hiện đánh giá cuối mỗi ngày, tháng, mỗi giai đoạn/ chủ đề để có những điều chỉnh kế hoạch kịp thời.

Tích cực bồi dưỡng chuyên môn, đặc biệt ứng dụng các phương pháp tiên tiến vào dạy trẻ như phương pháp Montessori, steam, tổ chức các hoạt động cho trẻ thông qua vui chơi, trải nghiệm để trẻ nắm bắt kiến thức, kỹ năng.

X. ĐÁNH GIÁ, ĐIỀU CHỈNH CHƯƠNG TRÌNH GIÁO DỤC NHÀ TRƯỜNG.

Mục đích:

Xác định được mức độ đáp ứng các yêu cầu đối với Trường Mầm non Tràng Lương có chất lượng trong việc thực hiện chương trình giáo dục mầm non.

Cung cấp được thông tin cụ thể để xác định các nội dung, các điều kiện thực hiện chương trình cần cải thiện tại Trường Mầm non Tràng Lương và theo dõi sự thay đổi về chất lượng của Nhà trường.

Hỗ trợ cho các cán bộ quản lý và GVMN trong việc xây dựng các chương trình/ dịch vụ mới; phát triển chương trình của Trường Mầm non Tràng Lương phù hợp với mục tiêu, chiến lược của Nhà trường.

Yêu cầu

- Bảo đảm phù hợp với quan điểm, mục tiêu của chương trình Giáo dục mầm non, đảm bảo tính khoa học, thiết thực hiệu quả phù hợp với văn hóa, điều kiện của địa phương, nhà trường, khả năng và nhu cầu của trẻ.

- Bảo đảm tính chính xác, khách quan, công bằng, công khai, minh bạch trong quá trình thu thập và xử lý thông tin, kết quả đánh giá.

- Bảo đảm lấy trẻ làm trung tâm trong đánh giá và điều chỉnh kế hoạch của quá trình quản lý, tổ chức các hoạt động nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục trẻ, bảo đảm sự phát triển của trẻ đạt kết quả mong đợi theo chương trình của nhà trường.

- Xác định nội dung các tiêu chí đánh giá phải thể hiện kết nối với mục đích đánh giá đáp ứng thực trạng và phù hợp với đối tượng kiểm tra. Tiêu chí và minh chứng để đánh giá được phát triển, mở rộng, cụ thể hóa theo yêu cầu phát triển chương trình của nhà trường.

- Sử dụng phối hợp đa dạng, linh hoạt phương pháp (quan sát thực tế, dự giờ, thăm lớp, trao đổi, phỏng vấn, tọa đàm....), chú trọng phương pháp quan sát. Lưu trữ thông tin, minh chứng để làm cơ sở việc đánh giá được thuận lợi và chính xác.

- Định hướng, khuyến khích sự tiến bộ của đối tượng được kiểm tra, đánh giá.

- Việc nhận định kết quả các mức độ đạt được dựa trên mục đích đánh giá đề ra và cụ thể đối với từng tiêu chí phải đảm bảo sự gắn kết giữa các bước trong quá trình đánh giá.

Tổ chức thực hiện:

Phân công phó hiệu trưởng và các tổ chuyên môn xây dựng bộ công cụ đánh giá, lấy đó làm cơ sở để giáo viên, các tổ chuyên môn và CBQL đánh giá việc thực hiện phát triển chương trình giáo dục của nhà trường một cách kịp thời.

Bên cạnh đó, thường xuyên tổ chức đánh giá việc thực hiện những nội dung trong chương trình, rút kinh nghiệm, đề ra các giải pháp thực hiện trong thời gian tới, để điều chỉnh những bất cập, cải tiến và xây dựng kế hoạch của nhà trường được hiệu quả hơn. Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn vướng mắc các bộ phận cần kịp thời phản ánh về ban lãnh đạo nhà trường để có hướng dẫn chỉ đạo kịp thời.

Trên đây là Kế hoạch giáo dục năm học 2024 -2025 của trường Mầm non Tràng Lương, yêu cầu CBQLGV xây dựng các loại kế hoạch, tổ chức thực hiện các hoạt động chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục theo quy định phù hợp với độ tuổi, điều kiện thực tế của từng nhóm, lớp. Trong quá trình thực hiện có sự đánh giá, điều chỉnh cho phù hợp với bối cảnh thực tế để đạt được kết quả tốt nhất trong công tác chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục trẻ./.

XI: DỰ KIẾN CHỦ ĐỀ VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN CHỦ ĐỀ

1. Nhóm trẻ 13-24 tháng tuổi.

STT	Tên chủ đề	Tuần	Chủ đề nhánh	Thời gian thực hiện	Ghi chú
1	Bé đến trường Mầm non	1	Cô giáo của bé	+Từ 05/09/2024 đến 13/09/2024	- Ngày hội đến trường của bé -Tết trung thu
		2	Trung thu đầu tiên của bé	Từ ngày: 16/09-20/09/2024	
		3	Tên của các cô trong	+Từ ngày: 23/09	

			lớp bé	- 27/09/2024	
		4	Nhóm trẻ của bé	+ Từ ngày: 30/09 - 04/10/2024	
2	Đồ chơi của bé	5	Đồ dùng của bé	+ Từ ngày: 07/09 - 11/10/2024	Ngày phụ nữ Việt Nam 20/10
		6	Đồ chơi trong lớp của bé	+ Từ ngày: 14/10 - 18/10/2024	
		7	Đồ chơi bé thích	+ Từ ngày: 21/10 - 25/10/2024	
		8	Bé và các bạn cùng chơi	Từ 28/10/2024 đến 01/11/2024	
3	Bản thân bé	9	Một số bộ phận trên cơ thể bé	Từ 04/11/2024 đến 08/11/2024	
		10	Tên của bé	Từ 11/11/2024 đến 15/11/2024	
		11	Bé kể về các bộ phận trên cơ thể	Từ 18/11/2024 đến 22/11/2024	
		12	Bé làm gì khi cô gọi?	Từ 25/11/2024 đến 28/11/2024	
4	Mẹ và những người thân yêu của bé	13	Mẹ của bé	+Từ ngày: 02/12 - 06/12/2024	- Ngày Nhà giáo Việt Nam
		14	Những người thân yêu trong gia đình bé	+Từ ngày: 09/12 - 13/12/2024	
		15	Ngôi nhà yêu thương của bé	+Từ 16/12 - 20/12/2024	
		16	Đồ dùng trong gia đình	+Từ ngày: 23/12	

			của bé	- 27/12/2024	
5	Sắp đến tết rồi	21	Bé mong đón tết	+Từ ngày: 30/12 - 03/01/2025	
		22	Bánh trưng ngày tết	+ Từ ngày: 06/01 – 10/01/2025	
		23	Trang phục ngày tết của bé.	+ Từ ngày: 13/01 - 17/01/2025	
		24	Lì xì ngày tết	+Từ ngày: 20/12 - 24/01/2025	
6	Cây và những bông hoa đẹp	25	Nhà bé có những cây gì?	+Từ ngày: 10/02 - 14/02/2025	- Nghỉ tết Nguyên đán từ 27/01 đến ngày 08/2/2025
		26	Cây ăn quả với bé	+Từ ngày: 17/02 - 21/02/2025	
		27	Các loại hoa	+Từ ngày: 24/02- 28/02/2025	
		28	Vườn rau của bé	+Từ ngày: 03/03 -07/03/2025	
7	Động vật quanh bé		Con gà	+Từ ngày: 10/03- 14/03/2025	
			Con cá	+Từ ngày: 17/03- 21/03/2024	
			Bé tìm hiểu “Con gà”	+Từ ngày: 24/03 - 28/03/2025	
			Bé tìm hiểu “con cá”	+Từ ngày: 31/03 - 04/04/2025	
		29	xe đạp, xe máy, ô tô.	+Từ ngày: 07/04	

8	Bé đi khắp nơi bằng phương tiện gì?			- 11/04/2025	- Ngày giỗ tổ Hùng Vương (ngày 7/4)
		30	Tàu thủy	+Từ ngày: 14/04 - 18/04/2025	
		31	Tàu hỏa	+Từ ngày: 21/04 - 25/04/2025	
		32	Máy bay	+Từ ngày: 28/04 - 02/05/2025	
9	Mùa hè đến rồi	33	Trời nắng, trời mưa	+Từ ngày: 05/05 - 09/05/2025	- Ngày giải phóng miền Nam - Quốc tế lao động 1/5 - Sinh nhật bác

2. Nhóm trẻ 24 -36 tháng tuổi.

STT	TÊN CHỦ ĐỀ	Tuần	CHỦ ĐỀ NHÁNH	THỜI GIAN THỰC HIỆN	GHI CHÚ
1	Bé đến trường mầm non	1	Lớp học của bé	Từ 09/09/2024 đến 13/09/ 2024	- Ngày hội đến trường của bé - Tết Trung thu (17/9)
		2	Cô giáo và các bạn	Từ 16/09/2024 đến 20/09/ 2024	
		3	Tết trung thu vui quá	Từ 23/09/2024 đến 27/09/ 2024	
		4	Lớp mình có nhiều đồ chơi	Từ 30/09/2024 đến 04/09/2024	
2	Đồ chơi của bé	5	Đồ chơi của bé	Từ 07/10/2024 đến 11/10/2024	- Ngày phụ nữ Việt Nam 20/10
		6	Đồ chơi bé thích	Từ 14/10/2024 đến 18/9/2024	
		7	Bé thích chơi gì với bạn?	Từ 21/10/2024 đến 25/10/2024	

3	Bé ngoan	8	Bé đã lớn rồi	Từ 28/10/2024 đến 01/11/2024	- Ngày hội của cô giáo 20/11
		9	Bé ngoan lễ phép	Từ 04/11/2024 đến 08/11/2024	
		10	Bé và các bạn	Từ 11/11/2023 đến 15/11/2023	
		11	Bé yêu cô giáo	Từ 18/11/2024 đến 22/11/2024	
4	Ngôi nhà thân yêu của bé	12	Ngôi nhà thân yêu	Từ 25/11/2024 đến 29/11/2024	
		13	Mẹ của bé	Từ 02/12/2024 đến 06/12/2024	
		14	Đồ dùng thân quen của bé	Từ 09/12/2024 đến 13/12/2024	
		15	Những người yêu thương bé	Từ 16/12/2024 đến 20/12/2024	
5	Bé với các cô các bác trong trường	16	Cô giáo của bé	Từ 23/12/2024 đến 27/12/2024	- Nghỉ tết dương lịch 1 ngày
		17	Cô cấp dưỡng	Từ 30/12/2024 đến 03/01/2025	
6	Tết đến rồi	18	Bé và ngày tết	Từ 06/01/2025 đến 10/01/2025	- Nghỉ tết Nguyên đán từ 27/01 đến ngày 08/2/2025
		19	Đi chơi ngày tết	Từ 13/01/2025 đến 17/01/2025	
		20	Hoa, quả ngày tết	Từ 20/01/2025 đến 24/01/2025	
7	Cây và những bông hoa đẹp.	21	Vườn cây của bé	Từ 10/02/2025 đến 14/2/2025	- Ngày quốc tế phụ nữ 8/3.
		22	Bé thích hoa gì?	Từ 17/02/2025 đến 21/02/2025	
		23	Rau, Củ quanh em	Từ 24/02/2025 đến 28/02/2025	
		24	Những loại quả bé thích	Từ 03/03/2025 đến 07/03/2025	

8	Những con vật yêu thích	25	Con gà, con chim, con mèo, con chó.	Từ 10/3/2025 đến 14/03/2025	
		26	Con Cá, con Chim cánh cụt	Từ 17/03/2024 đến 21/03/2024	
		27	Con Ong, con Bướm	Từ 24/03/2025 đến 28/03/2025	
		28	Khủng Long/cá Sấu	Từ 31/03/2025 đến 04/04/2025	
9	Bé đi đường an toàn	29	Xe đạp xe máy, ô tô	Từ 07/04/2025 đến 11/04/2024	- Ngày giỗ tổ Hùng vương (7/4)
		30	Tàu thủy, Thuyền buồm	Từ 14/04/2025 đến 18/04/2025	
		31	Tàu hỏa, máy bay	Từ 21/4/2025 đến 25/04/2025	
10	Thiên nhiên quanh bé	32	Trời nắng, trời mưa	Từ 28/04/2025 đến 02/05/2025	- Giải phóng miền nam 30/04 - Quốc tế lao động 01/05
		33	Mùa hè đến	Từ 05/05/2025 đến 09/05/2025	
11	Bé lên Mẫu giáo	34	Làm quen với lớp mẫu giáo 3 tuổi	Từ 12/5/2025 đến 16/05/2025	- Sinh nhật Bác
		35	Làm quen với một động của anh chị mẫu giáo 3 tuổi	Từ 19/05/2025 đến 23/05/2025	

3. Mẫu giáo 3-4 tuổi.

DỰ KIẾN KẾ HOẠCH CHỦ ĐỀ VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN

STT	TÊN CHỦ ĐỀ	Tuần	CHỦ ĐỀ NHÁNH	THỜI GIAN THỰC HIỆN	GHI CHÚ
1	TRƯỜNG MẦM NON	1	Bé vui đến trường	Từ 09/09/2024 đến 13/09/ 2024	- Ngày hội đến trường của bé - Tết Trung
		2	Bé vui trung thu	Từ 16/09/2024 đến 20/09/ 2024	

		3	Lớp học của bé	Từ 23/09/2024 đến 27/09/ 2024	thu (17/9)
2	BẢN THÂN	4	Tôi là ai?	Từ 30/09/2024 đến 04/09/2024	- Ngày phụ nữ Việt Nam 20/10
		5	Cơ thể tôi	Từ 07/10/2024 đến 11/10/2024	
		6	Những món ăn bé thích.	Từ 14/10/2024 đến 18/9/2024	
3	GIA ĐÌNH	7	Gia đình tôi	Từ 21/10/2024 đến 25/10/2024	
		8	Ngôi nhà gia đình	Từ 28/10/2024 đến 01/11/2024	
		9	Đồ dùng gia đình	Từ 04/11/2024 đến 08/11/2024	
		10	Những ngày vui của gia đình	Từ 11/11/2024 đến 15/11/2024	
4	NGHỀ NGHIỆP	11	Ngày nhà giáo việt nam	Từ 18/11/2024 đến 22/11/2024	- Ngày hội của cô giáo 20/11
		12	Bố mẹ bé làm nghề gì?	Từ 25/11/2024 đến 29/11/2024	
		13	Nghề xây dựng.	Từ 02/12/2024 đến 06/12/ 2024	
		14	Nghề dịch vụ.	Từ 09/12/2024 đến 13/12/2024	
5	ĐỘNG VẬT QUANH EM	15	Nhà bé nuôi con gì?	Từ 16/12/2024 đến 20/12/2024	- Nghỉ tết dương lịch 1 ngày
		16	Những chú cá đáng yêu.	Từ 23/12/2024 đến 27/12/2024	
		17	Bé tìm hiểu về loài bò sát.	Từ 30/12/2024 đến 03/01/2024	
		18	Bé tìm hiểu về côn trùng	Từ 06/01/2025 đến 10/01/2025	
6		19	Bé mong đón tết	Từ 13/01/2025	- Nghỉ tết

	TẾT ĐẾN, XUÂN VỀ			đến 17/01/2025	Nguyên đán từ 27/01 đến ngày 08/2/2025
		20	Bé đón xuân về	Từ 20/01/2025 đến 24/01/2025	
		21	Hoa Mùa xuân	Từ 10/02/2025 đến 14/2/2025	
7	THỰC VẬT QUANH EM.	22	Bé yêu cây xanh	Từ 17/02/2025 đến 21/02/2025	- Ngày quốc tế phụ nữ 8/3.
		23	Một số loại rau củ	Từ 24/02/2025 đến 28/02/2025	
		24	Ngày vui mừng 8/3	Từ 03/3/2025 đến 07/03/2025	
		25	Một số loại quả	Từ 10/3/2025 đến 14/03/2025	
8	GIAO THÔNG	26	PTGT đường bộ	Từ 17/03/2025 đến 21/03/2025	- Ngày giỗ tổ Hùng vương (7/4)
		27	PTGT đường sắt	Từ 24/03/2025 đến 28/03/2025	
		28	PTGT đường thủy, đường không	Từ 31/03/2025 đến 04/04/2025	
		29	Luật giao thông đường bộ	Từ 07/04/2025 đến 11/04/2025	
9	Nước và các hiện tượng tự nhiên	30	Nước	Từ 14/04/2025 đến 18/04/2025	- Giải phóng miền nam 30/04 - Quốc tế lao động 01/05
		31	Một số Hiện tượng tự nhiên	Từ 21/4/2025 đến 25/04/2025	
		32	Trang phục mùa hè	Từ 28/04/2025 đến 02/05/2025	
10	Quê hương đất nước Bắc Hồ	33	Quê hương Tràng Lương yêu quý	Từ 05/05/2025 đến 09/05/2025	- Sinh nhật Bác

Mẫu giáo 4- 5 tuổi

DỰ KIẾN KẾ HOẠCH CHỦ ĐỀ VÀ THỜI GIAN THỰC HIỆN

STT	TÊN CHỦ ĐỀ	Tuần	CHỦ ĐỀ NHÁNH	THỜI GIAN THỰC HIỆN	GHI CHÚ
1	TRƯỜNG MẦM NON	1	Trường Mầm non Tràng Lương	Từ 05/09/2024 đến 13/09/ 2024	- Ngày hội đến trường của bé - Tết Trung thu (17/9)
		2	Bé vui hội trăng rằm	Từ 16/09/2024 đến 20/09/ 2024	
		3	Lớp 4 tuổi B1 của bé	Từ 23/09/2024 đến 27/09/ 2024	
2	BẢN THÂN	4	Tôi là ai?	Từ 30/09/2024 đến 04/09/2024	- Ngày phụ nữ Việt Nam 20/10
		5	Các giác quan và cách bảo vệ các giác quan	Từ 07/10/2024 đến 11/10/2024	
		6	Những món ăn bé thích.	Từ 14/10/2024 đến 18/9/2024	
3	GIA ĐÌNH	7	Ngôi nhà gia đình bé	Từ 21/10/2024 đến 25/10/2024	
		8	Đồ dùng trong gia đình bé	Từ 28/10/2024 đến 01/11/2024	
		9	Gia đình thân thương	Từ 04/11/2024 đến 08/11/2024	
		10	Bé cần làm gì để được an toàn khi ở nhà?	Từ 11/11/2024 đến 15/11/2024	
4	NGHỀ NGHIỆP	11	Nghề giáo viên	Từ 18/11/2024 đến 22/11/2024	- Ngày hội của cô giáo 20/11
		12	Nghề sản xuất	Từ 25/11/2024 đến 29/11/2024	
		13	Nghề dịch vụ	Từ 02/12/2024 đến 06/12/ 2024	
		14	Nghề truyền thống quê em	Từ 09/12/2024 đến 13/12/2024	
5	ĐỘNG	15	Nhà bé nuôi con gì?	Từ 16/12/2024 đến 20/12/2024	- Nghỉ tết dương lịch
		16	Loài vật sống dưới nước	Từ 23/12/2024	

	VẬT QUANH EM			đến 27/12/2024	1 ngày
		17	Bé tìm hiểu về loài bò sát.	Từ 30/12/2024 đến 03/01/2025	
		18	Bé tìm hiểu về côn trùng	Từ 06/01/2025 đến 10/01/2025	
6	TẾT ĐẾN, XUÂN VỀ	19	Bé vui đón Tết	Từ 13/01/2025 đến 17/01/2025	- Nghỉ tết Nguyên đán từ 27/01 đến ngày 08/2/2025
		20	Món ăn ngày Tết	Từ 20/01/2025 đến 24/01/2025	
		21	Lễ hội mừng xuân+	Từ 10/02/2025 đến 14/2/2025	
7	THỰC VẬT QUANH EM.	22	Em yêu cây xanh	Từ 17/02/2025 đến 21/02/2025	- Ngày quốc tế phụ nữ 8/3.
		23	Muôn hoa khoe sắc	Từ 24/02/2025 đến 28/02/2025	
		24	Ngày vui mừng 8/3	Từ 03/3/2025 đến 07/03/2025	
		25	Một số loại rau củ quả	Từ 10/3/2025 đến 14/03/2025	
8	GIAO THÔNG	26	Một số quy định PTGT đường bộ.	Từ 17/03/2025 đến 21/03/2025	- Ngày giỗ tổ Hùng vương (7/4)
		27	Một số PTGT đường thủy.	Từ 24/03/2025 đến 28/03/2025	
		28	Một số PTGT đường hàng không	Từ 31/03/2025 đến 04/04/2025	
		29	Một số PTGT đường sắt	Từ 07/04/2025 đến 11/04/2025	
9	Nước và các hiện tượng tự nhiên	30	Sự kì diệu của nước	Từ 14/04/2025 đến 18/04/2025	-Giải phóng miền nam 30/04 - Quốc tế lao động 01/05
		31	Một số hiện tượng tự nhiên	Từ 21/4/2025 đến 25/04/2025	
		32	Các mùa trong năm	Từ 28/04/2025 đến 02/05/2025	

10	Quê hương đất nước Bác Hồ	33	Quê hương yêu dấu	Từ 05/05/2025 đến 09/05/2025	- Sinh nhật Bác
		34	Đất nước Việt Nam Diệu Kỳ	Từ 12/5/2025 đến 16/05/2025	
		35	Bác Hồ kính yêu.	Từ 19/05/2025 đến 23/05/2025	

Mẫu giáo 5 – 6 tuổi

STT	TÊN CHỦ ĐỀ	Tuần	CHỦ ĐỀ NHÁNH	THỜI GIAN THỰC HIỆN	GHI CHÚ
1	TRƯỜNG MẦM NON	1	Ngày hội bé đến trường	Từ 05/09/2024 đến 13/09/ 2024	- Ngày hội đến trường của bé - Tết Trung thu (17/9)
		2	Bé vui hội trăng rằm	Từ 16/09/2024 đến 20/09/ 2024	
		3	Trường Mầm non Tràng Lương	Từ 23/09/2024 đến 27/09/ 2024	
		4	Lớp 5 tuổi A2 của bé	Từ 30/09/2024 đến 04/09/2024	
2	BẢN THÂN	5	Tôi là ai	Từ 07/10/2024 đến 11/10/2024	- Ngày phụ nữ Việt Nam 20/10
		6	Một số bộ phận trên cơ thể.	Từ 14/10/2024 đến 18/9/2024	
		7	Bé cần gì để lớn lên và khỏe mạnh	Từ 21/10/2024 đến 25/10/2024	
3	GIA ĐÌNH	7	Bố mẹ và những người thân yêu của bé	Từ 28/10/2024 đến 01/11/2024	
		8	Ngôi nhà của bé	Từ 04/11/2024 đến 08/11/2024	
		9	Đồ dùng trong gia đình	Từ 11/11/2024 đến 15/11/2024	

4	NGHỀ NGHIỆP	11	Nghề phổ biến quen thuộc.	Từ 18/11/2024 đến 22/11/2024	- Ngày hội của cô giáo 20/11
		12	Nghề sản xuất	Từ 25/11/2024 đến 29/11/2024	
		13	Nghề dịch vụ	Từ 02/12/2024 đến 06/12/ 2024	
		14	Nghề truyền thống ở Trảng Lơ	Từ 09/12/2024 đến 13/12/2024	
5	THỰC VẬT QUANH EM	15	Ngày TLQĐNDVN	Từ 16/12/2024 đến 20/12/2024	- Nghỉ tết dương lịch 1 ngày
		16	Cây xanh và môi trường sống,	Từ 23/12/2024 đến 27/12/2024	
		17	Một số loại hoa, Quả.	Từ 30/12/2024 đến 03/01/2025	
		18	Một số loại rau, củ	Từ 06/01/2025 đến 10/01/2025	
	TẾT ĐẾN, XUÂN VỀ	19	Bé vui đón tết	Từ 13/01/2025 đến 17/01/2025	- Nghỉ tết Nguyên đán từ 27/01 đến ngày 08/2/2025
		20	Lễ hội mừng xuân	Từ 20/01/2025 đến 24/01/2025	
	ĐỘNG VẬT QUANH EM	21	Tìm hiểu về loài Chim và Thú	Từ 10/02/2025 đến 14/2/2025	- Ngày quốc tế phụ nữ 8/3.
		22	Các con vật sống dưới nước	Từ 17/02/2025 đến 21/02/2025	
		23	Bé biết gì về loài bò sát?	Từ 24/02/2025 đến 28/02/2025	
		24	Những con Côn trùng	Từ 03/3/2025 đến 07/03/2025	
	GIAO	25	Phương tiện và quy	Từ 10/3/2025	- Ngày giỗ

	THÔNG		định và PTGT đường bộ,	đến 14/03/2025	tổ Hùng Vương (10/03 âm lịch)
		26	Phương tiện và quy định và PTGT đường thủy,	Từ 17/03/2025 đến 21/03/2025	
		27	Phương tiện và quy định và PTGT đường sắt	Từ 24/03/2025 đến 28/03/2025	
		28	Phương tiện và quy định và PTGT đường hàng không	Từ 31/03/2025 đến 04/04/2025	
	NƯỚC VÀ CÁC HIỆN TƯỢNG TỰ NHIÊN	29	Nước	Từ 07/04/2025 đến 11/04/2025	
		30	Các hiện tượng tự nhiên	Từ 14/04/2025 đến 18/04/2025	
		31	Các mùa trong năm	Từ 21/4/2025 đến 25/04/2025	
	QUÊ HƯƠNG, ĐẤT NƯỚC	32	Quê hương của bé	Từ 28/04/2025 đến 01/05/2025	Ngày 30/4; 01/05)
		33	Đất nước VN diệu kì	Từ 04/05/2025 đến 08/05/2025	
	TRƯỜNG TIỂU HỌC	34	Bác Hồ kính yêu	Từ 12/05/2025 đến 16/05/2025	Sinh nhật Bác 19/5
		35	Bé làm quen với trường tiểu học	Từ 19/05/2025 đến 23/05/2025	

